

Ý kiến về hiệp định thương mại Việt Mỹ

Quá trình toàn cầu hoá, trong đó thương mại quốc tế là cơ sở, tưởng như điều xa lạ, chưa từng xảy ra trong lịch sử nhưng thật ra không phải là điều mới. Khoảng thời gian 1880 đến trước thế chiến thứ nhất (1914), tư bản tài chính từ Anh, Pháp, Đức, Hà Lan chảy ra nước ngoài lên đến 9 % GDP, cao hơn hiện nay. Xuất khẩu so với GDP từ Mỹ lúc đó khoảng 8 % GDP so với hiện nay là 9 %. Cả một thời gian dài của thế kỷ 19, di dân từ nước này sang nước kia là chuyện bình thường, tấm thẻ hộ chiếu và thị thực là điều xa lạ. Nước Mỹ chỉ bắt đầu hạn chế di dân từ năm 1880. Cũng từ thời kỳ đó, các nước công nghiệp bắt đầu các chính sách bảo hộ, cuối cùng đưa đến hậu quả là chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Sau đó, chính sách bảo hộ, hạn chế di dân trở thành phổ biến, ngày càng đưa đến hạn chế thương mại quốc tế và mới chuyển hướng thật sự vào thập niên cuối của thế kỷ 20. Nói như vậy không có nghĩa là quá trình toàn cầu hoá hiện nay giống như hồi trước, nó thật ra rất khác về bê sâu. Hàng hoá và dịch vụ trong nền kinh tế có thể xuất khẩu được hiện nay bao trùm rộng hơn trước kia, do đó số người bị ảnh hưởng lớn hơn. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cũng không phải mới, nhưng nó phát triển ở mức nhanh chưa từng thấy, do đó các nước đang phát triển có thể lợi dụng nhanh chóng tiếp nhận công nghệ tiên tiến. Do sự thay đổi về thông tin và vận tải của thời đại hiện nay và tương lai, quá trình toàn cầu hoá sắp tới sẽ càng ngày càng sâu rộng hơn nếu như các thể chế mới bảo đảm được tính công bằng, không phân biệt đối xử, không bị một số nước nào đó sử dụng làm vũ khí kinh tế trừng phạt những nước không theo mình. Và tất nhiên thể chế đó cũng cần cân nhắc bước đi để tránh những hậu quả tai hại lớn về xã hội chính trị mà toàn cầu hoá đem đến, nếu không nó khó tránh khỏi sự chống đối của dân chúng trên khắp thế giới.

Tại sao nhiều nước ở châu Á trong đó có Việt Nam bị bỏ lại đằng sau trong thế kỷ 18 và 19 ? Dĩ nhiên lý do chính là chủ nghĩa đế quốc. Nhưng chủ nghĩa đế quốc chắc khó thành công như nó đã thành công nếu các nước này không áp dụng chính sách bế quan tỏa cảng, với việc vua chúa giành độc quyền ngoại thương. Họ làm thế không phải chỉ vì họ muốn có nguồn thu nhập đáng kể, mà chính vì họ sợ các thế lực nhân dân giàu có hơn có thể đánh đổ triều đại. Trước thế chiến thứ nhất dưới thời thực dân đô hộ, theo các nghiên cứu mới đây, Việt Nam ngang tầm với Hồng Kông và Đài Loan, (xem tiếp trang 15)



Tháp Po Rome, di tích kiến trúc Chăm (Chàm, Chiêm Thành), huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|------------------------------------|---------------|
| 1 Ý kiến về hiệp định Việt Mỹ | Vũ Quang Việt |
| 4 Tin tức | |
| 9 Vai trò cường quốc của Trung Hoa | Ngô V. Long |
| 12 Tân phatxit hay dân tuý ? | Nguyễn Quang |
| 14 Sự im lặng đáng sợ | Phong Quang |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|----------------------------------|------------------|
| 16 Một bài học khó | Phan Đình Diêu |
| 19 Vẽ tên gọi con rồng | Nguyễn Tài Cẩn |
| 21 Điểm sách | A. Guénel |
| 22 Thực và ảo | Văn Ngọc |
| 25 Người đàn bà... (truyện ngắn) | Dương Hướng |
| 28 Tình 2000 (thơ) | Ngô Thị Mỹ Trang |
| 32 Ân mạng... (truyện ngắn) | Vũ Hồi Nguyên |

Radio France Internationale

recherche 1 journaliste bilingue vietnamien/français
(*langue maternelle vietnamienne*)
sous contrat à durée déterminée

La rigueur de l'information, une bonne connaissance de l'actualité française, internationale – et plus particulièrement asiatique – sont les qualités requises. L'activité nécessite une expérience radio confirmée, une culture générale et une maîtrise de l'outil informatique.

Candidats en règle vis-à-vis de la législation en vigueur.

*Adresser CV et lettre de motivation
avant le 10 mars 2000 à :*
RFI - DRH
104, avenue du Président Kennedy - 75016 Paris
Fax : 01 44 30 87 39. E-mail : recrute@rfi.fr

Lịch trình tấu của Nguyễn Lê

17.3 tại Oslo với Renaud Garcia Fons và Tino di Geraldo ; **18.3** tại Trondheim : Nguyên Lê Trio (trừ RGF) ; **20 & 21.3** tại Paris (Duc des Lombards) : Nguyên Lê Trio ; **22.3** tại Leeds, **23.3** tại Manchester, **24.3** tại Kendal, **25.3** tại Leicester : Nguyên Lê Trio

1 và 2.4 tại Roma / Milano : Nguyên Lê Trio ; **9.4** tại Thụy Sĩ : với Paolo Fresu Angel 4tet ; **15.4** tại Sallomines với ban « *Maghreb & Friends* » ; **27 và 28.4** tại Munich (ACT night) : Nguyên Lê Trio ; **29.4** tại Paris (Cité de la Musique) : Nguyên Lê Trio (với Linley Marthe, Laurent Robin).

Voilà voilà

vở múa của **Compagnie EA SOLA**

LISBOA, Portugal (Culturgest) : 14-15 tháng 4 ;
BRUGES, Bỉ (Cultuur Centrum) : 4 tháng 5 ; **UTRECHT**, Hà Lan (Stadsschowburg) : 11 tháng 5 ; **ECHIROLLES**, Pháp (La Rampe/Le Cargo hors les Murs) : 23 tháng 5

La Danse du Temps

vở múa của **Ballet Atlantique / R. Chopinot**
nhạc **Tôn Thất Tiết**

CHELLES (Théâtre de) : 8 tháng 3 ; **REIMS** (Scène Nationale) : 10 tháng 3 ; **Festival HUẾ 2000** : 8-21 tháng 4 ; **FOIX** (Scène Nationale) : 16 tháng 5 ; **ALES** (Scène Nationale) : 19 tháng 5.

Bạn đọc và Diên Đàn

Quỹ cứu trợ bão lụt miền Trung

Tính đến ngày 15 tháng 2 năm 2000, chúng tôi đã nhận được tổng cộng **19 292 FF** của bạn đọc và biên tập viên gửi từ Pháp, Thụy Sĩ, Đức và Canada vào quỹ cứu trợ bão lụt miền Trung. Như đã thông báo trên số 91 (tháng 12.1999), số tiền này sẽ dùng để tài trợ phương án xây dựng lại trường phổ thông xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, Quảng Nam.

Diên Đàn xin thành thực cảm ơn nghĩa cử sự tin cậy của bạn đọc. Ban quản lý đã gửi giấy biên nhận tới những bạn đọc đã gửi tiền đóng góp.

Cuối tháng 12.1999, chúng tôi đã gửi 10 000 FF qua báo *Tuổi Trẻ* để tài trợ quỹ xây dựng nồi trên và đã nhận được giấy biên nhận số 1131, đê ngày 30.12.1999 của báo *Tuổi Trẻ*. Số tiền còn lại (và những số tiền mà bạn đọc có thể đã gửi tối sau ngày 15.2 mà chúng tôi chưa kịp vào sổ) sẽ được chuyển về nước trong vòng tháng 3.2000.

27.2.2000

Diên Đàn

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Võ Tá Hân, Trần Quốc Hùng và Vũ Quang Việt, Châu Á từ khung hoảng nhìn về thế kỷ 21, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm VAPEC, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 2000, 212 trang.

Ba tác giả là bạn học, “*đi học nước ngoài, cùng một ngày, về kinh tế và thương mại*” hiện nay đang làm việc và sống tại 3 châu lục (Á, Âu và Mỹ) “*đương nhiên có cái nhìn không giống nhau hoàn toàn về cuộc khủng hoảng. Cách viết của họ cũng khác nhau, hai người thì trầm tĩnh, một người lại khá sôi nổi và đì dỏm. điều đó khiến cho tập sách càng thêm phong phú*”. Mấy câu trên (có sửa lại cho đúng ngữ pháp) trích dẫn từ lời giới thiệu của nhà xuất bản cũng đủ hấp dẫn để đọc giả

Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ bà **Nguyễn Đăng Phong**
nhũ danh **Albertine Tăng Quang Di**

đã từ trần ngày 31 tháng 1 năm 2000 tại Le Vésinet (Pháp). Tang lễ đã cử hành trong vòng thân quyến.

Diên Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Vân Bùi Mộng Hùng và toàn thể tang quyến.

quan tâm tới kinh tế tìm đọc cuốn sách này.

Cao Huy Thuân, Thương de, Thiên nhiên, Người, Tôi & Ta / Triết lý luật & tư tưởng Phật giáo, Trung tâm Văn hoá Khuông Việt xuất bản, 2000, 154 trang.

Tập hợp 6 bài giảng của giáo sư luật học Cao Huy Thuân mà những bài thiền luận xuất hiện trên mặt báo này đã được bạn đọc mến mộ. Sáu bài giảng này, tác giả đã trình bày mùa hè năm ngoái tại Viện Phật Giáo Việt Nam (Huế). Nói về triết lý của luật và tư tưởng Phật giáo tức là “đổi chiếu văn hóa của Tây phương với tư tưởng Phật giáo”. Sâu sắc và dí dỏm là hai đặc điểm của ngòi bút hiếm có này, nhờ đó người đọc tiếp cận những vấn đề phức tạp mà vẫn phơi phới thân tâm. Tiền mua sách (mỗi cuốn 75 FF + 15 cước phí gửi từ Mỹ) sẽ được gửi về giúp học viện. Bạn đọc có thể gửi *cheque* đề tên A.D.B.E.E. và nhờ tòa soạn *Diễn Đàn* chuyển.

Distant Road, Selected Poems of Nguyễn Duy, translated by Kevin Bowen and Nguyễn Bá Chung, Curbstone Press, willimantic CT06226, USA, 1999, 260p, US\$15.95.

Tuyển tập song ngữ (Việt-Anh) gồm khoảng 100 bài thơ của Nguyễn Duy, chọn từ mười tập thơ xuất bản từ 1973 đến 1996. Đối với một độc giả lõm bõm tiếng Anh (như người viết dòng này) thì riêng phần nguyên tác, tự nó cũng là một tuyển tập quý giá, trong khi chờ đợi một cuốn đầy đủ hơn.

Dương Hướng, Tác phẩm tuyển chọn, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1997, 432 trang.

Gồm 6 truyện ngắn và toàn văn cuốn tiểu thuyết *Bến không chồng* (giải nhất của Hội nhà văn Việt Nam năm 1990, cùng với *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, và *Mảnh đất lấm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trưởng). Văn của Dương Hướng không hay bằng Bảo Ninh và Nguyễn Khắc Trưởng (tác phẩm của họ đã được dịch ra tiếng Pháp), nhưng *Bến không chồng* là cuốn tiểu thuyết rất hiếm của văn học Việt Nam đương đại đưa ta vào cuộc sống rất thực của người phụ nữ nông thôn miền bắc. Đây cũng là một nguồn tư liệu xã hội học cực kì phong phú. *Bến không chồng* đang được Lưu Trọng Ninh (tác giả *Canh bạc và Hãy tha thứ cho em*) chuyển thể thành phim truyện. Một trong 6 truyện ngắn của Dương Hướng (*Người đàn bà trên bãi tắm*) được đăng lại trong số báo này.

K.V.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập: Hà Dương Tường

Ban chủ biên: Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thành, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiên, Nam Tân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt: từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo: 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

đăng liên tiếp nhiều số báo: lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải: sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc để tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

TIN TỨC

Buôn bán trẻ em

Mỗi năm, hàng ngàn trẻ em Việt Nam được những người nước ngoài (phần lớn là Pháp và Mỹ) nhận làm con nuôi. Theo một báo cáo của tổ chức International organisation for Migration (IOM), trụ sở tại Genève, Thụy Sĩ, nhu cầu có con nuôi này đã đe ra một "thị trường" buôn bán trẻ em với doanh số nhiều triệu Mỹ kim. Báo cáo được công bố đầu tháng 2.2000 cho biết, nếu như cách đây vài năm, chỉ có những trẻ mồ côi hoặc vô thừa nhận được đưa làm con nuôi cho những người có yêu cầu, thì nay có cả những phụ nữ để con chỉ để đem bán, và đã hình thành cả một màng lưới những đầu nậu buôn bán trẻ em. Tháng 7 năm ngoái, thị xã Bắc Cạn đã khám phá ra 77 trường hợp trẻ em dưới 18 tháng bị đem bán đi làm con nuôi cho người nước ngoài (xem DĐ số 88). Cuối tháng 1 vừa qua, toà án tỉnh An Giang đã đưa ra xử một vụ buôn bán 199 trẻ sơ sinh từ năm 1995 đến 1997, trong đó có những trường hợp cha mẹ ham lợi mà ưng thuận bán con, có nhiều trường hợp khác họ bị kẻ gian gạt gẫm lấy mất con. Hai bị cáo chính thì một là trung gian đưa khách mua tới, một là trưởng phòng đăng ký dân sự của tỉnh (mỗi người bị kết án 20 năm tù giam). Trong những tòng phạm, có cả một giám đốc "trung tâm cứu trợ người già và trẻ em mồ côi" của thị xã Long Xuyên, một bác sĩ...

Trước tình trạng đó, cuối tháng 4 năm ngoái chính phủ Pháp đã quyết định ngưng việc cấp giấy phép cho các gia đình Pháp nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, "trong khi chờ đợi thương lượng với Việt Nam những thủ tục trong suốt và bảo đảm an toàn pháp lý". Cuộc thương lượng đã kết thúc bằng việc hai nước ký kết ngày 1.2 vừa qua một thoả ước hợp tác về vấn đề này. Theo thoả ước, mỗi nước sẽ thành lập một cơ quan trung ương đảm bảo các thủ tục nhận con nuôi được tiến hành đúng pháp luật, theo một trình tự được đề ra trong Công ước La Haye ngày 29.5.1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong vấn đề con nuôi. Thoả ước sẽ có giá trị kể từ khi được quốc hội hai nước chuẩn y. (AFP 21&29.1, 1.2.2000)

Chủ tịch WB thúc đẩy VN cải tổ

Chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB) James Wolfensohn đã tới thăm và làm việc với những nhà lãnh đạo kinh tế Việt Nam từ ngày thứ hai 21 tới thứ năm 24.2 vừa qua. Đây là lần thứ hai ông Wolfensohn tới Việt Nam, lần trước vào năm 1996, ít lâu sau khi ông vừa được bổ vào chức vụ này. Sau một ngày thăm viếng những khu dân nghèo ở Trà Vinh và TP HCM, ông Wolfensohn đã ra Hà Nội gặp và làm việc với các ông Lê Đức Thụy, thống đốc Ngân hàng quốc gia, Nguyễn Tân Dũng, phó thủ tướng phụ trách kinh tế, và thủ tướng Phan Văn Khải.

Ông đã dự lễ ký kết 2 hiệp định tín dụng phát triển cho hai dự án vay vốn ưu đãi của Hiệp hội Phát triển Quốc tế thuộc WB để thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo ở nông thôn và phát triển cơ sở hạ tầng. Như vậy, một hiệp định hợp tác thứ 3 được các chuyên viên WB chuẩn bị, về chương trình tư hữu hoá các doanh nghiệp quốc doanh, đã không được ký kết như dự trù.

Chính sách của WB ở Việt Nam là thúc đẩy một Chương trình Phát triển Toàn diện (Comprehensive Development Framework- CDF), một sáng kiến do ông Wolfensohn đề ra từ năm 1999 nhằm kết hợp chặt chẽ chính phủ với xã hội dân sự, với khu vực tư nhân, các nhà tài trợ và những tổ chức phi chính phủ, để giảm nghèo đói. VN đã hoan nghênh việc được chọn là một trong 13 nước tham gia thí điểm CDF.

Từ 1993 tới nay, WB đã nhận tài trợ cho Việt Nam 2,5 tỷ đôla, và đã thực sự giải ngân gần 1 tỷ, tức 40 % vốn cam kết. Nguồn vốn WB là nguồn vốn lớn với VN, xếp thứ hai sau vốn viện trợ phát triển của Nhật. Từ mấy năm nay WB đã không ngừng cảnh báo Hà Nội về những chậm trễ trong việc cải tổ khu vực quốc doanh, hệ thống ngân hàng và thị trường, những chậm trễ làm nản lòng nhiều nhà đầu tư quốc tế. Trong buổi họp báo trước khi rời Hà Nội, ông Wolfensohn cũng đã nhấn mạnh yêu cầu Việt Nam phải cơ cấu lại ngân hàng, đào tạo con người, tạo môi trường để người đi vay sẵn sàng trả nợ và người cho vay kiểm soát được quá trình đó. Trả lời câu hỏi "VN cần làm gì để theo kịp quá trình toàn cầu hoá?", ông nêu ra những điểm sau :

1/ Chỉ có tăng đầu tư, VN mới tăng được lợi nhuận. Để làm vậy, VN phải có khả năng cạnh tranh, vấn đề này liên quan đến đầu tư cho giáo dục và công nghệ. 2/ Cân tạo môi trường trong đó mọi người có cơ hội bình đẳng, thuận lợi về cơ cấu thể chế tài chính, ngân hàng, xoá bỏ tham nhũng. 3/ Cần có chiến lược phát triển kinh tế nông thôn. 4/ Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh, trụ được trước khủng hoảng tài chính; đồng thời xây dựng hệ thống phòng chống thiên tai. 5/ Hướng tới nền kinh tế cạnh tranh cao, làm thế nào để các doanh nghiệp nhà nước có hiệu quả hơn và tạo nhiều việc làm hơn. 6/ Mở rộng thị trường.

Trong một buổi gặp các doanh nhân ông Wolfensohn cũng đã thúc đẩy Việt Nam và các nhà đầu tư đặt trọng tâm hơn nữa vào khu vực công nghệ thông tin. (Reuters 20, 23.2, Lao Động 25.2.2000)

VN và cuộc tuyển cử tổng thống Mỹ

Việt Nam đã chính thức phản đối ông McCain, hiện đang vận động để trở thành ứng cử viên tổng thống Mỹ của đảng Cộng Hoà, đã dùng từ 'gooks', có tính chất kỳ thị chủng tộc, để chỉ người Việt.

Người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, bà Phan Thuý Thanh đã trả lời nhà báo rằng ông McCain đã dùng những từ "thiếu thiện chí, dung chạm những người Việt nói riêng và người châu Á nói chung". Bà cho rằng cách nói đó không xứng đáng với một người thượng nghị sĩ, nhất là người đó lại đang có thể trở thành tổng thống Mỹ sau này. Bà Thanh nói thêm, "Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam đã gây

ra rất nhiều tội ác và đau khổ cho nhân dân Việt Nam. Chính người Việt Nam chúng tôi là những người có quyền nói về điều này (...) Tuy nhiên với truyền thống hòa hiếu,... phán đấu vì hòa bình và phát triển, trong quan hệ với các nước đã có thời thù nghịch với Việt Nam chúng tôi chủ trương tạm gác lại quá khứ, hướng tới tương lai, hợp tác để cùng phát triển. Chúng tôi nghĩ rằng phía Mỹ hiểu điều này."

Tại Mỹ, hội đồng những người Mỹ gốc Châu Á- Thái Bình Dương (National Council of Asian Pacific Americans), quy tụ nhiều tổ chức đấu tranh cho quyền bình đẳng của người Mỹ gốc Á, và Tổ chức những người Mỹ gốc Trung Quốc (OCA) cũng đã ra thông cáo ngày 18.2 cực lực phản đối việc Mc Cain dùng những ngôn từ có ý nghĩa miệt thị người châu Á. (Nhân Dân, Reuters 21.2)

Quan hệ Nga - Việt

Ngoại trưởng Nga Igor Ivanov đã đi thăm chính thức Việt Nam trong hai ngày 13 và 14 tháng hai.

Ông đã tuyên bố với báo chí rằng Việt Nam là một nước bạn chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á và vùng châu Á - Thái Bình Dương của Nga. Ông cho biết đã nêu với ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Dy Niên vấn đề phát triển hợp tác quân sự, kỹ thuật và kinh tế với Việt Nam sau thời kỳ bị ngưng trệ vì sự tan rã của khối Liên Xô cũ.

Ông cũng đã gặp tổng bí thư Lê Khả Phiêu, chủ tịch Trần Đức Lương và phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm, và đã chuyển cho chủ tịch Trần Đức Lương một bức thư của quyền tổng thống Vladimir Poutine khẳng định chính sách của Nga là phát triển những mối quan hệ "chiến lược" với VN.

Người ta không rõ ông Ivanov có nêu món nợ 10 tỷ rúp mà Việt Nam đã mượn Liên Xô không. Cho đến nay hai bên không thỏa thuận được tỷ lệ hối đoái giữa đồng rúp và đồng bạc Việt Nam để trả món nợ. Và điều đó đã làm giảm mức hợp tác giữa hai nước. Tuy nhiên những năm gần đây, hai nước cũng đã mở rộng hợp tác trong những lãnh vực dầu khí, điện, kỹ nghệ cơ, hoá và chế biến nông phẩm. (AFP 14.2)

Quan hệ Mỹ- Việt

Dân biểu Bill Archer, chủ tịch Uỷ ban các Phương tiện (Ways and Means Committee) của Hạ nghị viện Mỹ, đã tới thăm Việt Nam từ 21 đến 24.2, để thảo luận với tân bộ trưởng thương mại Vũ Khoan về quan hệ thương mại giữa hai nước. Theo ông Archer, trả lời ông Khoan nêu ý muốn thương lượng lại hiệp định thương mại mà hai nước đã đạt được hè năm ngoái nhưng chưa được ký kết, ông đã nói rõ ràng phía Mỹ chấp nhận tiếp tục thảo luận để làm sáng tỏ hơn những điểm đã thoả thuận, nhưng không chấp nhận thương lượng lại những thoả thuận đó.

Cũng theo ông Archer, bất kỳ một phản đê nghị nào cũng là một đề nghị thương lượng lại, mà điều đó thì phía Mỹ không thể thực hiện được trong năm tuyển cử này, và do đó sẽ đẩy việc ký kết sang sớm nhất là năm tới.

Khi thông báo chuyến đi Việt Nam của ông Archer, bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn của bộ ngoại giao Việt Nam cũng nói với các nhà báo là chuyến đi thăm Việt Nam

của bộ trưởng quốc phòng Mỹ William Cohen, đã bị hoãn hai lần năm ngoái, " có nhiều khả năng sẽ được thực hiện trong một tương lai không xa ". Tuy nhiên, phía bộ quốc phòng Mỹ chỉ đáp lại rằng " chuyến đi sẽ được thông báo khi mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi ". (Reuters 20, 23.2.2000)

Xa lộ Trường Sơn

Kế hoạch tu sửa đường Trường Sơn (còn được gọi là "đường mòn Hồ Chí Minh") để làm thành một xa lộ nối liền bắc - nam, do cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt đề xướng năm 1997, và bị hoãn lại vô thời hạn vì bị các đại biểu quốc hội hồi đó cho là quá tốn kém, rút cục sẽ được tiến hành kể từ quý một năm nay. Đó là nội dung một quyết định của thủ tướng Phan Văn Khải được công bố ngày 3.2 vừa qua.

Theo kế hoạch của bộ Giao thông-Vận tải đã được thủ tướng duyệt, giai đoạn đầu của công trình sẽ hoàn thành vào năm 2003, với phí tổn dự trù là 5 300 tỷ đồng (khoảng 380 triệu đôla). Mục tiêu của giai đoạn này là biến thành xa lộ 1070 km đường theo trục chính của con đường Trường Sơn nổi tiếng. Tất cả có hơn 16 000 km đường xuyên dọc, ngang dãy núi, được làm hồi chống Mỹ. Kinh phí này một phần do ngân sách nhà nước đảm nhiệm, phần khác chính phủ sẽ yêu cầu quốc tế viện trợ.

Thiết kế con đường mới cũng sẽ tính tới những dữ liệu của cơn lụt lớn cuối năm 1999, nhằm bảo đảm khả năng giao thông trọn năm. Đường sẽ được đặt tên là quốc lộ Hồ Chí Minh, bắt đầu từ xã Hoà Lạc, thành phố Sơn Tây (tỉnh Hà Tây), chạy phía tây Hà Nội và kết thúc tại Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh. (AFP và VNA 9, 10 tháng 2)

Điện thoại

Theo tổng cục bưu điện viễn thông, tới cuối năm 1999 Việt Nam có 2,5 triệu số điện thoại, tức khoảng 3,2 máy trên 100 người dân. Tổng cục đã thu vào 13 000 tỷ đồng (khoảng 933 triệu đôla), trong đó số nộp cho ngân sách nhà nước là 2000 tỷ. Trong năm nay, sẽ có thêm 500 000 đường dây mới, và theo kế hoạch thì tới năm 2010 sẽ đạt tỷ lệ từ 12 tới 15 máy điện thoại trên 100 dân, có nghĩa là khoảng 50 % số hộ dân cư sẽ được nối điện thoại. Tuy nhiên, trong bản tin VNA, người ta không rõ tỷ lệ giữa điện thoại trong nhà và điện thoại di động là bao nhiêu.

Năm 1999, Việt Nam có 5 379 kênh điện thoại nối ra thế giới, tăng 366 kênh so với năm trước. Đường bưu chính ra nước ngoài cũng tăng lên, nối trực tiếp với khoảng 70 nước, trong đó có đường thư nhanh (express mail) với 51 nước. (VNA 2.2.2000)

BAT đưa lậu " 3 số 5 " vào Việt Nam

Tập đoàn sản xuất thuốc lá BAT (British America Tobacco), chủ nhân nhãn hiệu nổi tiếng " 555 " đã cố tình sử dụng những đường buôn thuốc lậu để đưa sản phẩm của mình vào Việt Nam. Đó là kết luận hiển nhiên người ta có thể rút ra từ hàng trăm " tài liệu nội bộ " của BAT, được tổ chức chống thuốc lá ASH-UK đưa ra trên Internet. Theo ASH, những tài liệu này chứng minh rõ ràng " buôn lậu là một thành phần trung tâm của các hoạt động thương mại của BAT, được các

nhà lãnh đạo công ty ở cấp cao nhất cho phép tiến hành và theo dõi kiểm soát”.

Tháng 9 năm 1990, chính quyền Việt Nam đưa ra những biện pháp cứng rắn để chống nạn nhập lậu thuốc lá. BAT phản ứng bằng một chiến lược "hai chân", một mặt thương lượng với Việt Nam và công ty quốc doanh độc quyền Vinataba để được phép sản xuất tại chỗ thuốc lá mang nhãn hiệu quốc tế (từ giữa năm 1993 xuất hiện trên thị trường các bao thuốc 555 "sản xuất tại VN"), một mặt cung cấp thuốc của mình cho dân buôn lậu để họ đưa vào VN thông qua đường biên giới Căm Bốt. Một tài liệu tháng 7 năm 1992 của BAT nêu rõ "cần lợi dụng vị trí chiến lược của Căm Bốt để đưa hàng vào Việt Nam và Lào", và "Căm Bốt sẽ tiếp tục phục vụ cho thị trường Việt Nam cho tới khi lệnh cấm nhập thuốc lá vào Việt Nam được bãi bỏ". Một tài liệu khác phân tích các đường đưa thuốc lậu vào Việt Nam trong năm 1991 theo từng nhãn hiệu. "555" thì có 40% qua các thuỷ thủ, 25% qua ngư dân và 35% đường biển khác, trong khi "Hero" (cũng một nhãn hiệu của BAT) thì có tới 80% được đưa bằng đường bộ từ Thái Lan qua Căm Bốt rồi vào Việt Nam. (theo The Guardian 2.2 và Los Angeles Times 3.2.2000)

Y tế và màu da ở Mỹ

Một hội nghị chuyên đề về bệnh ung thư trong những cộng đồng thiểu số tại Mỹ cho thấy người ta đã bỏ rơi những cộng đồng này trong vấn đề bảo vệ sức khoẻ, tỷ lệ bị ung thư của những người Mỹ da màu cao hơn hẳn người da trắng.

Bác sĩ Lasalle Leffall, chủ toạ hội nghị, nhấn mạnh tỷ lệ ung thư tuyến tiền liệt (prostate) nơi người Mỹ da đen cao nhứt thế giới, gấp 32 lần nơi người Mỹ trắng. Ông cũng thêm rằng phụ nữ da đen và phụ nữ gốc Mexico có khả năng phát triển ung thư tử cung hai lần cao hơn phụ nữ da trắng. Trong những năm gần đây, số phụ nữ Mỹ trắng bị ung thư tử cung đã giảm đi 27%, trong khi ở những người Mỹ đen, bệnh này vẫn tăng chứ không giảm. Về phần các phụ nữ Mỹ gốc Việt Nam, tỷ lệ người bị bệnh này cao gấp năm lần ở người Mỹ trắng. Theo bác sĩ Leffall, tình trạng này liên quan tới sự thiếu hụt những cơ cấu y tế ở các cộng đồng thiểu số. (AFP 9.2.2000)

Tai nạn xe cộ, một vấn đề nhức nhối

Một tai nạn xe cộ đang làm bàng hoàng dư luận trong nước, làm khoảng 50 người chết hoặc mất tích, phần lớn là học sinh quay lại trường sau khi nghỉ Tết. Ngày 14.2, hai chiếc xe ca chở đầy học sinh đã đụng nhau trên một con đường trong huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, một chiếc đã lật xuống sông Lam. Trong số 70 hành khách, chỉ có 13 người sống sót, trong đó 8 người bị thương nặng. Hai ngày sau, cảnh sát chỉ mới kiểm đếm được 17 xác.

Tai nạn xe cộ trong thời gian nghỉ Tết đã làm cho 158 người chết (so với con số năm ngoái là 111), 855 người bị thương. Số người chết tăng, số tai nạn trong mấy ngày Tết cũng tăng : 768 so với 400 năm ngoái, mặc dầu cảnh sát đã giải quyết được nạn đua xe bất hợp pháp. Theo cảnh sát say rượu là nguyên nhân chung của nhiều tai nạn.

Cả năm 1999, tai nạn giao thông đã làm 7061 người chết và 24 147 người bị thương. (AFP 15.2.2000)

Sự cố cầu Bến Lức (Long An)



Ngày 26-1-2000, do sự lơ là không tuân thủ luật lệ giao thông của những người lái tàu, hai chiếc sà lan chở cát, được tàu kéo, với tải trọng 190 tấn mỗi chiếc, đã đâm thẳng vào hai trụ của chiếc cầu Bến Lức trên sông Vàm Cỏ Đông. "Sự cố" đã được báo chí nói đến trong nhiều số liên tiếp. Người ta phỏng vấn cả ông Bộ trưởng bộ Giao thông Vận tải Lê Ngọc Hoàn,

chủ yếu về vấn đề ai chịu trách nhiệm trong tai nạn và ai trong việc làm ùn tắc giao thông nhiều ngày liền. Có một điều mà cả nhà báo lẫn các cơ quan hữu trách đều không chú ý đến, hoặc không muốn nói đến, là các trụ cầu bị đâm gãy, hoàn toàn thiếu cốt thép ! Chiếc cầu này, cũng như chiếc cầu Tân An, cùng một kết cấu, và cùng được xây từ năm 1968 và đưa vào sử dụng năm 1969. Những trụ bê tông lớn bằng đến hai người ôm, bị tiện ngang ở ngay phía trên thân trụ, mà chỉ thấy lòng thòng vài sợi "giấy thép" nhỏ, chứ không thấy có "cốt thép" ! Đây không biết có phải là một chuyện "tính toán kết cấu sai", hay là một chuyện "ăn bớt" sắt thép ? (Tuổi Trẻ, 12, 16 và 17-2-2000 ; Thanh Niên, 16-2-2000).

Nhu cầu nhựa xây dựng giảm sút

Công ty Nhật Marubeni Corp. đã lấy quyết định không tham gia công ty hợp doanh sản xuất nhựa PVC ở Việt Nam, vì họ cho rằng nhựa PVC Việt Nam không cạnh tranh nổi hàng nhập với giá rất thấp và yêu cầu về nhựa PVC trên thị trường Việt Nam đã yếu đi. Marubeni sẽ bán phần của mình (30%) cho Petroleum Nasional Bhd. (Malaysia) và các đối tác khác, với giá 750 000 đô la, chịu lỗ chút đỉnh. Đây là cổ phần của Marubeni trong tổng vốn 2,5 triệu đô la của một công ty hợp doanh được thành lập năm 1997 cùng với công ty quốc doanh PetroVietnam và một vài công ty khác, dự định sản xuất 100 000 tấn nhựa PVC mỗi năm tại Bà Rịa Vũng Tàu.

Hiện nay nhu cầu về nhựa ở Việt Nam ngừng ở khoảng 100 000 tấn mỗi năm. Thuế nhập khẩu của Việt Nam lại ngưng ở mức 8%, khuyến khích nhập hàng hơn là sản xuất tại chỗ, trong lúc Marubeni chờ đợi thuế này được tăng lên tới 15-20%. (Nikkei 17.2.2000)

Hoa đào trồng ở An Phú Đông

Hoa đào miền Bắc nay đã được trồng tại phường An Phú Đông (quận 12, TPHCM). Bà Nguyễn Thị Thu Thanh, chủ vườn hoa kiểng út Tài, cho biết Tết năm trước đã thử nghiệm trồng năm cây nhưng thất bại do không biết kỹ thuật chăm sóc khiến hoa nở trước Tết tối mười ngày. Rút kinh nghiệm, năm nay cơ sở đã cho người ra tận Nhật Tân (Hà Nội) mua hơn 200

gốc đào bích, đào phai vè trông trong chậu sứ và đã thành công. Theo nhận xét của những người đã nhiều năm chơi đào, đào trông tại đây có bông thưa hơn đào trông tại Hà Nội nhưng lại có một số ưu điểm như cành dài thon thả, màu sắc tươi hơn, bông to hơn, đặc biệt do trông trong chậu nên bông lâu tàn hơn. Đào này được bán với giá từ 300.000 tới 500.000 đồng/chậu. (Tuổi Trẻ, 22-1-2000)

Động Phong Nha đăng ký di sản thế giới ?

Trung tâm Di sản thế giới, Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) phối hợp với Cục Bảo tồn bảo tàng thuộc Bộ Văn hoá-Thông tin và cơ quan VHTT tỉnh Quảng Bình, đã cử đoàn chuyên gia kỹ thuật đến nghiên cứu tại chỗ khu động Phong Nha-Kẻ Bàng (dài 9 km), thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, nơi bà M. Colani, một nhà khảo cổ học người Pháp đã tới nghiên cứu nền “văn hoá hang động” (văn hoá Hoà Bình) vào những năm 1928-32. Qua khảo sát, IUCN đã đánh giá cao và khẳng định giá trị toàn cầu của khu di sản thiên nhiên động Phong Nha, và kết luận rằng những giá trị đó đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để được công nhận là di sản thế giới. IUCN cũng khuyến nghị phía Việt Nam bổ sung thêm vào hồ sơ những cứ liệu khoa học về địa chất, địa mạo của khu di sản này để đưa động Phong Nha vào danh sách đăng ký di sản thế giới. (Thanh Niên, 16-2-2000)

TIN NGẮN

* Thủ tướng Phan Văn Khải đã đi dự Hội nghị của Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển lần thứ 10 (viết tắt theo tiếng Anh : Unctad, theo tiếng Pháp : Cnuced) tổ chức tại Bangkok, Thái Lan. Có mặt trong hai ngày đầu (12-13.2) của hội nghị, ông Khải cũng cùng các đồng sự trong ASEAN thảo luận với các nhà lãnh đạo các tổ chức của Liên hiệp quốc về quan hệ giữa ASEAN và Liên hiệp quốc.

* Tân ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên sẽ dành chuyến đi thăm nước ngoài đầu tiên của mình trong cương vị mới cho 3 ngày thăm Trung Quốc, từ 24 tới 26.2, “nhằm tăng cường các quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước”.

* Theo Ban Chỉ đạo Tổng Điều tra dân số và nhà ở, dân số thường trú trên địa bàn TP Hồ Chí Minh năm 1999 tăng 50,59% so với năm 1979. Nếu tính cả diện tạm trú và khách vãng lai, dân số TP Hồ Chí Minh là 5.306.771 người, trong đó có 931.380 người thuộc diện thường trú nhưng chưa có hộ khẩu và 269.616 người tạm trú, khách vãng lai. Tốc độ tăng tự nhiên của dân số TP Hồ Chí Minh đã giảm từ 1,54% năm 1989 xuống còn 1,36% năm 1999. Đáng lưu ý là số lượng tăng tuyệt đối vẫn không giảm : mỗi năm tăng 67-68 nghìn người. Về nhà ở, có 99,88% số dân TP có nhà ở, chỉ có hơn 1.200 hộ không có nhà (0,12%).

* Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa nhảy vào Internet nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập đảng. Trang web của đảng (có địa chỉ <http://www.cpv.org.vn>) trước mắt chỉ có tiếng Việt, nhưng một cán bộ đảng cho biết trong một tương lai gần, sẽ có cả phần tiếng Anh. Về hình thức, đảng đã hiện đại hoá, còn về nội dung thì... vẫn như cũ.

* Một đĩa nhạc cho trẻ em, của hãng RCA, vừa ra đời, trong đó diễn viên kiêm đạo diễn Georges Wilson kể “Chuyện cổ miền nam” (legendes de la terre du sud) trong một nhạc phẩm của nhạc sĩ Tôn Thất Tiết. Nhạc phẩm pha lẩn nhạc tính chau Âu và những làn điệu chau Á, được dàn nhạc Ile de France trình diễn dưới điều khiển của Jacques Mercier.

* Theo Cục Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) thì độ che phủ rừng của cả nước mới đạt 33% (hơn 12 triệu ha rừng). Mặc dù năm qua, việc ngăn chặn các vụ cháy rừng đã được thực hiện tốt hơn (số diện tích rừng bị cháy giảm 20% so với năm 1998) nhưng việc kiểm soát các vụ chặt phá rừng còn gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu do tình trạng di dân tự do.

* Ủy ban di sản quốc tế (World Heritage Committee) đã ủng hộ Việt Nam 50 000 đô la để tu bổ những di tích ở Huế và Hội An bị lụt làm hư hỏng. Việt Nam hiện có 4 địa điểm được xếp vào loại di sản thế giới : Huế, vịnh Hạ Long, khu thánh địa Mỹ Sơn và Hội An.

* Đầu tháng hai, một lớp tuyết dày 10 cm đã phủ trắng Sa Pa. Đây là lần đầu tiên từ 16 năm nay, tuyết rơi lại rơi xuống



Sa Pa. Cách Hà Nội 380 km về phía bắc, nằm ở độ cao 1500m, Sa Pa là một nơi nghỉ mát nổi tiếng trong tỉnh Lao Cai, thuộc dãy núi Hoàng Liên Sơn.

* Giám đốc đài phát thanh Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA), Sanford Ungar đã tuyên bố VOA sẽ sa thải 41 nhà báo trong đơn vị Châu Âu và 10 người trong đơn vị Châu Á. ở Châu Âu, chương trình cho hai nước Ba Lan và Hung bị giảm nhiều, ở Châu Á các chương trình nói tiếng Việt, Khmer và Lào cũng bị giảm bớt.

* Theo báo cáo của toà án tối cao, trong năm 1999 có tất cả 194 phạm nhân đã bị kết án tử hình, trong đó 76 người vì buôn lậu ma túy, khoảng 30 người vì tội giết người, 5 vì hâm hiếp, số còn lại là những người phạm tội hối lộ, buôn lậu, hoặc phạm pháp với những hành vi bạo lực... Tuy nhiên, số người bị đem ra hành quyết ít hơn nhiều. Mặt khác, trong kỳ họp cuối năm ngoái, quốc hội đã giảm từ 44 xuống còn 29 số tội danh có hình phạt tử hình trong Luật hình sự.

* Theo bộ Y tế, trong tháng 1.2000 có tất cả 598 trường hợp ngộ độc vì thực phẩm đã được khai báo ở các cơ quan y tế cả nước. Trong số gần 600 người này, 4 người đã thiệt mạng, một ở tỉnh Yên Bái, ba ở Quảng Nam. Người ta không biết tác hại của vụ phò phoooc môn được ghi nhận như thế nào trong các thống kê của bộ.

* Trong tháng 1.2000, bệnh sốt rét đã giảm nhiều so với năm ngoái, số người bị nhiễm là 15014, giảm 41 % so với năm ngoái cùng thời kỳ. Theo báo cáo của 49 tỉnh, số người chết vì sốt rét giảm 71,5 phần trăm. Phần lớn những người bị nhiễm hoặc chết vì bệnh ở những tỉnh vừa bị lụt.

* Một hợp đồng khai thác chia sản phẩm (product-sharing contract) về dầu khí đã được ký tại Hà Nội giữa PetroVietnam và American Technologies Inc (Mỹ) nhằm khai thác hai lô 102 và 106 ở thềm lục địa bắc Việt nam. Đây là hợp đồng thứ 38 loại này được ký kết giữa Petro Vietnam với một hãng ngoại quốc. Hợp đồng nhắm khai thác khí để dùng ở miền bắc.

* Ông Nguyễn Phú Trọng, uỷ viên bộ chính trị, cho đến nay trach nhiệm về tư tưởng, khoa học và giáo dục trong đảng đã đổi chỗ với ông Lê Xuân Tùng cho đến nay bí thư thành ủy Hà Nội. Ông Trọng, 56 tuổi, người gốc Hà Nội, vào bộ chính trị cuối năm 1997, còn ông Lê Xuân Tùng, 64 tuổi, sức khoẻ đã sa sút từ mấy tháng nay.

* Công ty Medical Co. Australia đã bán 70% phần mình trong Bệnh viện Quốc tế Việt Nam cho Eukaria S.A. của Pháp. Vietnam International Hospital là một bệnh viện tư được thành

lập năm 1997 do hợp doanh giữa Việt Nam và nước ngoài, nhằm vào giới bệnh nhân ngoại quốc đến làm việc ở Việt Nam. Theo ông Võ Văn Ban, phó giám đốc bệnh viện, thì nǎm qua, bệnh viện chỉ sử dụng từ 25 đến 30% số phòng, vì dầu từ nước ngoài suy giảm.

* Từ ngày 4 đến 17-2-2000, 22 sinh viên tình nguyện của Singapore đã đến Huế tham gia chương trình lao động công cộng, giúp người dân khắc phục hậu quả lũ lụt. Chuyến đi này nằm trong chương trình hợp tác giữa Ủy ban Thanh niên Quốc gia VN và Hội đồng Thanh niên Singapore.

* Theo tin từ Liên đoàn cờ VN, tối 21-1-2000, nữ kỳ thủ Hoàng Thanh Trang đã chiến thắng trong ván đấu cuối cùng của mình ở Giải vô địch cờ vua châu Á 2000 tổ chức tại Ấn Độ. Với chiến thắng này, Trang được 9 điểm sau 11 ván đấu, đoạt chức vô địch nữ châu Á.

Đọc báo trong nước

Hội An - Mỹ Sơn : Hai di sản, hai nỗi lo

Tháng 12.1999, cuộc họp lần thứ 23 tại Marrakech, thủ đô Maroc, UNESCO một lúc đã công nhận di sản Thế giới cho cả đô thị cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn của tỉnh Quảng Nam. Ba tháng, một thời gian cũng đủ để chính quyền sở tại và người dân sống trên di sản bước ra khỏi trạng thái ngất ngây hạnh phúc, lo cho những ngày sắp tới.

Ngón ngang Mỹ Sơn...

Danh hiệu Di sản thế giới quả là một liều thuốc kích thích để du khách tìm đến thăm Thánh địa ngày mỗi nhiều. Theo Ban Quản lý di tích thì lượng khách đã tăng đến vài nghìn người/tháng trong ba tháng gần đây. Trong đó non 1/2 là người trong nước. So với cách đây vài năm, khi tình hình trật tự tại khu di tích này còn phức tạp thì đó quả là một con số không mơ thấy nổi. Nhưng với Mỹ Sơn hiện nay, điều đó đang trở thành một mối quan ngại lớn. Anh Nguyễn Công Hường, Trưởng ban quản lý di tích lo ngại:

“ Đến đóng cửa di sản mất thôi! Nhiều du khách không ý thức được tầm quan trọng của từng viên gạch trên di sản nên cứ vô tư đạp bừa lên đó mà đi ”.

Năm 1899, khi C. Paris phát hiện ra Thánh địa Mỹ Sơn thì di tích vẫn còn 71 đèn tháp nguyên vẹn. Sau 100 năm bom đạn chiến tranh, toàn bộ nay chỉ còn 20 tháp trong tình trạng không nguyên vẹn, nếu không muốn nói hру như là phế tích. Từ năm 1980, trong khuôn khổ Chương trình hợp tác văn hoá Việt Nam - Ba Lan, cố kiến trúc sư Kwiatkowski (Kazis) đã sống gần 10 năm tại Mỹ Sơn để tổ chức khai quật, trùng tu từng phần các tháp thuộc nhóm A, B, C, D và hệ thống lại các hiện vật lúc bấy giờ vương vãi khắp nơi. Chương trình kéo dài khá lâu, nhưng thực chất với một khối lượng công việc cần làm ở Mỹ Sơn quá đồ sộ, nên cũng chỉ ở cấp độ giải quyết yêu cầu cấp thiết trước mắt là chống sập cho di tích. Và cũng trong chừng đó thời gian, hàng chục công trình nghiên cứu khoa học, gắng công tìm kiém

kỹ thuật xây tháp của người Chăm xưa, nhưng tất cả đều thất bại. Do vậy công tác trùng tu di sản Mỹ Sơn vẫn còn là một thách thức lớn. Nhưng quan trọng hơn cả hiện con suối Thé, vắt ngang trong lòng di sản, sau những trận lũ lớn cuối năm vừa qua đã xâm thực vào khu A di tích chỉ còn cách 2 mét.

Chuẩn bị cho chương trình trùng tu di sản, Ban Quản lý di sản Thánh địa Mỹ Sơn đã trình cho Chính phủ dự án “ Bảo tồn, tu bổ và khai thác Khu di sản Chăm Mỹ Sơn ” với tổng kinh phí khá khiêm tốn 18 tỉ đồng. Trong đó phục hồi cảnh quan chiếm hơn 1/3. Bao giờ dự án mới khởi động ?

“ Gánh nặng ” Hội An

So với Mỹ Sơn, công tác quản lý của chính quyền Hội An đối với di sản làm chúng ta yên tâm hơn nhiều. Nhưng theo ông Nguyễn Sự, Chủ tịch thị xã thì sau những đêm mừng đến không ngủ được là cảm giác một gánh nặng trên vai rõ đến mức như sờ thấy được. Khác với hầu hết các di sản khác trên thế giới, Hội An là một di tích sống. Nhiều thế hệ nối nhau sinh ra, lớn lên và sống ngay trong di sản. Điều may mắn mà Hội An có được đó là sự thuần khiết về bản chất và thái độ trân trọng của người dân đối với tài sản ông cha, nhưng không bù được sự gia tăng dân số tự nhiên cùng với những hoạt động kinh tế, xã hội đang ánh hưởng rất mạnh đến từng nếp nhà, góc phố. Chính quyền Hội An đã triển khai chương trình bù chênh lệch lãi cho người dân khi vay ngân hàng để sửa chữa nhà cổ. Phải thừa nhận rằng du lịch đã mang lại cho Hội An một sinh khí mới, nhiều gia đình đầu tư hàng trăm triệu đồng trùng tu lại ngôi nhà cổ, nhưng theo đó màu xanh của rêu phong trên những mảng tường cũng đang nhuộm chỗ cho màu ximăng xám xịt. Và mới đây là dự tính hình thành một Trung tâm bảo tồn di sản thuộc tỉnh thay cho phương thức quản lý phân cấp trách nhiệm bảo vệ, khai thác cho địa phương như hiện nay đang gây chú ý của dư luận. Thông tin một tờ báo còn cho biết đề án thành lập Trung tâm bảo tồn di sản "chi li" đến độ đặt vấn đề ăn chia tứ lục trên đầu vé tham quan giữa địa phương và tỉnh. Ai đó định “ vắt sữa bê ” chăng?

Nguyễn Trung Hiếu
Lao Động, 25.2.2000

Ngô Vĩnh Long

Vai trò cường quốc của Trung Hoa (*)

Trong suốt thế kỷ vừa qua chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa quan trọng bậc nhất của hầu hết các nhà lãnh đạo ở Trung Quốc. Chủ nghĩa này dẫn đầu học thuyết “ tam dân chủ nghĩa ” – dân tộc, dân sinh, và dân quyền – của Sun Yat-sen (Tôn Dật Tiên) và là hệ tư tưởng chủ đạo của Quốc Dân Đảng (Guomindang, Kuomintang). Chủ nghĩa dân tộc, mà Mao Trạch Đông định nghĩa là Hán tộc, cũng đóng vai trò chính trong tư tưởng của ông ta. Trong một bài xã luận với tựa đề *Vì vinh quang của dân tộc Hán* đăng trong một tờ báo tỉnh Hồ Nam năm 1919, Mao Trạch Đông kêu gọi dân tộc Hán cùng nhau hành động. Ông ta nói nếu cả dân tộc Hán đoàn kết thì không những không còn sợ gì bọn quân phiệt, bọn quan liêu và bọn tư bản nữa mà còn có thể thay đổi cuộc diện thế giới¹. Nguồn gốc chính của chủ nghĩa dân tộc này là mặc cảm vì nghèo yếu mà bị các nước tư bản xâm chiếm, chia cắt và coi thường.

Sau khi thống nhất, Trung Quốc muốn được coi là một đại cường quốc xứng đáng với địa vị nước lớn của mình. Vì thế, một trong những quốc sách hiện nay của Trung Quốc là khẩu hiệu *Fuqiang* (phù cường). Đây không phải là quan niệm “ dân giàu nước mạnh ” như người Việt Nam thường nói lúc xưa. Theo Yoichi Funabashi, giám đốc văn phòng báo *Ashahi Shimbun* ở Hoa Thịnh Đốn, Hán từ dùng ở đây y hệt như trong khẩu hiệu *Fukoku Kyōhei* (phù quốc cường binh) của Nhật trước đây. Khẩu hiệu này đã đưa Nhật đến chủ nghĩa bành trướng và đế quốc và đã gây ra chiến tranh Thái Bình Dương từ năm 1931-1945. Ông Kunabashi cho rằng, với kinh tế ngày càng phát triển, lãnh đạo Trung Quốc sẽ có thể ngày càng từ bỏ chủ nghĩa cộng sản vì nó không còn có sức mạnh vận động quần chúng như xưa nữa và sẽ tiến dần đến chủ nghĩa quốc gia. Chính sách “ phù cường ” như thế sẽ được dùng trong nhiều năm trước mắt để vận động quần chúng và giữ đoàn kết trong giới lãnh đạo. Chủ nghĩa quốc gia này có thể ngày càng năng động, lấn ép các nước láng giềng yếu và gây căng thẳng trong khu vực cũng như với Mỹ và Nhật².

Tại Mỹ trong những năm vừa qua có rất nhiều tranh luận giữa các học giả và những người làm chính sách về sức mạnh quân sự của Trung Quốc trong tương lai. Một số tác giả cho là Trung Quốc sẽ trở thành bá chủ ở Châu Á và là đối thủ chính của Mỹ. Arthur Waldron viết rằng Trung Quốc hiện nay đang tìm mọi cách để hất cẳng Mỹ ra khỏi Đông Á, và “ nếu xu hướng hiện tại tiếp diễn thì trước sau gì cũng có chiến tranh ở Châu Á ”³. Richard Bernstein và Ross Munro

cho rằng sẽ có xung đột giữa Mỹ và Trung Quốc⁴. Michael Ledeen tin rằng “ Trung Quốc sẽ là nước độc nhất có đủ khả năng để thách thức đến chết (mortally challenge) Mỹ trong 10 hay 20 năm tới ”⁵. Người ta dựa vào sức mạnh quân sự hiện có của Trung Quốc rồi phóng đại nó ra cho tương lai dựa trên tăng trưởng của GDP mà họ nghĩ TQ có thể duy trì (từ 6-8 % mỗi năm). Đến cuối năm 1995 sức mạnh quân sự của Trung Quốc gồm có 3 triệu quân nhân (lớn thứ 3 trên thế giới), 8 000 xe tăng, 5 700 máy bay tác chiến và máy bay thả bom, 50 chiếc tàu ngầm, 55 tàu chiến cỡ lớn, 14 hoả tiễn xuyên lục địa (*inter-continental ballistic missiles*, ICBMs), và 60 hoả tiễn cỡ vừa (*intermediate-range ballistic missiles*, IRBMs). Ngoài ra Trung Quốc có một kho vũ khí hạt nhân lớn thứ 3 trên thế giới. Chi phí quân sự Trung Quốc được người ta ước đoán là từ 38 tỷ đô la đến 50 tỷ đô la vào năm 1993, tức là bằng 9 % GDP. Lý do có khoảng cách lớn giữa những phỏng đoán này là vì Trung Quốc giấu chi phí quân sự dưới nhiều hình thức. Ví dụ như chi phí cho vũ khí hạt nhân và hoả tiễn xuyên lục địa cũng như cho 600 ngàn cảnh sát dã chiến, v.v., không được Trung Quốc ghi vào chi phí quốc phòng⁶.

Trong khi đó thì Robert S. Ross cho rằng Trung Quốc sẽ là một cường quốc bảo thủ và trong tương lai gần không có khả năng để thành một bá chủ khu vực chứ đừng nói đến trở thành một siêu cường quân sự. Ross nói rằng Trung Quốc không có khả năng chiếm đóng khu vực Biển Đông, mặc dù Trung Quốc sẽ tiếp tục lấn áp các nước xung quanh nếu có cơ hội⁷. Gerald Segal cho rằng trên lãnh vực quân sự Trung Quốc chỉ là một cường quốc hàng thứ (*second-rank power*), chỉ có thể đe doạ những láng giềng nhỏ nhưng không có đủ sức mạnh để đánh qua Đài Loan chứ đừng nói gì đến chuyện đương đầu với Nhật hay Mỹ⁸.

Samuel S. Kim cho rằng mặc dù không ai biết đích xác là quân đội của Trung Quốc hiện nay hùng cường như thế nào, điều chắc chắn là sức mạnh quân sự của Trung Quốc ngày càng tăng về lượng cũng như về chất. Nhưng để hiểu đích xác hơn về sức mạnh quân sự của Trung Quốc người ta phải để ý đến các nhân tố khác. Một trong những nhân tố đó là quan niệm sức mạnh quân sự là nền tảng chủ yếu của “ quốc lực tổng hợp ” (*zonghe guoli*). Nghĩa là sức mạnh quân sự là vấn đề tiên quyết cho việc Trung Quốc trở thành một siêu cường có thể bảo vệ chủ quyền quốc gia và sức mạnh chính trị của mình và thu về một mối những gì Trung Quốc nghĩ rằng bị mất đi trong quá khứ. Các lãnh đạo Trung Quốc thường nói rằng nếu không có đủ sức mạnh quân sự thì Trung Quốc sẽ không có thể biểu hiện đặc tính quốc gia của một cường quốc hay có thể đóng vai trò tiên quyết trên chính trường thế giới.

Samuel S. Kim cho biết tiếp là một trong những sự việc diễn biến rất nguy hiểm trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh là quan niệm “ hải dương quốc thổ quan ” (*haiyang guotu guan*) của Trung Quốc. Lãnh đạo Trung Quốc thường kêu gọi nhân dân phải ghi nhớ và phát triển quan niệm này không những để thúc đẩy họ bảo vệ quyền lợi trên biển cả mà còn để chiếm lại những vùng biển mà Trung Quốc cho là đã bị xâm phạm.

Các nhà chiến lược của Trung Quốc thường bàn đến vấn đề tối cần của Trung Quốc là “ không gian sinh tồn ” (*shengcun kong-jian*) và việc biên giới chiến lược của Trung Quốc là bao gồm hết vùng biển đông của Trung Quốc đến vùng biển đông của Đông Nam Á qua đến Ấn Độ Dương và thẳng ra ngoài vịnh Trung Quốc nữa. Năm 1992 Trung Quốc để lộ ra một tài liệu mật nói rằng tất cả các quần đảo từ Hải Nam đến Trường Sa và Hoàng Sa sẽ tạo cho Trung Quốc cái “ không gian sinh tồn ” cần thiết đó. Đi đôi với những quan niệm trên là chiến lược hải quân của Trung Quốc đã chuyển từ việc bảo vệ vùng duyên hải của địa lục đến việc chủ động bảo vệ các quyền lợi kinh tế và chiến lược trên biển cả. Trong những năm của thập kỷ 90 Trung Quốc đã tập trận nhiều lần trên biển cả, dùng sức mạnh hải quân để đe doạ một số nước láng giềng, và từ từ lấn chiếm những địa điểm xa cách thềm lục địa của Trung Quốc⁹.

Vừa qua, trong tháng giêng và tháng hai năm 2000, Trung Quốc gây chú ý của các nhà bình luận chiến lược trên thế giới qua các sự kiện sau đây : sự kiện thứ nhất là vào ngày 17 tháng giêng Trung Quốc công bố qua tờ báo *Jiefangjun* rằng Quân Đội và Thủ trưởng Quốc Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc đã tập trận liên hợp, với nhiều tàu chiến đủ loại, cách hải phận của họ trên 250 hải lý. QĐTQGPNDTQ có hơn 1100 tàu chiến, nhiều hơn 3 lần số tàu chiến của hải quân Hoa Kỳ. Nhưng chỉ có 54 chiếc là tàu chiến lớn và tàu ngầm đi xa trên biển cả (gọi là “ blue water ”, nước xanh dương). Phần lớn là các chiếc tàu chiến “ nước xanh lá cây ” (*green water*), nghĩa là các tàu chiến dùng ven biển hay ven các vùng hải đảo từ quần đảo Senkaku của Nhật kéo xuống đến miền tây Borneo. Theo các nhà bình luận, cuộc diễn tập vừa qua là để xem khả năng của các tàu chiến “ nước xanh dương ” có khả năng bảo vệ và tác chiến cùng với các tàu chiến “ nước xanh lá cây ” đến mức nào. Việc này có ít nhất là 3 lý do chính. Lý do thứ nhất là cảm giác thiếu an ninh trong khu vực vì kinh tế khó khăn, vì cam kết của Mỹ không rõ ràng, và vì thiếu tin tưởng vào vai trò Nhật trong tương lai. Lý do thứ hai là việc bảo vệ nguồn năng lượng cho Trung Quốc. Trung Quốc là nước dùng dầu mỏ nhiều nhất trên thế giới sau Mỹ, và Trung Quốc cần nhập thêm nhiều dầu hơn nữa để có thể duy trì phát triển kinh tế của mình. Phần lớn số lượng dầu này được chuyên chở bằng đường biển. Vì thế, Trung Quốc cho rằng việc bảo vệ giao thông đường biển càng ngày càng quan trọng. Lý do thứ ba là Trung Quốc muốn trở thành một bá chủ quân sự trong vùng và khẳng định uy lực của mình đối với các nước láng giềng, trong đó có Đài Loan và quần đảo Trường Sa¹⁰. Đối với Trung Quốc quần đảo Trường Sa quan trọng không những vì lý do kinh tế (ở đây có khả năng tìm được nhiều dầu khí có thể giúp Trung Quốc tiếp tục phát triển) và cả vì lý do chiến lược (ai làm chủ được vùng này sẽ làm chủ tất cả khu vực Biển Đông). Vì thế Trung Quốc đã gây nhiều căng thẳng ở đây và dùng dà dùn dằng trong việc giải quyết các tranh chấp¹¹.

Sự kiện thứ hai : Trung Quốc đưa một trong hai chiến tàu chiến mua của Nga (Sovremenny-class destroyers) qua khu biển Đài Loan vào ngày 11 tháng hai. Tàu chiến này được

trang bị với các hệ thống tên lửa hiện đại được chế tạo đặc biệt để xâm nhập phòng thủ của các hạm đội Mỹ và để phá huỷ các chiến hạm ấy. Những tên lửa siêu âm này bay lướt trên mặt nước và có thể mang đầu đạn nguyên tử hay đầu đạn thường. Qua hành động khiêu khích này, Trung Quốc có thể vừa muốn doạ các ứng cử viên và cử tri trong cuộc vận động bầu cử tổng thống Đài Loan vừa muốn cho nghị sĩ Mỹ không hài lòng việc Hạ viện Hoa Kỳ đã bỏ phiếu (ngày 2 tháng 2) đòi chính phủ Mỹ củng cố quan hệ quân sự với Đài Loan. Nhưng nó đã gây thêm nhiều căng thẳng trong khu vực¹².

Sự kiện thứ ba : ngày 21 tháng hai, chính quyền Bắc Kinh đưa ra một tuyên bố 11 000 chữ khẳng định rằng nếu Đài Loan kéo dài việc không đàm phán thống nhất lãnh thổ với Trung Quốc thì Trung Quốc sẽ dùng vũ lực để “ bảo vệ chủ quyền và tính toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc ”¹³. Thượng nghị sĩ John W. Warner, chủ tịch Ủy ban các Lực lượng quân sự (Armed Services Committee) của Thượng viện Mỹ, nói rằng Trung Quốc ra công bố trên ngay sau khi thủ trưởng ngoại giao Mỹ Strobe Talbott vừa rời khỏi Bắc Kinh là “ cái tát vào mặt Mỹ ”. Các thượng nghị sĩ khác nói rằng thái độ khiêu khích của Trung Quốc sẽ gây khó khăn cho việc vận động của chính quyền Clinton lấy đủ phiếu của Quốc hội, nhất là của Hạ viện, để thông qua hiệp định thương mại song phương giữa hai nước¹⁴.

Trung Quốc đã mất hơn 14 năm để đàm phán với Mỹ hiệp định thương mại song phương và việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việc thông qua hiệp định thương mại song phương với Mỹ sẽ mở cửa cho Trung Quốc vào WTO. Nhưng quan trọng hơn nữa là hiệp định này cho Trung Quốc “ địa vị thương mại bình thường vĩnh hằng ” (permanent normal trade status), mà cách đây một hai năm người ta còn gọi là “ địa vị tối ưu quốc ” (most favored nation status). Việc này sẽ giúp cho hàng hóa Trung Quốc xuất qua Mỹ trả thuế quan ở mức thấp nhất. Mỹ là bạn hàng lớn nhất của Trung Quốc ; và trong năm 1999 Trung Quốc đã xuất siêu sang Mỹ một khối lượng hàng hóa đến 68,7 tỷ đô la, tức là tăng trưởng 14,6 % so với năm 1998¹⁵. Năm 1999 tổng giá trị xuất siêu của Trung Quốc giảm gần 40 % so với năm 1998. Nếu không có thị trường Mỹ thì xuất siêu đã còn giảm nhiều hơn nữa.

Gắn liền với xuất cảng là đầu tư nước ngoài. Nếu không có “ địa vị thương mại bình thường ” với Mỹ hay không được vào WTO thì đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc sẽ giảm xuống rất nhanh. Số liệu chính thức cho biết là năm 1997, 46,9 % tổng giá trị xuất cảng của Trung Quốc là do các xí nghiệp có tiền nước ngoài đầu tư sản xuất ra. Vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực, trong 10 tháng đầu năm 1999 vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (foreign direct investment, FDI) giảm 10,51 % so cùng với thời gian năm trước đó. Trong cùng thời gian vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hợp đồng (tức là chưa thực hiện) giảm 20,64 %, tức là tốc độ giảm sè tiếp tục. Vì đầu tư nước ngoài và xuất cảng giảm, tỷ số tăng trưởng Tổng sản lượng quốc nội (Gross Domestic Product, GDP) đã giảm từ 8,8 % năm 1997, xuống đến 7,8 % năm 1998 và 6,8 % năm 1999. Đây là những con

số chính thức, nhưng thực trạng còn có thể xấu hơn nhiều vì các quan chức và các người quản lý các xí nghiệp quốc doanh thường thổi phồng các con số để che đậy việc quản lý tồi của mình hay các thất thoát do tham nhũng.

Để chống lại việc kinh tế xuống dốc, Bắc Kinh đã đưa ra hàng loạt biện pháp nhằm tăng vốn đầu tư nước ngoài và xuất cảng. Một trong những biện pháp này là giảm bớt tiền thuế xuất cảng cho các xí nghiệp nước ngoài. Trong 8 tháng đầu năm 1999 tổng số tiền thuế xuất cảng được giảm bớt là 24,2 %. Song song với ý định kéo vốn đầu tư nước ngoài vào, việc giảm bớt tiền thuế này là một cách bao cấp hàng xuất cảng bằng cách làm cho giá bán các hàng đó rẻ hơn đi mà không bị các nước khác trả đũa vì hàng bao cấp. Ngoài ra, đây là một cách phá giá trái hình đồng nhân dân tệ¹⁶. Trung Quốc dùng thủ đoạn này là vì năm 1994 Trung Quốc đã phá giá đồng nhân dân tệ 40 % và việc này góp phần vào việc các nước khác trong khu vực phá giá tiền của họ năm 1997. Sau khủng hoảng năm 1997 Trung Quốc đã hứa công khai với thế giới nhiều lần là sẽ không phá giá đồng tiền của mình nữa.

Nếu khó khăn kinh tế đã làm cho Trung Quốc không giữ lời hứa của một nước lớn và buộc phải chơi trò xảo trá, thì tại sao Trung Quốc lại gây ra một số sự kiện khiêu khích ngay trong giai đoạn hiệp định thương mại song phương với Mỹ cần được Quốc hội Mỹ thông qua ? Trung Quốc biết đây là việc tối cần vì đã nói thẳng trong khi đàm phán vào WTO với các đại diện Liên Hiệp Âu Châu rằng nếu hiệp định thương mại với Mỹ không được thông qua thì Trung Quốc cũng chưa muốn vào WTO¹⁷.

Khó mà biết đích xác nguyên do hay ý đồ của Trung Quốc được. Chỉ có thể biết là những hành động vừa qua chứng minh rằng Trung Quốc chưa phải thực sự là một đại cường quốc. Một cường quốc thực sự không cần biểu dương lực lượng hay chơi trò phá quấy. Thường thường một cường quốc phải là một nước đóng vai lãnh đạo trong các hệ thống quốc tế, với khả năng gây ảnh hưởng tích cực trên chính trường quốc tế cũng như trên an ninh, quyền lợi, và địa vị của các nước khác. Và trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh thì vai trò kinh tế lại là vai trò tối quan trọng. Nhưng nhìn từ góc độ kinh tế thì Trung Quốc không phải là một cường quốc. Năm 1997 tổng thu nhập quốc gia (GNP) của Trung Quốc chỉ là 3,5 % của GNP thế giới, tức là còn sau Italia bé nhỏ. Năm 1998 tổng giá trị kinh tế đối ngoại của Trung Quốc chỉ bằng 3 % tổng số thương mại quốc tế. Vì thế, khả năng Trung Quốc có thể ảnh hưởng kinh tế thế giới còn khá nhỏ. Ngay trong khu vực Á Châu ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc cũng chưa lớn vì trao đổi hàng hoá của Trung Quốc cũng chỉ bằng 11 % tổng số trao đổi trong khu vực.

Thái độ khiêu khích và biểu dương lực lượng của Trung Quốc có thể là để che đậy khó khăn kinh tế và xã hội của mình và có thể là để gây tự hào dân tộc. Nhưng nó không giúp cho Trung Quốc thực sự trở thành một đại cường quốc. Nó chỉ gây cảm giác bất an không những cho những nước láng giềng nhưng cả cho nhân dân Trung Quốc nữa.

(*) Diễn Đàn từ số 92.

Chú thích

- 1) Stuart Schram, *The Political Thought of Mao Tse-tung* (Tư tưởng chính trị của Mao Trạch Đông), New York, 1972, trang 163.
- (2) Yoichi Funabashi, *Bridging Asia's Economics-Security Gap* (Bắc cầu nối liền khoảng cách giữa kinh tế và an ninh của Á Châu), *Survival*, số 4, mùa đông 1996-1997, trang 103-104.
- (3) Arthur Waldron, *How Not to Deal with China* (Làm sao khỏi phải đối đầu với Trung Quốc), *Commentary*, số 4 tháng 3 năm 1997, trang 44-49.
- (4) Richard Bernstein và Ross H. Munro, *The Coming Conflict with China* (Xung đột sắp tới với Trung Quốc), nhà xuất bản Knopf, New York, 1997 và bài *China : The Coming Conflict with America* trong *Foreign Affairs*, tháng 3-4 năm 1997, trang 18-32.
- (5) Michael Ledeen, *A Scandalous Policy* (Một chính sách lố bịch), *Wall Street Journal*, ngày 26 tháng 3 năm 1997.
- (6) Joseph S. Nye, *China's Re-emergence and the Future of the Asia-Pacific* (Sự tái xuất hiện của Trung Quốc và tương lai của khu vực Châu Á Thái Bình Dương), *Survival*, bộ 39, số 4 mùa đông 1997-1998, trang 68-70. Tác giả nguyên là thứ trưởng Bộ Quốc Phòng Mỹ năm 1994-95, chuyên trách về các vấn đề an ninh thế giới. Nay là giám đốc Kennedy School of Government tại đại học Harvard.
- (7) Robert S. Ross, *Beijing as a Conservative Power* (Bắc Kinh như là một cường quốc bảo thủ), *Foreign Affairs*, tháng 4-5 năm 1997, trang 33-44.
- (8) Gerald Segal, *Does China Matter ?* (Trung Quốc có đáng kể hay không?), *Foreign Affairs*, tháng 9-10 1999.
- (9) Samuel S. Kim, *China as a Great Power* (Trung Quốc như là một cường quốc), trong *Current History*, tháng 9 năm 1997, trang 246-247. Đây là tạp chí nghiên cứu xuất bản hàng tháng ở Mỹ.
- (10) *China's New Naval Strategy* (Chiến lược hải quân mới của Trung Quốc), *STRATFOR.COM Global Intelligence Update*, ngày 26 tháng giêng năm 2000.
- (11) Hai bài nghiên cứu sâu vấn đề này là : Mark J. Valencia, *Energy and Insecurity in Asia* (Năng lượng và sự mất an ninh ở Châu Á), *Survival*, bộ 39, số 3, mùa thu năm 1997, trang 85-106 ; Daniel Yergin, Dennis Eklof , Jefferson Edwards, *Fueling Asia's Recovery* (Cung cấp năng lượng cho việc hồi phục của Châu Á), *Foreign Affairs*, tháng 3-4 năm 1998, trang 34-50. Bài của Valencia cung cấp nhiều tài liệu và chi tiết về tranh chấp ở biển đông và thái độ của Trung Quốc.
- (12) Craig S. Smith, *New Chinese Guided-Missile Ship Heightens Tension*, nhật báo *New York Times*, ngày 9 tháng 2 năm 2000.
- (13) Eirk Echholm, *China Says Taiwan Cannot Continue Delaying Reunion*, nhật báo *New York Times*, ngày 22 tháng 2 năm 2000. Số báo này cũng đăng toàn văn tuyên bố của Trung Quốc.
- (14) Eric Schmitt, *U.S. Rejects China's Taiwan Views*, nhật báo *New York Times*, ngày 23 tháng 2 năm 2000.
- (15) The Asssociated Press, *Trade Deficit Hits High in 1999*, nhật báo *The New York Times*, ngày 18 tháng 2 năm 2000.
- (16) Stratfor.com, *The People's Republic of China, Part II: The Unstable Economy*, ngày 3 tháng giêng năm 2000.
- (17) Craig Smith, *WTO Talks on Admitting China Break Off*, nhật báo *The New York Times*, ngày 24 tháng 2 năm 2000.

Bộ áo nâu của thành phố Wien

Chủ nghĩa phatxit mới hay chủ nghĩa quốc gia dân túy ?

Nguyễn Quang

Lần đầu tiên tại châu Âu từ khi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai kết thúc, đảng cực hữu lên cầm quyền. Ở Wien (Vienne), quê hương của Sissi⁽¹⁾, của dòng họ nhạc sĩ Strauss, của Sigmund Freud và của cả Adolf Hitler. Lịch trình này bắt đầu từ cuộc tuyển cử quốc hội tháng 10 năm 1999, khi đảng FPÖ của Jörg Haider, với tỉ số phiếu 27 %, đã qua mặt đảng bảo thủ ÖVP và trở thành chính đảng lớn thứ nhì của nước Áo, sát nút đảng xã hội SPÖ. Sau nhiều tháng thương lượng vất vả, liên minh đỏ-đen (tức là tả-hữu) nắm quyền ở Áo từ hơn 10 năm nay đã nhường chỗ cho liên minh đen-xanh (tức là liên minh giữa phái hữu và phái cực hữu). Một chính phủ liên minh chia đôi số ghế : Haider khôn khéo đứng ngoài nội các, nhưng đảng của ông ta giành được 6 bộ trong số 12 bộ, lại là những bộ quan trọng : tài chính, tư pháp, quốc phòng... không kể chức vị tượng trưng là phó thủ tướng.

Đó là một tình huống chưa từng xảy ra ở châu Âu. Và phản ứng của Liên hiệp Âu châu trước tình huống mới lạ cũng có thể nói là không tiền lệ : dưới sự chủ toạ của Bồ Đào Nha, 14 nước thành viên đã đặt Áo vào tình trạng “ *kiểm dịch ngoại giao* ” (quarantine diplomatique) – không tiếp xúc chính thức với chính phủ Áo ở cấp lãnh đạo chính trị, chỉ tiếp các đại sứ Áo ở cấp kĩ thuật (nghĩa là cấp viên chức), không ủng hộ những ứng cử viên Áo trong các tổ chức quốc tế...

Việc phái cực hữu lên cầm quyền cũng đã thức tỉnh xã hội công dân⁽²⁾ không những ở khắp các nước Áu châu mà cả ở Áo. Tại đây, các phong trào phản đối đã nở rộ, cam kết dành cho chính phủ mới “ 100 ngày phản nổ ” (thay cho 100 ngày ân huệ mà dư luận thường dành cho mọi nội các mới thành lập). Đỉnh cao của phong trào này là ngày chủ nhật 25.2.2000, với những cuộc biểu tình cùng một lúc diễn ra tại nhiều thủ đô, và ngay tại Wien, với cuộc diễu hành khổng lồ tập hợp hơn 200 000 người (tưởng cũng cần nhắc lại, dân số cả nước Áo, xấp xỉ 8 triệu, ít hơn dân số vùng Paris).

Xanh hay nâu ?

Như mọi người (có thể) đã biết, sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, nước Áo không hề trải qua quá trình *bài trừ nazi*, trên thực tế (do vị trí tiên đôn của Áo, nằm sát “ Bức màn sắt ”, các nước đồng minh phương Tây đã nhắm mắt làm ngơ), cũng như về mặt tinh thần (năm 1938, 98 % dân chúng Áo đã ủng hộ cuộc Anschluss của Hitler sáp nhập nước Áo, thế mà sau đó, kí ức tập thể của nước Áo làm như dân tộc này là chỉ là nạn nhân của chủ nghĩa nazi). Chính vì vậy mà người ta dễ dàng hoá vấn đề, xếp mọi phe đảng cực hữu ở vùng nói tiếng

Đức (kể cả vùng Thụy Sĩ nói tiếng Đức) là *tân-nazi*, hay *nazi ngầm*. Sự thực phức tạp hơn vậy. Một mặt, không thể nghi ngờ gì về những tiếc nuối quá khứ nazi của J. Haider, thể hiện nhiều lần qua những tuyên bố (vô tình hay cố ý) : ca ngợi chính sách công ăn việc làm của chế độ quốc xã Hitler (1991), gọi các trại tập trung nazi là “ trại trừng gián ” (1995), ca ngợi lòng quả cảm trung thành của bọn lính ác ôn Waffen SS (1996)... Cũng không thể quên rằng, trong thập niên 1970, đảng FPÖ khởi thuỷ tập hợp đầy những đảng viên cũ của đảng quốc xã NSDAP, song ta cũng không nên quên rằng những đảng khác, “ sạch sẽ ” hơn, ngay cả đảng xã hội SPÖ cũng thế nốt !

Năm 1986 là năm mà Haider giành được quyền lãnh đạo FPÖ thông qua một cuộc đảo chính, và đồng thời tiến hành một cuộc đổi hướng chiến lược : từ bỏ ngôn ngữ “ màu nâu quốc gia chủ nghĩa ” để thu hút rộng rãi mọi lá phiếu phản kháng dưới ngọn cờ “ chủ nghĩa ái quốc mới ” (khẩu hiệu hiện nay). Trong những năm bẵn lề đó, thời kì mà não trạng tuân phục (*conformisme*) của nước Áo bị rúng động trong vụ Waldheim (tổng thống, bị các nước Tây phương tẩy chay vì quá khứ nazi), trước ngày mà cả nước Áo bị chấn động khi bức tường Berlin sụp đổ, chiến lược dân túy (populiste) đã đưa đảng FPÖ giành được nhiều thắng lợi trong các cuộc bầu cử cấp địa phương, và cuối cùng là thắng cử trên qui mô toàn quốc. Trong một công trình nghiên cứu công phu về phe cực hữu Áo do Hội khoa học chính trị Pháp chủ trì⁽³⁾, Patrick Moreau gọi chủ nghĩa dân túy của đảng FPÖ là “ *một hồn hợp của chủ nghĩa sô-vanh về phúc lợi* [nghĩa là loại bỏ những người nghèo khổ] và *chủ nghĩa quốc gia thiên Áo chống Áu, mang đậm nét loại trừ, chống định chế, chống hệ thống chính đảng, ve vãn chủ nghĩa cá nhân và nhân danh những nguyên tắc trật tự và đạo lý gọi là để bảo vệ cá nhân và môi trường tự nhiên* ”. Phân tích biến chuyển của giới cử tri bỏ phiếu cho FPÖ từ năm 1990 đến năm 1999, người ta thấy rõ có sự suy yếu của “ *hạt nhân cứng* ” cổ truyền, về mặt tư tưởng có xu hướng toàn trị (tân nazi, phatxit, quân phiệt, kỳ thị chủng tộc bạo lực...) đồng thời với sự tăng tiến của số cử tri thuộc loại “ *nạn nhân tiềm thể* ” của quá trình hiện đại hoá, số này thuộc thành phần làm công, nhất là thợ thuyền, trước đây vốn vẫn bỏ phiếu cho đảng xã hội SPÖ ; đa số cử tri của FPÖ bao gồm những nhóm không thuần nhất, với một mẫu số chung là chia sẻ những giá trị có tính cách phản kháng (chống lại sự can thiệp của Nhà nước) đồng thời lại sính uy quyền (ưa thích tôn ti, trật tự, trấn áp), số này vốn là cử tri của đảng bảo thủ ÖVP.

Tóm lại, nếu ta bỏ qua những đặc thù của Áo, thì hiện tượng FPÖ mang những nét chung của các đảng phe hữu dân túy cực đoan đã có chân dung ở Tây Âu : đảng Mặt trận Quốc gia FN ở Pháp (15 % phiếu bầu trong cuộc bầu cử quốc hội năm 97), Liên đoàn miền Bắc của Ý (10 % trong cuộc bầu cử quốc hội năm 96), đảng Nhân dân Đan Mạch (7,5 % trong cuộc bầu cử năm 98, và 18 % trong các cuộc thăm dò dư luận hiện nay), đảng Vlaams Block ở Bỉ (10 % năm 99 ; đang có hi vọng năm chính quyền thành phố Anvers), Liên hiệp Dân chủ Trung phái ở Thụy Sĩ (với 22,8 % trong cuộc tuyển cử liên bang tháng 10.99 vừa qua, nó đã trở thành đảng mạnh nhất ở Thụy Sĩ)...

Khủng hoảng xã hội

Làm sao giải thích được trào lưu quốc gia dân tuý này ?

Nguyên nhân đầu tiên, cũng là nguyên nhân dễ thấy nhất, phải tìm trong cuộc khủng hoảng kinh tế : ở Pháp chẳng hạn, rõ ràng là nạn thất nghiệp và quá trình các khu dân cư ngoại ô biến thành những khu ghetto đã dọn đường cho đảng FN của Le Pen. Nhưng giải thích như vậy không đủ. Những ai tưởng rằng kinh tế sáng sủa sẽ đương nhiên xua tan phe cực hữu hãi nhìn vào những điều nhẫn tiền ở Wien : tỉ số thất nghiệp chỉ có 4,5 %, lạm phát 0,6 %, mức sống ở Áo cao hơn ở Pháp và Đức. Thế thì tại sao Haider đã kéo được dân Áo vào cuộc lèn đồng tập thể và nấm lấy chính quyền ? Nhà xã hội học người Áo Silvio Lehmann cho rằng sự chấn thương này bắt đầu từ năm 1989, khi bức tường Berlin đổ sập : “ *Nước Áo cũng tì như một ngôi nhà nhỏ nhắn, trong nhà thum thùm mùi xác chết nazi còn cất giấu kỹ trong đáy tủ, nhưng đây đủ tiện nghi và bày biện đẹp mắt, một mặt nhà là cửa kính mở rộng, trông ra phía tây... Thế mà đột nhiên, người ta đục lỗ trong bức tường quay về phía đông, và trời nổi gió, gió ùa vào nhà, làm cho chúng tôi ở trong nhà hổng thấy mình ở ngay sát vách Ukrainia, thấy mình cách xa Thụy Sĩ ! Rồi người ta bảo phải bám vào Liên hiệp châu Âu, nhưng viện có phải thuần nhất hoá thị trường, và nhân danh một tinh thần thuần lí Descartes giả tạo, Liên hiệp châu Âu áp đặt chúng tôi phải chấp nhận phép tắc của một bộ máy quan liêu đòi qui định đến cả kích thước của mỗi quả dưa chuột. Thế là nước Áo chết gí giữa hai con đê té thân, cơ hội ngàn năm một thuở của Haider : một bên là mối lo ngại rằng làn sóng dân nghèo từ Đông Âu muôn tràn sang, bên kia là nỗi thất vọng trước viễn ảnh Tây Âu muốn xích chúng tôi vào những cỗ máy tính điện tử với viễn ảnh thất nghiệp do quá trình tái cấu trúc kinh tế sẽ gây ra... ”.*

Làm tiên đôn cho không gian Schengen của Tây Âu, tiếp giáp tảng băng của khối Liên Xô cũ đang tan chảy, vốn là đặc thù của nước Áo. Nước nào cũng có những điểm đặc thù của mình (chẳng hạn như Bỉ đang phải đối mặt với vụ Dutroux, Thụy Sĩ phải đương đầu với đồng Euro...). Nhưng quan trọng hơn cả, là hai cái khuôn mặt của sự lo sợ – sợ “ xâm lăng ” và sợ “ máy tính điện tử ” – mà Silvio Lehmann đã vạch ra. Trong công trình nghiên cứu đã dẫn ở trên, P. Moreau chỉ rõ tính chất khôi cử tri của đảng FPÖ là “ tân vô sản ”, với một tí trọng thợ thuyền lớn, và có cả những nhân viên làm công không có tay nghề cao, ít học, mức sống thấp, nghĩa là những cử tri mà nếp sống công nhân hay nếp sống xã hội truyền thống nay đã suy tàn làm cho họ mất chỗ dựa tinh thần, lo sợ mình sẽ là nạn nhân của quá trình biến đổi kinh tế sắp tới. Trong bối cảnh ấy, xu hướng bài ngoại phát triển mạnh mẽ theo một hướng mới : “ chủ nghĩa chủng tộc thô bạo ” (màu da này ưu việt hơn màu da kia) nhường chỗ cho “ chủ nghĩa chủng tộc kinh tế ”, nhìn thấy mỗi “ ngoại nhân ” túng thiếu là một mối nguy đe doạ những ưu quyền (dù là nhỏ bé) của mình. Cần nhấn mạnh hai chữ túng thiếu vì Áo vốn được gọi là “ quán trọ ” của châu Âu, ngành du lịch mỗi năm mang lại 10 % thu nhập cho nền kinh tế, “ ngoại nhân ” da vàng bay từ Nhật Bản đến là những người khách đến đây tiêu tiền, còn người da trắng đến từ Ukrainia là những ký sinh trùng xã hội.

Bộ máy tuyên truyền của FPÖ ra sức kích thích và khai thác những mối lo sợ tản phát ấy. P. Moreau liệt kê những chủ đề tuyên truyền của đảng này : xã hội bị Mỹ hoá, các băng đảng mafia tràn lan, nạn ô nhiễm môi trường, dân nhập cư, xây dựng châu Âu (nhìn dưới lăng kính quan liêu hoá và tập trung hoá), toàn cầu hoá (coi như nguyên nhân gây ra bất ổn định kinh tế và xã hội)...

Với một vài dị biệt nhỏ về chi tiết, đó cũng là chủ đề tuyên truyền của mọi đảng phái dân tuý ở châu Âu.

Khủng hoảng của nền dân chủ

Một chủ đề tuyên truyền ăn khách khác là công kích các định chế và các chính đảng truyền thống ⁽⁴⁾ : ở Pháp, Le Pen ra rả chống “ bè lũ bốn đảng ”, ở Áo Haider chĩa mũi dùi vào “ bọn đỏ bọn đen ” liên tục nấm chính quyền từ ngày thành lập nền đệ nhị cộng hoà (1945)... Chống chế độ đại nghị vốn là ngón nghề của phái cực hữu, nhưng kinh nghiệm lịch sử cho thấy nó chỉ có tác dụng khi tính đại biểu và tính chính đáng của chính quyền dân chủ lâm vào khủng hoảng, khi các định chế dân chủ bị tắc nghẽn, các đảng cầm quyền ăn cát với nhau, vô hình trung tước đoạt quyền làm chủ của người dân mà họ chỉ là những đại biểu. Bộ máy quyền lực lúc đó trở thành một cỗ máy chạy khổng, bế ngoài thì dân chủ đấy, nhưng thực chất là phản dân chủ, đặt xã hội công dân vào cái thế phải lựa chọn khó khăn : một là bùng nổ (mọi người còn nhớ hình ảnh những cuộc tuần hành “ trắng ” ở Bỉ khi xảy ra vụ Dutroux), hai là bỏ phiếu đoạn tuyệt... Các nhà nghiên cứu chính trị học đều nhất trí trên điểm này : nền dân chủ ở Áo đã đánh mất “ thói quen vệ sinh ” là sự thay phiên cầm quyền : bầu cử vẫn bầu cử đều đặn, nhưng hai đảng lớn, tả và hữu, vẫn liên tục cầm quyền, chia nhau mọi chức vị và theo đuổi cùng một chính sách. Sự chia quyền, người Áo gọi là *Proporz*, cuối cùng đã biến thành một sự chia chác toàn diện ở mọi ngành mọi cấp : ở đài phát thanh, đài truyền hình, trong các công đoàn, ở các công sở, tại các đại công ti, trường học, thậm chí ở các tòa án ⁽⁵⁾... việc tuyển dụng, thăng thưởng, trợ cấp... tất tật đều căn cứ vào “ thẻ đảng ”. Với Haider, không biết chế độ *Proporz* sẽ biến chuyển ra sao, chỉ biết khẩu hiệu bãi bỏ nạn “ thẻ đảng ” đã đánh trúng tâm lý, đặc biệt là giới trẻ. Người ta có cảm tưởng rằng cuộc khủng hoảng thể chế dân chủ đặc biệt nghiêm trọng ở Áo, Thụy Sĩ, Bỉ, là những nước mà định chế nhà nước tạo ra sự gắn gũi, thân thiết giữa chính quyền và đối lập, cuối cùng là mọi thảo luận dân chủ bị triệt tiêu.

Mở đầu bài này, chúng tôi viết FPÖ là đảng cực hữu đầu tiên lèn nấm chính quyền ở châu Âu từ khi Thế chiến kết thúc. Không hẳn như vậy. Cách đây không lâu, ở Ý, Berlusconi cũng đã đưa Liên đoàn Lombardia (dân tuý) và đảng MSI (phatxit mới) vào chính phủ. Ngay tại Áo, đảng xã hội SPÖ dưới thời thủ tướng Sinowatz cũng đã từng lập liên minh (1983-1986) với FPÖ khi đảng này do Norbert Steyer, SS cũ, lãnh đạo. Thế thì tại sao lại âm ĩ khi tới phiên Haider ? Có ít nhất hai lí do liên quan với nhau :

1) Đây là lần đầu tiên, các thể chế dân chủ cảm thấy bị đe doạ vì chính những lầm lạc do họ mắc phải (đảng ÖVP bán đứng danh dự của mình để ngồi lại chính quyền ; còn đảng xã hội SPÖ, thì vì mị dân, đã tiến hành những biện pháp do

Haider đề nghị, đặc biệt là trong chính sách đối với người nhập cư), do sự trùng hợp của trào lưu dân tuý, do hiện tượng Haider hoá trong tư tưởng (người ta không còn coi cực hữu là “quỷ dữ” nữa). F. S. da Costa, quốc vụ khanh Bộ Đào Nha phụ trách các vấn đề châu Âu đã cảnh báo : “Cái gì đặt ra hôm nay cho nước Áo ngày mai cũng sẽ đặt ra cho mọi nước trong Liên hiệp châu Âu”. Hôm nay là chuyện xảy ra ở nước Áo nhỏ bé với một tên Haider nhóc con, nhưng nếu ngày mai, anh lớn của nó ở vùng Bayern (Bavière, Đức), thửa dịp đảng CDU của cựu thủ tướng Kohl sụp đổ (chìm ngập trong những vụ bê bối tiền bạc), lên nắm chính quyền ở Đức thì sao ? Đó chính là sự âu lo mà thủ tướng G. Schroeder đã công khai và thẳng thắn biểu lộ : đối với thủ lãnh của Đảng xã hội Đức, không có tình huống nào xấu hơn là phải một mình đối diện với phe cực hữu.

2) Lần đầu tiên từ thời Hitler đến giờ, các chế độ dân chủ phải đương đầu với một thách thức cơ bản : một chính đảng phi dân chủ lén cầm quyền thông qua con đường dân chủ. Dù cho đảng FPÖ của Haider không huých toet đặt lại các nguyên tắc dân chủ cơ bản, nhưng nó đã đoạn tuyệt với một vài nguyên tắc khi nó “bác bỏ Nhà nước như là biểu hiện ý chí tập thể của các công dân, chỉ trích các phương thức đại nghị và tuyển cử, chống đối nguyên tắc bình đẳng cá nhân và bình đẳng xã hội giữa các cá nhân, chống lại mọi biện pháp chính trị theo chiều hướng này (...), kích động tâm lí bài ngoại hay kỳ thị phán bì” (P. Moreau). Cũng cần nói thêm : một đảng phái kêu gọi “nhân dân” chống lại những “thành phần ưu tú” thì không thể là một chính đảng dân chủ, bởi vì trong một chế độ dân chủ, thì nhân dân, tuy là người chủ có quyền quyết định, không phải lúc nào và bao giờ cũng có lý⁽⁶⁾. Và ngược lại, tuy không phải lúc nào cũng có lý, nhân dân vẫn là người chủ. Mâu thuẫn cơ bản của nền dân chủ chính ở chỗ này. Đó vừa là cái mạnh vừa là chỗ yếu của nó : trong khuôn khổ các nguyên tắc dân chủ, bài toán Hitler, Haider và công ti không có đáp án. Mọi người còn nhớ tình huống mới xảy ra gần đây : đảng Hồi giáo cuồng tín FIS ở Algérie. Chính quyền Algérie

(phi dân chủ) đã “ giải quyết vấn đề ” bằng một cuộc đảo chính (nhưng mười năm sau, với hàng ngàn vạn người bị tàn sát, ai dám nói rằng vấn đề đã được “ giải quyết ”?).

Châu Âu, về phân minh, đã tìm cách đổi mới, sử dụng một thứ “quyền can dự” khi đặt chính phủ Áo trong tình trạng “bị kiểm dịch”. Song cũng phải nói rằng, tuy hiệp ước Roma quy định rằng châu Âu “được xây dựng trên nền tảng các nguyên tắc tự do, dân chủ, tôn trọng các quyền làm người và các quyền tự do cơ bản”, và tuy hiệp ước Amsterdam dự trù những biện pháp trừng phạt những nước thành viên vi phạm những nguyên tắc ấy “một cách nghiêm trọng và kéo dài”, nhưng các vấn kiện vừa trích dẫn cũng còn rất mơ hồ, ngoài hai đoạn câu kể trên, cũng chẳng có gì cụ thể. Thành ra, trước mắt, chưa thể trừng phạt những hành động cụ thể của Wien, mà chỉ có thể lên án những ý đồ. Muốn đuổi con cáo ra khỏi chuồng gà (nói theo hình ảnh mà chính Haider đã dùng), thì có lẽ người ta sẽ không thể né tránh vấn đề là xây dựng Âu Châu như một thực thể chính trị, chứ không đơn thuần là một thực thể kinh tế hay tiền tệ.

Nguyễn Quang

- (1) Hoàng hậu Áo, nổi tiếng qua những bộ phim mang cùng tên, do nữ tài tử Romi Schneider đóng.
- (2) Thật là dẽ sợ, sự cảm lặng của Giáo hội Công giáo, ở Wien cũng như ở Vatican.
- (3) Tuần báo *Nouvel Observateur*, 10/16.02.2000.
- (4) Ở Hoa Kỳ cũng thế, Pat Buchanan, tì phú Ross Perot, và cả đối thủ chính của thống đốc G. Bush Jr, thượng nghị sĩ John McCain, cũng chơi con bài chống “establishment”.
- (5) Thuỵ Sĩ cũng có một phương thức tương tự, gọi là *Konkordanz*. Tại mỗi tổng (canton), số ghế quan toà được chia cho các đảng theo tỉ số phiếu. Cách đây không lâu, một người bạn Thuỵ Sĩ còn muốn thuyết phục người viết bài này rằng đó là bảo đảm tốt nhất cho sự độc lập của công lí !
- (6) Cho nên chữ “nhân dân” thường được các chế độ độc tài dùng làm lá nho (“dân chủ nhân dân”, “toà án nhân dân”...).
- (7) Cái quyền can dự ấy sẽ đáng được tin cậy hơn nếu sau khi được áp dụng ở Kosovo, người ta dám áp dụng ở cả Tchetchenia.

Sự im lặng đáng sợ

Đảng cực hữu của J. Haider lén cầm quyền, dư luận châu Âu biểu lộ sự lo âu và phẫn nộ chính đáng. Người ta chờ đợi những lời tuyên bố kiên quyết của Giáo hội Công giáo, như Hội đồng Giám mục Pháp đã từng lên tiếng khi đảng FN của Le Pen bành trướng ánh hưởng. Đặc biệt trong trường hợp Áo là nước mà cộng đồng Công giáo có truyền thống tham gia tích cực vào đời sống chính trị, công đoàn và xã hội, và nhiều lần được giáo hoàng Gio-an Phaolô II tuyên dương. Nhưng, ở Toà thánh Vatican cũng như ở Toà tổng giám mục Wien, người ta chỉ nghe thấy sự im lặng. Tệ hại hơn nữa : những lời nói ấp a áp úng. Ngày 3.2, hồng y Angelo Sodano, ngoại trưởng Vatican, cánh tay phải của Giáo hoàng, từ chối “mọi sự lén án tiên thiên”. Hôm sau, hồng y Christoph Schönborn, tổng giám mục Wien, lại kêu gọi dư luận hãy “phát ngôn thận trọng” (Le Monde, 6-7.02.2000).

Hay là lời khuyên “thận trọng” của “đức” hồng y

nhầm Haider khi ông ta ca ngợi chính sách lao động của Hitler, biểu dương sự dũng cảm và trung thành của bọn Waffen SS ? Hay Kurt Krenn, giám mục Sankt-Polten, khi “ngài” này tuyên bố : “J. Haider có công lớn với nước Áo” (1997) ?

Hay là, trong năm “kim khánh 2000” của sự sám hối, ông nghỉ tới tiên nhiệm của ông, hồng y Innitzer, tổng giám mục Wien, năm 1938, đã hoan hỉ chào mừng đoàn quân quốc xã Đức hùng dũng vượt qua biên giới để sáp nhập nước Áo ?

Bất luận thế nào, sự im lặng của Giáo hội và Giáo hoàng hôm nay làm cho người ta liên tưởng tới sự im lặng của Giáo hoàng Pio II trước những tội ác của Hitler.

Chẳng lẽ phải đợi đến năm 2400, Vatican mới lên tiếng sám hối, như Toà thánh mới vừa làm (cầm chừng), 400 năm sau ngày Giordano Bruno lên giàn hỏa thiêu ?

Phong Quang

Ý kiến về hiệp định Việt-Mỹ...

(tiếp theo trang 1)

một phần lớn là do chính sách chuyển đổi đồng tiền tự do và thương mại mở cửa. Sau đó việc kiểm soát hối suất do mẫu quốc đề ra đã đưa nền kinh tế đến chỗ lụn bại hơn. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của thương mại quốc tế.

Hiện nay đất nước ta đang trong quá trình đổi mới, chắc không ai lại thiển cận cho rằng cần đóng cửa vì sợ ruồi nhặng bâu tối làm ô uế chế độ hoặc làm sụp đổ chế độ. Nhưng việc cân nhắc bước đi nhằm giữ vững ổn định là một cân nhắc chính đáng trong tiến trình phát triển của đất nước. Ngoài ra, mặc dù toàn cầu hoá rõ ràng là có lợi, nhưng cũng như các nước khác, dù đang phát triển hay đã phát triển cao như Mỹ, Nhật, Âu châu, không ai không cân nhắc đến các tác hại, đặc biệt là tác hại xã hội do toàn cầu hoá đưa tới. Họ sẽ chỉ thoả ước những gì có lợi cho họ nhất, và chỉ làm một cuộc trao đổi khi mà cái lợi nhiều hơn cái hại. Tại sao Nhật và các nước Âu châu tiếp tục bảo hộ nông nghiệp khi mà hàng năm họ phải chi tiêu hàng trăm tỷ đô la để bù lỗ và biết rõ là các nước đang phát triển có lợi thế so sánh về nông nghiệp và cần thi trường nông sản để tạo nguồn ngoại tệ ? Tại sao Mỹ phải xây hàng rào quota hạn chế nhập khẩu quần áo, vải vóc từ các nước chậm phát triển ? Tại sao Mỹ lại đặt ra các điều kiện bảo vệ lao động và môi trường theo tiêu chuẩn Mỹ ? Phải chăng đó là cái cớ để tương lai họ có thể dùng nhằm hạn chế hàng nhập từ các nước đang phát triển nếu cần, khi hàng rào quota bị loại bỏ trong thời gian sắp tới theo điều ước quốc tế GATT ? Có thể hiểu được điều đó vì người lao động Mỹ sợ mất công ăn việc làm còn các nhà chính trị sợ mất phiếu. Thế nhưng đâu là cái lợi cho các nước đang phát triển chấp nhận ký những điều ước quốc tế về thương mại khi các nước lớn có thể sử dụng các lý do ngoài thương mại để cấm vận ? Mở cửa toàn diện cho tư bản tài chính là con bài của Mỹ, như họ đã định áp đặt lên các nước Đông Á và Đông Nam Á mới đây khi cuộc khủng hoảng mới nổ ra, nhưng sau đó phải hoãn binh khi bị lén án, và nhất là khi liêu thuộc họ tiêm qua IMF không kết quả. Mỹ và các nước phát triển nói đến mở cửa **hạn chế** cho thương mại hàng hoá nhưng lại **toàn diện** cho dịch vụ, đầu tư trực tiếp của nước ngoài và tư bản tài chính (riêng Mỹ thì muốn thêm bầu trời mở cho máy bay của họ). Chủ trương như thế vì họ biết chắc là họ nắm ưu thế ở những thị trường mà họ muốn mở cửa toàn diện. Điều mà các nước thứ ba có lợi thế về lao động rẻ thì không thấy các nước phát triển cao đã động tới. Bầu trời mở nhưng biên giới thì không mở. Mở cửa là điều cần thiết cho sự phát triển nhưng khung mở và lộ trình thời gian để mở phải tuỳ thuộc vào khả năng điều chỉnh nền kinh tế của các nước nhằm tránh các tác hại xã hội lớn.

Phân tích như trên không có nghĩa là thương thảo về tự do hoá thương mại quốc tế chủ yếu mang tính chất đấu tranh chính trị. Phải xác định là trên cơ sở học thuyết và kinh nghiệm phát triển kinh tế, toàn cầu hoá là quá trình cần thiết nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế của cả thế giới. Một nước chịu thiệt thòi như Việt Nam do hàng bao thế kỷ đóng cửa không thể không rút ra bài học này. Nhưng toàn cầu hoá cũng bao hàm cuộc đấu tranh quyền lợi giữa các quốc gia, và trong nội bộ quốc gia giữa quyền lợi của các nhà chính trị đang nắm chính quyền và nhân dân, giữa các nhóm quyền lợi trong nhân dân, cũng như giữa các nhà tài phiệt và lao động.

Chính vì thế mà hiệp định thương mại Việt-Mỹ không chỉ mang tính thương mại mà còn mang tính chính trị. Hiệp định thương mại Việt-Mỹ cũng như Trung-Mỹ hiện nay, nằm dưới một tu án có tên là Jackson-Vanek của Quốc hội Mỹ. Tu án này được tạo ra nhằm ép Liên Xô trước đây mở cửa cho người Do Thái di dân ra khỏi nước, nhưng sau đó trở thành con bài áp lực các nước cộng sản về vấn đề nhân quyền và các vấn đề khác. Tu án dành cho Quốc hội Mỹ quyền gia hạn hiệp định hàng năm. Và trước khi gia hạn là những đòi hỏi, bắt bí. Về phía Trung Quốc, họ có những chủ bài nhằm đổi phó lại : họ là thành viên của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nên có quyền phủ quyết các ý đồ quan trọng của Mỹ ; là bạn thân độc nhất của Bắc Hàn nên có thể giúp Mỹ làm dịu các ý đồ manh động phát triển vũ khí hạt nhân của Bắc Hàn. Hơn thế, Trung Quốc có cái thế của một cường quốc đang lên. Việc chấm dứt hiệp định sẽ làm khó nền kinh tế Trung quốc kể cả đưa đến suy thoái trầm trọng, nhưng Mỹ cũng khó tránh được các ảnh hưởng ngược lại, như làm tăng giá đời sống ở Mỹ khi hàng rẻ tiền Trung quốc hiện đang tràn ngập thị trường Mỹ bị ngăn chặn.

Hiệp định thương mại Việt-Mỹ cũng có điều khoản gia hạn hàng năm như hiệp định Trung-Mỹ. Điều này trước mắt và dài lâu khó thay đổi vì loại hiệp định này được đẻ ra với ý đồ chính trị rõ ràng và đặc biệt trong tình thế Quốc hội Mỹ mang tính bảo thủ như hiện nay. Hiệp định Việt-Mỹ được viết ra với điều khoản như trên không phải vì Mỹ muốn đặc biệt o ép Việt Nam mà họ muốn dùng để o ép tất cả các nước có chế độ khác họ. Như vậy Việt Nam nên ký hay không ký ? Ký tức là để Mỹ nắm gác, điều đó đã rõ. Không ký là từ chối tham gia vào quá trình toàn cầu hoá, là không dám mở cửa ? Có thể không hoàn toàn như vậy nhưng cũng gần như vậy vì Việt Nam sẽ không thể vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nếu như không được Mỹ đồng ý (tức là nếu như không ký nối hiệp định thương mại với Mỹ hiện nay để sau nay tiến tới thoả ước về hiệp định thương mại như Trung quốc hiện nay đang trong quá trình thương thảo với Mỹ và Tây Âu). Quan ngại về hậu quả khi Mỹ không chịu gia hạn là quan ngại chính đáng. Tình hình kinh tế tất nhiên khó khăn, hoặc có thể suy thoái trầm trọng khi Mỹ không gia hạn, nếu như xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt một mức đáng kể. Quan ngại đó có thể có người cho là quá đáng nhưng có ai dám bảo đảm là Mỹ sẽ không làm thế, kể cả tổng thống Mỹ. Quyền gia hạn là của Quốc hội Mỹ kia mà. Và còn những quan ngại khác. Ở Việt Nam chẳng hạn điều gì sẽ xảy ra khi giá đường trên thế giới được tự do hoá ? Kế hoạch lỗi thời của thời kinh tế hoạch định mới đây nhằm đạt một triệu tấn đường đã đưa đến việc xây dựng hàng loạt các nhà máy đường, các nông trường trồng mía, có thể tốn kém hàng tỷ đô la Mỹ, thu hút cả hàng trăm ngàn nhân dân lao động nhưng giá thành đường thì lại gấp hai hoặc ba lần giá thế giới. Dân chúng nói chung phải è cổ trả. Mở cửa sẽ làm phá sản hầu hết các nhà máy đường này. Điều đó không đáng ngại. Cái đáng ngại là hàng trăm ngàn người nông dân mất sản nghiệp. Tham gia toàn cầu hoá sẽ làm cho toàn dân hưởng giá đường rẻ, tức là nâng cao đời sống, nhưng các nhà làm chính sách cũng phải nghĩ tới làm giảm hậu quả để lại cho nông dân trồng mía chứ. Như vậy phải cân nhắc lộ trình và các biện pháp đối với nông dân.

Như vậy có lối ra cho vấn đề trên không ? Có chứ, tôi đề nghị nhà nước ký hiệp định nếu như các điều khoản khác có thể chấp nhận được và nhanh chóng trong vòng năm năm nữa

làm mọi việc cần thiết để trở thành thành viên của WTO. Lúc đó hiệp định song phương với Mỹ không còn cần thiết vì đã được hiệp định đa phương WTO thay thế. Trong năm năm tới, làm ăn với Mỹ sẽ không lớn đến nỗi mà việc Mỹ không gia hạn có thể gây đảo lộn trong nền kinh tế đất nước. Nếu không ký lúc này, có lẽ phải đợi tới 3 năm nữa thì chính phủ mới của Mỹ mới vận hành nhin vào vấn đề nhỏ như Việt Nam.

Tại sao bây giờ tôi mới có thể đề nghị như trên, một điều mà tôi nghĩ là đơn giản. Đó là vì tôi cũng mới chỉ được biết lý do chính của việc không ký kết qua tuyên bố vài tuần trước đây của ông Đào Duy Quát, người phát ngôn của văn phòng Trung Ương đảng. Ông Quát cũng nói những lý do khác nhưng nội dung cụ thể của những lý do này vẫn chưa được công bố.

Việc Việt Nam chỉ công bố một cách hết sức sơ lược lý do không ký quả là xem nhẹ công luận trong nước và thế giới. Việc Thủ tướng Phan Văn Khải không ký ở New Zealand khi mọi chuyện tưởng như sẵn sàng đã làm chấn động giới làm ăn nước ngoài và chuyên gia về Việt Nam. Nhiều tháng sau đó các nhà báo ta và tây mới biết lý do mà vẫn chỉ biết một cách mơ hồ. Nhiều người phải lác đầu, đi đến đánh giá khả năng của Việt Nam đi lên là không có. Thời gian sau khi không ký tôi có về Việt Nam, hỏi các chuyên gia kinh tế trong phòng nghiên cứu của thủ tướng về lý do, họ nói không biết. Có thể muốn giữ “ bí mật quốc gia ”, có thể không biết thật. Nhưng tại sao điều Mỹ biết lại có thể là “ bí mật quốc gia ”.

Tôi có cảm tưởng các nhà làm chính sách Việt Nam đang lãng quên vai trò của thông tin. Mà như tôi đã phân tích, hiệp định thương mại Việt-Mỹ đâu chỉ là chuyện thương mại. Nó là hiệp định gắn liền thương mại và chính trị. Điều đó không nên quên. Nếu như dư luận hiểu lý do tại sao Việt Nam không ký thì phản ứng sẽ rất khác đi nhiều. Họ có thể thông cảm chứ không lên án. Mọi báo lớn đều đăng về Việt Nam không ký mà không có lý do vì là tin nóng hổi, nhưng không ai buồn đăng lại tin giải thích của ông Đào Duy Quát năm sáu tháng sau đó.

Phê bình trên đây cũng chỉ là chuyên phu. Vấn đề chính là hiệp định thương mại Việt Mỹ có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, và các hoạt động kinh tế của nhiều tầng lớp nhân dân, nhưng nhân dân nói chung và đặc biệt giới trí thức có khả năng chuyên môn có thể đóng góp ý kiến hau như không biết gì về nội dung. Điều đáng chú ý nữa là chính một nhân vật Mỹ trong đoàn thương thảo hiệp định thương mại với Việt Nam đã tiết lộ là họ phải bỏ rất nhiều thời gian lên lớp kinh tế cho các nhà thương thảo Việt Nam. Tại sao các nhà làm chính sách không để chính người dân Việt Nam lên lớp cho các nhà thương thảo Việt Nam ? Và quan trọng hơn cả là tại sao người Việt Nam không được hiểu biết và đóng góp vào những gì có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ ? Có thể có người nêu lý do là chính phủ cần giữ bí mật cho dễ thương thảo (thật ra đây chính là ý muốn của Mỹ). Điều này có thể hiểu được, tuy nhiên không vì thế mà dân chúng hoàn toàn không biết gì về nội dung. Thương thảo thương mại Việt-Mỹ có phần kỹ thuật, có phần chính trị, giữa hai bên cân lượng không tương xứng, thì lại càng cần đến ý kiến chuyên gia và dư luận quốc tế bênh vực để tránh thiệt thòi. Ít ra Việt Nam cũng được hưởng hầu hết các chiết cố đặc biệt trong hiệp định như các nước thứ ba khác đã được hưởng.

Vũ Quang Việt
(New York 21/02/2000)

*Tưởng nhớ Giáo sư Tạ Quang Bửu (1913-1986),
người thầy lớn trong khoa học và trong cuộc sống*

Có một thói quen, không hiểu đã có từ bao giờ nhưng tôi nhớ đã được thừa hưởng từ những ngày kháng chiến chống Pháp, là gọi thầy giáo bằng “ anh ”, dù thầy có khi lớn hơn mình đến vài ba chục tuổi. Gọi bằng anh, một tiếng “ Anh ” đầy tôn kính mà thân tình. Rồi cách gọi Anh như vậy cũng được dùng cả với những người mà mình kính trọng, ngưỡng mộ, và may mắn có được chút quan hệ thân thiết tuy không phải là thầy dạy mình. Tôi biết tiếng Giáo sư Tạ Quang Bửu, một nhà khoa học, một người hoạt động Nhà nước và xã hội nổi tiếng, từ khi mới là một học sinh trung học ở quê nhà. Mãi đến cuối những năm 50, khi đã tốt nghiệp đại học, đã đi dạy và bắt đầu tham gia chập chững vào con đường nghiên cứu khoa học, tôi mới được gặp Anh. Và, cũng như bao bạn khác, quên hết mọi xa cách về tuổi tác và cương vị công tác, chúng tôi đã gọi anh một cách hết sức tự nhiên là “ Anh Bửu ”.

Hồi ấy, Anh đã về làm Hiệu trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội mới thành lập, rồi vài năm sau, làm Phó Chủ nhiệm kiêm Tổng thư ký Uỷ ban Khoa học nhà nước. Việc nước ta có một Uỷ ban Khoa học do những vị tài cao học rộng đầy uy tín (và cũng đầy huyền thoại) đứng đầu làm cho bọn trẻ chúng tôi hết sức háo hức, hăng hái tham gia mọi hoạt động do Uỷ ban tổ chức. Tôi dạy toán ở Đại học Sư phạm, tham gia đều đặn các sinh hoạt xêmine toán ở Uỷ ban. Một điều thú vị là tuy bận nhiêu việc và quẩn xuyến nhiều ngành, nhưng Anh Bửu vẫn dành thời giờ tham gia chủ trì và thuyết giảng tại xêmine Toán về những vấn đề mới, có tính chất định hướng. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ những buổi giảng của Anh, say sưa và sâu sắc, luôn hấp dẫn người nghe, hấp dẫn bởi cái say sưa nhiệt tình của người giảng là chính, dù người nghe chúng tôi nhiều khi chưa lĩnh hội được cái sâu sắc của bài giảng qua ngôn ngữ bác học của Anh. Đối với tôi, dù chưa hiểu bao nhiêu, nhưng tác động quan trọng của các bài giảng đó là gợi sự tò mò và lòng ham tìm hiểu ; và rồi như sau này khi đã trải qua phần lớn cuộc đời mình, tôi nghiệm ra rằng cái hấp dẫn nhất đối với mình bao giờ cũng là cái chưa hiểu.

Các bài giảng của Anh gây tác động nhiều nhất với tôi hối đó là *Về các cấu trúc Bourbaki*. Sau khi tốt nghiệp rồi ra dạy học, mấy năm đầu tôi say mê học *Lý thuyết số*, rồi lan man từ các con số, do tò mò muốn hiểu cái gốc “ tận cùng ” của toán học, vào những năm 1959-60, tôi bắt đầu tìm học *Lôgic toán*, *Lý thuyết tập hợp*... Tự học trong điều kiện tài liệu thiếu thốn, nên tôi chỉ hiểu lỏng lõa, nhiều cái không hiểu mà cứ tưởng là hiểu, hiểu sai mà cứ tưởng là hiểu đúng. Nghe Anh Bửu giảng các cấu trúc Bourbaki, tôi cũng chỉ hiểu lơ mơ, nhưng là những cái lơ mơ đầy hấp dẫn. Cho đến nay, tôi vẫn còn giữ được quyển sách nhỏ *Về các cấu trúc Bourbaki* của Anh. Quyển này, cũng tương tự như các quyển *Nguyên tử*, *hạt nhân*, *vũ trụ tuyến* và *Sống* mà Anh viết từ những năm 1947-48 trong chiến khu, có một nét chung là Anh muốn giới thiệu kịp thời, qua cách tóm lược cô đọng và súc tích của mình, những tư duy mới, những kết quả mới trong khoa học thế giới, nhằm giúp anh chị em khoa học trong nước tiếp cận nhanh với hiện đại.

MỘT BÀI HỌC KHÓ

Không thể xem đó là những tài liệu phổ biến khoa học dễ hiểu. Với kiến thức sâu rộng của Anh, Anh có cách hiểu riêng để nắm bắt những điều cốt lõi trong các lý thuyết mới, và tôi nghĩ những điều Anh viết ra thường là những tiếp thu trí tuệ của Anh đối với các lý thuyết đó, do đó dễ hiểu với Anh mà khó hiểu với người khác. Nhưng tác động của những quyển sách nhỏ đó có lẽ chính là ở chỗ nó gây cho ta sự hấp dẫn say mê từ những hiểu biết lơ mơ luôn gợi trí tò mò. Từ tò mò đi đến tìm hiểu nghiêm túc, và rồi đến khi đã học tương đối thuần thục, trở lại đọc quyển sách nhỏ của Anh, ta sẽ có cái thú vị tìm được những đặc thù riêng trong cách cảm nhận của Anh mà trước đây ta chưa hiểu.

Các cấu trúc Bourbaki, được xây dựng trên cơ sở lý thuyết tập hợp và logic cổ điển, là nền tảng để phát triển toàn bộ toán học, đó là niềm tin toán học ban đầu mà các bài giảng của Anh đã góp phần xác lập trong nhận thức của tôi. Nhưng rồi, niềm tin đó sớm bị lung lay. Hồi đó, tuy hiếm tài liệu, nhưng ham tìm thì rồi cũng có. Tôi say mê tìm các tài liệu “phê phán” toán học cổ điển, và thích thú đọc những hướng nghiên cứu xây dựng toán học theo các quan điểm logic, trực giác, kiến thiết... Cũng nhờ đó, tôi đã được “hướng” cái nhoc nhần thú vị khi cố đọc cho hiểu định lý Gödel với đầy đủ chứng minh tinh tế của nó¹. Có lần tôi mang những thắc mắc về quan niệm “đúng, sai” trong toán học hỏi ý kiến Anh, thì tôi biết được là tuy Anh thuyết giảng về Bourbaki, nhưng Anh cũng biết khá rành về các khuynh hướng khác, và anh nói với tôi về “cái đúng của Toán học phải tìm ngoài Toán học”. Vâng, và ngoài Toán học, cuộc đời còn biết bao công việc cần thiết khác. Sau này tôi được biết là hồi đó trong nhiều công việc quan trọng của Anh, có việc chuẩn bị gửi cán bộ ta sang thực tập nghiên cứu về máy tính và khoa học tính toán ở Liên Xô, nòng cốt để xây dựng ngành Tin học của ta sau này.

Chưa phải ngay từ những ngày đó tôi đã có thể lĩnh hội hết những điều được nghe Anh nói, nhưng rồi nhiều năm về sau, qua thực tế, tôi hiểu ra rằng Anh học nhiều về toán với ý thức rõ rệt coi Toán học như một công cụ sắc bén của tư duy logic để từ đó tìm hiểu thấu đáo những vấn đề của nhiều lĩnh vực khoa học khác như vật lý, sinh học, khoa học điều khiển và quản lý, vân vân..., tức là tìm hiểu những thành tựu của khoa học hiện đại để định hướng cho việc xây dựng một nền giáo dục và nền khoa học kỹ thuật tiên tiến của đất nước. Ý thức đó, cái ý thức gắn việc tìm hiểu khoa học hiện đại với kỳ vọng phát triển một nền giáo dục và khoa học tiên tiến cho nước nhà, có lẽ đã deo đẳng mãi cho đến tận ngày Anh ra đi.

Cuối năm 1962, tôi được sang Liên Xô, làm nghiên cứu sinh tại Khoa Toán-Cơ, Đại học Tổng hợp Mạc tu khoa. Hồi đó, tôi “mê” toán học kiến thiết, một hướng toán học theo các quan điểm phê phán của phái “trực giác” nhưng được xây

dựng trên cơ sở lý thuyết hiện đại về thuật toán, đang bắt đầu phát triển khá mạnh ở Liên Xô. Mê thì học thôi, chứ cái ý thức phục vụ xem chừng còn mơ hồ lắm. Rồi một lần, tôi nhận được thư Anh. Xúc động và bất ngờ, thư Anh viết thân tình như của một người Anh lớn, chứ không như của cán bộ lãnh đạo. Tôi nhớ mãi câu “*Cảm ơn các anh đang thực hiện những mục của bản thân tôi...*”. Tôi hiểu trong đó vừa có sự gửi gắm, vừa có sự nhắc nhở. Và tôi dần có ý thức nhiều hơn về trách nhiệm đối với nơi đã gửi mình ra đi. Cũng vào thời gian đó, thầy giáo tôi, Giáo sư Markov, trước niềm đam mê hơi thái quá của đam học trò đối với cái toán học kiến thiết của ông, đã có một lời căn dặn hóm hỉnh mà tôi còn nhớ mãi : “*Chúng ta có thể để cho trí tưởng tượng bay cao bao nhiêu cũng được, nhưng bao giờ cũng cần nhớ tìm con đường từ nơi cao ấy trở về mặt đất*”. “Mặt đất” ấy của tôi là ở nơi đâu, tôi cũng bắt đầu nghĩ đến, và càng nghĩ càng thêm gắn bó.

Khi bắt đầu có ý thức trách nhiệm đối với cái “mặt đất” của mình, một “mặt đất” còn lắm gian nan và nhiều thách thức, thì cũng là lúc tôi suy nghĩ nhiều đến việc nên học cái gì. Học để thoả mãn trí tưởng tượng cũng là hay, nhưng là đâu con đường trở về “mặt đất” của mình? Và từ đây, tôi bắt đầu học được ở Anh một bài học mới, một bài học khó, mà hình như cho đến nay tôi vẫn chưa thể nào học được thuần thục. Ấy là lần đầu tiên vào mùa thu năm 1965, sau khi làm xong cái phó tiến sĩ, tôi được bạn đề nghị cho ở lại thêm vài năm để làm tiếp luận văn tiến sĩ. Làm tiếp, thì tức là tiếp tục với toán học kiến thiết! Mà trong những năm ấy, thế giới nở rộ bao nhiêu hướng nghiên cứu đầy hấp dẫn ngay trong lĩnh vực toán học: khoa học thông tin, khoa học hệ thống, các lý thuyết điều khiển, vân vân và vân vân... Và tôi cảm nhận được rằng các hướng khoa học này chắc là sẽ hữu ích cho cái “mặt đất” của mình hơn là toán học kiến thiết. Thế là tôi đề nghị xin không tiếp tục làm tiến sĩ, mà được dành thì giờ học thêm về các khoa học đó. Và bất ngờ thay, tôi được Sứ quán chuyển đến chỉ thị trả lời của Anh: phải tiếp tục làm xong tiến sĩ, rồi sau hãy hay. Sau là thế nào? Cuối năm 1967, bảo vệ luận văn tiến sĩ xong, tôi về nước, đến chào Anh, Anh chỉ cười, bảo: Đó, bây giờ muôn học thêm cái gì thì học. Anh không giải thích gì thêm, mãi về sau tình cờ tôi mới hiểu được ý Anh: Anh muốn tôi có thêm chút vốn liếng để dễ dàng được cuộc đời chấp nhận hơn, và do đó mới có cơ hội làm được việc có ích hơn.

Muốn có ích cho đời, thì ngoài năng lực ra, cần phải được đời chấp nhận, bài học đó khi ngầm khi rõ, tôi đã được tiếp thụ ở Anh, không phải bằng thuyết giảng, mà bằng cách xử sự, bằng thiện chí, và cả bằng những cảm nhận không lời trong suốt nhiều năm về sau, thời gian mà may mắn tôi có cơ hội được gần Anh hơn. Tôi nhớ một chuyện vào đầu những năm 70. Hồi đó có một học sinh trẻ, tên là N., đến tìm tôi hỏi

chuyện học. Sau vài lần kiểm tra, tôi ngạc nhiên thấy do không đi sơ tán nên đang học cấp 2 phải bỏ dở rồi chủ yếu là tự học lấy, mà chỉ trong vòng 3, 4 năm, em đã học xong cấp 3, tự học nhiều môn của chương trình đại học, đặc biệt nắm khá vững về giải tích, tông số, và có thể nói là hiểu thấu đáo về lôgic toán. Em N. ở Hà Nội với bà mẹ nuôi, còn bố mẹ đẻ làm nghề y, đã đi Nam từ 1954, khi em còn bé. Tôi báo cáo với các thủ trưởng ở Ủy ban Khoa học, nơi tôi công tác, với đề nghị được giúp đỡ. Sau vài lần đến gặp N. ở nhà tôi để cùng kiểm tra, một thủ trưởng hăng hái nói : có thể tuyển ngay vào Viện Toán rồi sẽ tạo điều kiện bồi dưỡng tiếp ; thủ trưởng kia thận trọng hơn, vài hôm sau cho chỉ thị : không phí sức đào tạo những người như vậy. Tôi thất vọng tìm đến Anh, Anh hẹn gặp N. mấy lần, và sau đó bảo tôi : cái chuyện giúp N. giỏi Toán thì anh và tôi khỏi lo, tự nó sẽ giỏi, cái mà ta cần giúp là làm sao để cuộc đời chấp nhận nó. Và theo lời khuyên của Anh, N. thi vào năm thứ nhất Đại học, thi được điểm cao nhưng không được nhận học, tiếc là lúc đó Anh đi công tác xa nên chẳng biết kêu ai, năm sau lại kiên nhẫn thi một lần nữa, và nhờ có ý kiến của Anh nên được vào học, do học vượt nên tốt nghiệp sớm, nhưng rồi lần này thì tiếc thay, không sao làm được cho “ cuộc đời chấp nhận ”, chẳng cơ quan nào nhận N., và em phải ngậm ngùi ngơ ngẩn ra đi.

Bài học khó, tôi cố học, có thất bại và hình như cũng có lúc thành công. Và tôi hằng nghĩ trong việc thực hiện bài học này, Anh là một tấm gương lớn. Nhờ luôn tìm được lời giải đúng đắn cho bài học khó đó, mà Anh đã có những đóng góp to lớn tài năng và trí tuệ của mình vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Anh kính yêu, Anh đi xa rồi, có đôi lúc tôi muốn thăm hỏi Anh là trong suốt cuộc đời hoạt động sôi nổi của mình, đã có khi nào Anh có cảm giác bất lực trong việc tìm lời giải cho bài toán đó không Anh ? Tôi còn nhớ rõ, vào năm 1976, sau khi đất nước thống nhất, Anh làm việc hết sức hào hứng với chiến lược con người, đi Nam khảo sát nhiều ngày chuẩn bị cho kế hoạch phát triển giáo dục Đại học trong cả nước. Và rồi, trong phiên họp Quốc hội sau đó, cũng như nhiều đại biểu khác, tôi sững sờ biết tin Anh thôi làm Bộ trưởng Bộ Đại học. Vài tháng sau, trong một cuộc họp, Anh cho tôi xem một tài liệu đánh máy khá dày, là bản ghi ý kiến

phân tích một cách khoa học tính duy ý chí và không hiện thực của nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội trong một Dự thảo kế hoạch được trình ở một Đại hội quan trọng trước đó mấy tháng. Tôi không dám hỏi gì Anh thêm, và cũng không làm cái việc nối ghép các sự kiện.

Một buổi sáng vào đầu những năm 80, trên con tàu từ Budapest sang Paris, ngồi một mình liên tưởng làm sao tôi lại buộn nghĩ được hai câu thơ mở đầu cho một bài thơ mà từ lâu tôi có ý định làm tặng Anh :

*Một khối nghĩ suy, một khối tình
Nước non là đó, nợ là mình .*

Rồi tắt ngấm, không thể nào nghĩ hơn được nữa, ngay lúc ấy và cả nhiều năm sau. Ngợi ca Anh ư ? có thêm tôi thì cũng là thừa và biết đâu lại là vô duyên. Cho mãi đến sau khi Anh mất, một buổi chiều chở vợ đi chơi trên chiếc xe bé tí Peugeot 102, chiếc xe mà đã có lần tôi liều mạng chở Anh từ một cuộc họp về nhà do chờ ôtô của Bộ mà mãi không thấy đến đón, tôi miên man nghĩ đến Anh, có ý định nghĩ nốt cho trọn bài thơ còn bở dở. Lơ đãng thế nào để bánh xe kẹt vào đường ray tàu điện quang phố Hàng Bột, cả hai vợ chồng ngã lăn ra đường. May không việc gì, lại lên xe đi tiếp. Và may mắn thay, sáu câu thơ đang thiếu bỗng chợt đến trong chốc lát. Tôi nhảm nhó, dở hay tôi không biết, có ý gì sai không và có điều gì không phải với Anh không, tôi chỉ còn biết mong được hương hồn Anh lượng thứ. Về nhà, tôi chép nắn nót những lời mộc mạc đó lên giấy, không gọt rũa gì thêm, vội mang đến nhà Anh đặt lên bàn thờ, rồi kính cẩn đọc dâng Anh².

Thế mà đã mười mấy năm rồi. Viết mấy dòng tưởng nhớ Anh, nghĩ đến công lao to lớn của Anh, đến những săn sóc thân tình mà bình sinh Anh luôn dành cho những em út đi sau một cách ân cần, ngẫm lại mình không mấy thành công trong việc tìm lời giải cho bài học khó học được từ Anh, tôi bất giác ngậm ngùi :

Nước non là đó, nợ là mình...

Tháng 9 năm 1999

Phan Đình Diệu

1 Định lý Gödel nói rằng một lý thuyết toán học đủ mạnh, nếu phi mâu thuẫn thì không đầy đủ, và không tự chứng minh được tính phi mâu thuẫn của mình. Đây là một định lý toán học, không những có ý nghĩa toán học mà còn có ý nghĩa sâu sắc về nhận thức luận vượt ra ngoài phạm vi toán học.

2 Toàn bộ bài thơ như sau :

Viếng Anh

*Một khối nghĩ suy, một khối tình
Nước non là đó, nợ là mình
Đã tròn một cuộc, bầu tâm huyết
Chưa thoả đôi bể, lẽ tử sinh
Nghĩa nặng nhân tình còn quyến luyến
Ánh ngời tài trí vẫn lung linh
Nỗi đời chất chứa lòng ưu ái
Một khối nghĩ suy, một khối tình.*

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước*
- ♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Về tên gọi con Rồng của người Việt

Diễn Đàn số 93 có bài NĂM RỒNG NÓI CHUYỆN RỒNG của anh Đặng Tiến, trong bài ấy có dẫn ý kiến của chúng tôi. Nhưng đó chỉ là một chi tiết trao đổi sơ bộ qua Email. Dưới đây chúng tôi xin phép được nói rõ hơn, đầy đủ hơn.

Muốn tìm hiểu vấn đề **tên gọi con rồng của người Việt** tối thiểu cũng phải bàn đến 2 giai đoạn : bàn về tên gọi bản địa ở thời tiền sử và bàn về các tên gọi vay từ tiếng Hán, ở thời Bắc thuộc. Hơn nữa, muốn đầy đủ, thiết nghĩ cũng nên bàn thêm cả về cái tên gọi liên quan đến năm Thìn.

I. Về tên gọi con rồng ở thời tiền sử

Vấn đề này rất thú vị nên chúng ta nói đến trước tiên. Nhưng đây là một vấn đề không dễ giải quyết, vì quá khó ! Và cũng vì quá thiếu những tư liệu đáng tin cậy !

1. Trong các ngôn ngữ phân hoá từ cái ngôn ngữ mẹ của toàn tiểu chi (gọi là Proto Việt Chứt) tạm thời có thể chia thành 6 khu vực : khu vực của nhóm Việt Mường và 5 khu vực thuộc nhóm Poong Chứt.

- Ở Việt Mường có tên gọi là RỒNG, vay từ tiếng Hán ;
- Ở Thà Vụng có tên gọi là /mahing/ (theo M. Ferlus) ;
- Ở Poong có tên gọi là /khlu/ (theo Nguyễn Văn Tài) ;
- Ở Phon Soun có tên gọi là /malel/ (theo M. Ferlus) ;
- Ở Khạ Phọng, Pakatan có tên gọi là /sorbul, somur/ (theo Đoàn Văn Phúc và M. Ferlus) ;
- Ở khu vực còn lại : chưa biết rồng gọi là gì.

2. M. Ferlus cho rằng /mahing/ cùng gốc với RỒNG vì /h/ Thà Vụng ứng với /r/ Việt, kiểu như /heh - rĕ/, /hooch - ruột/, /hahing - rận/ v.v... Nhưng M. Ferlus lại có nhận xét thành thực rằng sự tương ứng /h/ với /r/ thường không xảy ra sau các tiền âm tiết có cấu âm môi hay gốc lưỡi. Nói như vậy tức là công nhận rằng /mahing/ lại không thật ăn khớp với RỒNG, vì có /ma-/ ở trước ! Mà đó là chưa nói đến sự cách xa giữa /ing/ và /ong/ !

Theo ý chúng tôi, /mahing/ rất gần với /msinh/ là tên gọi rắn ở vùng người Rục Yên Hợp. Tên gọi này cũng phổ biến ở các vùng người Sách, người Mày, nhưng với phát âm là /psinh/ (theo Trần Trí Dõi). Sự khác nhau giữa /-ng/ và /-nh/ không đáng ngại vì hai âm cuối ấy dễ liên hệ với nhau, kiểu như ở ANH-ENG hoặc ĐÌNH-ĐÙNG. Hơn nữa, cả /-nh/ cả /-ng/ đều có thể ứng với /-n/ Việt. Đáng quan tâm hơn là sự khác nhau giữa /-h-/ và /-s-/. Giải thích như thế nào ? Phải chăng đây là chuyện biến đổi nội dung nên phát âm có biến đổi ? (kiểu như nói PHƯƠNG BẮC nhưng GIÓ BẮC, hoặc như nói DAO NHÍP nhưng ĐẠI ĐAO v.v.) . Hay đây là chuyện biến âm khi đi từ vùng này sang vùng khác ? So sánh với : Việt Rục Maleng Pacô Katu (con) RÍT /kasit/ /kasip/ /kahep/ /kahip/ ; RUỐM

(máu) /asam?/ /asam?/ /aham/ /aham/ ; /r/ -- /-s-/ -- /-h--/. Vấn đề không đơn giản, phải cố gắng tìm hiểu tiếp. Nhưng nếu giả thuyết trên đây tỏ ra đúng thì hoá ra con rồng /mahing/ là con rồng có tên gọi bắt nguồn từ tên gọi của rắn !

3. Ở vùng Poong, con rồng /Khlu/ lại là một con rồng mà tên gọi có lai lịch khác. Tổ hợp phụ âm /khl/ ở Poong vốn xưa là một tổ hợp phụ âm có /-r-/, và /khl/ Poong ứng với /S/ Quốc Ngữ : /Khli/ xưa là /Jri/ và ứng với CÂY SI, /khlook/ xưa là /prook/ và ứng với CON SÓC, /khluung/ xưa là /krong/ và ứng với CÁI SƯNG, /khach/ xưa là /krach/ và ứng với SẮT... Còn nguyên âm /-u/ Poong thì xưa cũng là /-u/, và ứng với /AU/ Việt, ví dụ : /khlu/ xưa là /choru/ và ứng với SÂU (trong CẠN SÂU), /klu/ xưa là /cholu/ và ứng với CON TRÂU, /plu/ xưa là /blu/ và ứng với CÂY TRÂU, /toku/ xưa là /Chkú/ và ứng với CON GẤU... Như vậy rồng /khlu/ lại là một loại rồng có tên gọi liên quan đến cá sấu ! Ở vùng Bru Vân Kiều cá sấu hiện vẫn có một tên gọi gần gũi như /khlu/ : con /t-rụ/ !

4. Qua những điều trình bày trên đây rõ ràng tên gọi rồng là một tên gọi có mặt ở khá nhiều ngôn ngữ bà con xa gần với nhóm Việt Mường. Tuy có vài trường hợp ta hiện chưa biết rõ gốc gác (như rồng /malel/ hay rồng /sorbul, somur/) nhưng cũng đã có hai trường hợp cho ta thấy rằng rồng vốn là một con vật huyền thoại có tên gọi bắt nguồn từ rắn hay cá sấu. Mà tên gọi rắn và cá sấu ở các vùng đó lại có cùng nguồn gốc chung với tên gọi rắn và cá sấu ở tiếng Việt. Về quan hệ /khlu/ - SẤU ta vừa thấy rõ. Xin nói thêm về quan hệ giữa /mosinh, posinh/ với RẮN. Giới ngữ học đã cho biết nguồn gốc xa xưa là /psanh/. Từ /psanh/ đến RẮN con đường diễn biến như sau :

- * Tiền âm tiết rụng, kiểu như ở : /tongooch/ > NGỌT, /korong/ > RỦNG...
- * /-s-/ chuyển thành /r-/, kiểu như ở /ksăng/ > RĂNG, /psunh/ > RỐN...
- * /-nh/ chuyển thành /-n/, kiểu như ở /tanh/ > ĐAN, /somanh/ > MUỢN...

Trong văn bản Nôm vào loại xưa nhất là bản dịch **Phật thuyết đại báo phu mẫu ân trọng kinh**, ta có một chứng tích rất cụ thể : RẮN còn được ghi Nôm là PHÁ TÁN, một cách ghi rất gần với nguồn gốc /psanh/ xa xưa !

5. Vậy có thể nghĩ rằng người Việt Mường thời thượng cổ cũng đã có tên gọi chỉ rồng. Anh em bà con đều có cả, không lẽ ta không ! Ta đã có hình rồng ở tháp, ở lưỡi giáo, không lẽ ta khắc một cái mà ta không có cả tên gọi để chỉ cái đó là cái gì ! Hơn nữa, cũng rất có thể là ta đã có đến 2,3 tên gọi, vì Việt Mường dân đông, trải ra một địa bàn rất rộng, tiếp xúc nơi với bộ lạc này, nơi với bộ lạc kia, đưa đến khả năng mỗi vùng có thể có một tên gọi riêng cho vùng mình. Hình khắc ở tháp Đào Thịnh, ở lưỡi giáo núi Voi cho phép nghĩ rằng ta vốn có một tên gọi loại RỒNG - CÁ SẤU theo kiểu rồng /khlu/ của vùng Poong. Tác phẩm nghệ thuật ở các đền chùa Lý Trần lại cho phép nghĩ rằng ta cũng vốn có cả một tên gọi loại RỒNG-RẮN theo kiểu rồng /mahing/ ở vùng Thà Vụng.

6. Ở Mường, ứng với con KHLU của Poong, hiện còn con KHÙ (ghi theo Đặng Văn Lung, Vương Anh, Hoàng Anh Nhân trong *Để đất để nước*). Còn dạng /psanh/ thượng cổ (mà hiện ở Rục là rắn /mosinh/, ở Thà Vụng là rồng /mahing/) thì đưa đến /sanh/ và có lẽ cả /s'anh/. Về sau, do thêm con

RÔỐNG, con LONG, con XUỐNG LUỐNG vay của Hán, có nhiều tên gọi rồng quá, và nhất là do /s/, /s'/ nhập một, nên hiện chỉ còn lại một mình tên gọi rắn là XÀNH.

Ở Việt, ảnh hưởng của Hán mạnh hơn, ngoài áp lực của chữ LONG (xin xem mục II), còn có áp lực của những chữ chỉ tên các loại rồng cụ thể, như chữ CÙ, chữ THẦN. CÙ là chữ vốn ở CÙ LONG, chỉ loại rồng có sừng. THẦN là chữ chắc do người Hán mới đặt ra sau khi vay mượn tên gọi con rồng ở năm THÌN (xin xem mục III), THẦN cũng chỉ rồng và chỉ cả loài h่าu, sò hay gây các ảo tượng biến hoá ở vùng bờ biển. Còn KHÙ vào vùng Việt, do hay lẩn lộn /kh/ - /k/ (như KHÈU-KÈU, KHUẤY-QUẤY, KHOÁNG-QUĂNG, mũi KHOĂM - mũi KHOĂM - mũi QUẶM...) nên chắc là lẩn vào tên gọi của con cù. Con /s'anh/ (mà nếu còn thì nay là con THẦN) thì chắc là lẩn vào tên gọi của con THẦN. Hiện tượng 2, 3 tiếng khác gốc nhập một vì gần nghĩa, gần âm là hiện tượng thường gặp ở ngôn ngữ (như BA ở BA GAI /pagaille/ thì lẩn vào BA ở BA HOA, BA LÁP, BA QUE, BA TRỌN ; cả bande, cả ruban đều nhập thành BĂNG). Thành thử hai tên gọi rồng thời tiền sử hiện nay người Việt không còn ai nhớ đến nữa.

May rằng con linh vật hồn hợp Việt-Hán THẦN - THẦN (mà dạng ngữ âm cổ hơn nữa ở tiếng Hán là THẦN hoặc THẬN) cũng chưa biến mất hẳn : nó cũng đang còn để lại một tên gọi dân dã, chỉ một biến dạng hung dữ cũng bắt nguồn từ rồng là con CHẦN TINH / CHẦN TINH / CHẰNG TINH ở trong truyện THẠCH SANH. Đi vào ngữ âm lịch sử để giải thích quan hệ giữa THẦN-THẦN, THẦN, THẬN thì quá phức tạp, chỉ xin bạn đọc so sánh với mấy tiên lệ sau đây là đủ : ký-ghế, lý-lẽ, lợi-lãi (quan hệ *sắc*, *nặng* với *hở*, *ngã*) ; lãi-lời, nghĩa-nghì, dã-dà (quan hệ *giữa* *ngã* với *huyền*) và thực-chuộc, thị-chợ, thiền-chiền, thằng - giây chằng, thố-chua, thích-chích, thiếp-chép... (quan hệ *giữa* /th/ với /ch/).

II. Về các tên gọi rồng vay từ tiếng Hán

1. Tiếng Việt có 3 trường hợp vay mượn đều xuất phát từ cách đọc của chữ LONG chỉ con rồng ở trong tiếng Hán. Đó là RỒNG (như trong RỒNG VÀNG, BỆ RỒNG), LONG (như trong LONG, LY, QUY, PHƯỢNG, hoặc LONG MẠCH, LONG NHAN) và LUÔNG (trong THUỒNG LUÔNG). Muốn hiểu rõ 3 trường hợp này thì cần phải theo dõi lịch sử diễn biến ngữ âm của chữ LONG, khi đi từ tiếng Hán giai đoạn này đến tiếng Hán giai đoạn khác cũng như khi đi từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Về phụ âm đầu, chữ LONG được quy vào thanh mẫu LAI, cũng như những chữ LUƠNG (trong LUƠNG ĐỐNG), LIÊM (trong TRÚC LIÊM, CHÂU LIÊM), hay LUYỆN (trong ĐÀO LUYỆN) v.v. Thời thượng cổ thanh mẫu LAI có phụ âm /r/. Đến khoảng đời Tam Quốc /r/ chuyển thành /l/ : sự diễn biến này là nguyên nhân đưa đến những cặp như RỒNG-LONG, RUỒNG-LƯƠNG, RÈM-LIÊM v.v.

2. Về mặt vẫn, LONG được quy vào vận bộ CHUNG. Thời thượng cổ vận bộ này có vẫn /ong/. Đến khoảng Nam Bắc Triều /ong/ bắt đầu diễn biến để đến khoảng cuối Đường thì chuyển sang vẫn /ung/. Chính vì vậy, trong cách đọc Hán Việt, vận bộ này mới cho chúng ta khoảng hơn 100 trường hợp đọc với /ung/ như XUNG (trong XUNG PHONG), CHỦNG (trong CHỦNG TỘC), DỤNG (trong DỤNG TÂM, THÔNG DỤNG) v.v... Nhưng cũng có khoảng 20 lệ ngoại đọc với /ong/ như

PHONG (trong PHONG KIẾN), CỘNG (trong CỘNG HOÀ) hoặc TRỌNG (trong TRÂN TRỌNG). LONG chính là một lệ ngoại như vậy. Trường hợp có 2 cách đọc cũng đôi khi gặp, ví dụ : ANH DŨNG - ANH DÖNG, TUỲ TÙNG - TUỲ TÖNG. Riêng vẫn /uông/ trong THUỒNG LUÔNG thì chưa thật rõ : có thể giải thích theo quy luật Hán vì /uông/ là dạng trung gian, sau /ong/ và trước /ung/ (so sánh với CHUÔNG-CHUNG) ; lại cũng có thể giải thích theo quy luật Việt vì ở tiếng Việt /o/ cũng thường hay đưa đến /uô, ua/ (so sánh với RỘNG-RUỘNG, LỎ-LÚA).

3. Về mặt thanh điệu thì thời thượng cổ LONG chưa có thanh gì. Ở tiếng Hán, phải đến khoảng Tân, Hán thì hệ thống *bình*, *thượng*, *khú* mới xuất hiện. Bắt đầu từ thời kỳ này, chữ LONG được quy vào thanh *bình*. Sang tiếng Việt, *bình thanh* có thể đưa đến thanh *ngang* hay thanh *huyền* : nói chung, sau phụ âm vốn không kêu thì ta có thanh *ngang*, sau phụ âm kêu thì ta có thanh *huyền*. Đáng lý ra thì RỒNG, LUÔNG phải đưa đến LÒNG. Nhưng ở cách đọc Hán Việt có một hiện tượng đặc biệt : sau các phụ âm *thứ trọc* (tức các âm mũi /m, n, nh, ng/ và /l/, /j/) thì *huyền* nhất luật phải chuyển thành *ngang*. Chính điều này giúp ta phân biệt Cổ Hán Việt với Hán Việt, so sánh RỒNG, LUÔNG/LONG với RÈM/LIÊM, RUỒNG/LƯƠNG hoặc với LÂU/LÂU, MÈ/MA, NGUỒN/NGUYÊN, NÀNG/NUƠNG v.v...

4. Ba lần tiếng Việt vay từ chữ LONG, ba lần kết quả đều khác nhau : khác nhau về ngữ âm, khác nhau về nội dung, khác nhau cả về sắc thái phong cách ! Về ngữ âm, RỒNG là tên gọi xưa nhất, vay vào khoảng Tây Hán - Đông Hán nên cả phụ âm, cả vẫn, cả thanh đều rất cổ. THUỒNG LUÔNG vay vào khoảng từ Sơ Đường đến Trung Đường nên thanh cổ nhưng phụ âm, vẫn đều đã mới. LONG là tên gọi Hán Việt, vay chậm nhất (vay vào khoảng cuối Đường, lúc Việt Nam sắp độc lập) nên phụ âm mới, thanh cục mới, tuy vẫn ngoại lệ. Về mặt nội dung huyền thoại, khác với con LUÔNG ở Tày Thái, THUỒNG LUÔNG được coi như quái vật hại người, không còn giữ bản chất rồng của chữ Hán đã sản sinh ra nó ; RỒNG, LONG thì trái lại, chúng còn bảo lưu được, một cách khá trọn vẹn, toàn bộ cái hình tượng cao quý vốn có lúc ban đầu.

Về sắc thái phong cách, RỒNG được dùng rộng rãi, cả trong lời văn viết, cả trong lời nói dân dã, còn LONG thì đi thiên vào phạm vi điển cố, phạm vi từ ngữ có tính chất uyên bác, trường quy.

III. Về quan hệ giữa rồng và năm thìn

1. Vì sao năm THÌN lại là năm RỒNG ? Quan hệ giữa THÌN và RỒNG là quan hệ gì ? quan hệ quy ước hay quan hệ có lý do ? Nhìn chung, giới nghiên cứu đều tin rằng đó là một quan hệ có lý do. Câu hỏi lại được đặt ra : lý do gì ? lý do về tín ngưỡng ? về văn hoá ? hay về ngôn ngữ ? Câu trả lời càng ngày càng ngả về lý do ngôn ngữ. Chắc vậy : THÌN phải là tên gọi của con rồng ở một ngôn ngữ nào đó. Có một điều khá nhất trí : ngôn ngữ đó chắc phải là một ngôn ngữ nào khác chứ không phải là tiếng Hán, tuy ai cũng biết rằng hệ thống tên gọi 12 năm là một hệ thống đã được ghi bằng chữ Hán từ rất lâu đời. Lý do rất đơn giản : trong tiếng Hán, giữa tên gọi 12 năm và tên gọi của 12 con vật có một sự cách xa nhau quá lớn, không thể nào từ bên này suy ra bên kia được. Giới nghiên cứu

tin rằng đây là một hệ thống người Hán đã vay mượn từ một nền văn hoá khác. Chuyện vay mượn này không có gì đáng ngạc nhiên. Ở địa hạt huyền thoại, những nhân vật như Thần Nông, Đế Nghiêng, Đế Thuấn cũng đều là sản phẩm của chuyện vay mượn. Bởi vì, nếu những nhân vật ấy đều đúng là những nhân vật Hán thì tên gọi của họ phải đặt theo cú pháp Hán : phải là Nông Thần chứ không phải Thần Nông, phải là Nghiêng Đế, Thuấn Đế chứ không phải là Đế Nghiêng, Đế Thuấn.

2. Thời thượng cổ, khi người Hán đang đóng khung ở vùng lưu vực sông Hoàng, sông Vị thì toàn bộ miền Hoa Nam rộng lớn lại là địa bàn cư trú của rất nhiều bộ lạc khác, nói những ngôn ngữ thuộc nhiều dòng họ khác. Giới ngữ học quốc tế hiện đang cố gắng tìm nguồn gốc tên gọi 12 năm ở những ngữ hệ này : người thì tìm ở họ Austro-Thái, như P.K. Benedict ; người thì tìm ở họ Nam Á (Austro-Asiatique), như J. Norman và T.L. Mei. Họ Nam Á là ngữ hệ lớn bao gồm nhiều tiểu chi, trong đó có tiểu chi Việt-Chứt với nhóm Việt-Mường của chúng ta. Chúng tôi hiện cũng đang cố gắng đi theo hướng Nam Á để xem thử kết quả như thế nào : ví dụ đang cố gắng tìm xem thử HỘI có gần với CÚI ; SƯU có gần với TRÂU ; NGỌ có gần với NGỮA hay không ? Riêng năm MÃO chưa nhất trí ứng với một con nào : nơi thì cho là con THỎ, nơi thì cho là con MÈO. Phải chăng quan hệ MÃO-MÈO hợp lý hơn ? Tất nhiên, phải hết sức thận trọng trong suy luận, phải hết sức nghiêm ngặt trong phương pháp : tên năm, tên con vật đều phải phục nguyên dạng thương cổ mới đem ra so sánh được.

3. Với tinh thần như trên, chúng ta thử đi vào mối quan hệ giữa THÌN với RỒNG. THÌN thuộc vận bộ CHÂN, thanh mẫu THIỀN. Trong *Hán ngữ sử cảo*, giáo sư Vương Lực cho biết rằng thời Kinh Thi, THIỀN đang là một âm /z/ mặt lưỡi trước (tạm ghi là /z'/) và CHÂN đang là vẫn /en/, nghĩa là THÌN phải được phục nguyên thành /z'en/. Rõ ràng là quá xa với /rồng/ của cùng thời ấy. THÌN đúng là không bắt nguồn từ tên gọi con rồng của người Hán. Nhưng nếu đem so với tên gọi con rồng /mahing/ của người Thà Vụng thì như thế nào ? Trên đây chúng ta đã nghe rằng /mahing/ ứng với tên rắn /mosinh/ mà dạng cổ được phục nguyên là /psanh/. Trong quá trình so sánh /z'en/ với /psanh/, thú thực, chúng tôi tự cảm thấy có phần lưỡng lự, hoang mang. Khi thấy có sự cấu âm quá gần gũi giữa /z'/ và /s/, giữa /-n/ và /-nh/ và phần nào giữa /ă/ và /e/ chúng tôi rất muốn nêu lên ngay một giả thuyết, chủ trương có sự tương ứng. Nhưng khi nghĩ đến những hệ quả quá bất ngờ của một giả thuyết như vậy, chúng tôi lại sinh ra hơi lo lắng, sợ sai lầm : sai lầm ở khâu phục nguyên /z'en/, ở khâu phục nguyên /psanh/ hoặc sai lầm ngay chính ở khâu nêu lên sự tương ứng. Không lo sợ sao được ! Cho /z'en/ ứng với /psanh/ thì hoá ra kết luận rằng THÌN là một tên gọi của loài RỒNG-RĂN, THÌN là một tên gọi gốc từ Proto Việt-Chứt, và cư dân Proto Việt-Chứt hoá ra lại là một trong những tác giả đã tham gia góp phần vào việc hình thành nên hệ thống tên gọi của 12 năm ! Cứ liệu thì thật hấp dẫn, nhưng rõ ràng là cần phải thận trọng, cần phải tiếp tục tìm tòi nhiều hơn nữa.

Nguyễn Tài Cẩn

Chú thích của tòa soạn : Trong các kí hiệu ngữ âm dùng ở bài này, vì thiếu dấu sắc đặt trên các kí tự s và z, nên chúng tôi tạm thay thế bằng /s'/ và /z'/ . Xin bạn đọc và tác giả thông cảm.

điểm sách

Docteur Hocquard, *Une campagne au Tonkin*, édition présentée et annotée par Philippe Papin de l'EFEO, Paris, Arléa, 1999, 683p.

Cuốn sách của bác sĩ Hocquard xuất bản lần đầu năm 1892, nay được Philippe Papin dày công tái bản. Ông đã rà soát lại toàn bộ các thông tin về xứ Bắc Kì và các biến cố xảy ra trong thời gian 1884-1886 mà Hocquard, lúc đó làm bác sĩ quân y trong đoàn quân viễn chinh Pháp, nói tới trong tác phẩm. Hocquard tất nhiên đã lược thuật những sự kiện mà ông trực tiếp chứng kiến trong cuộc chiến tranh và “bình định”, cũng như đã khai các thứ bệnh tật của binh lính Pháp. Song ông còn tìm hiểu đời sống, kỹ thuật và tập quán của người dân, tổ chức xã hội, địa lí và cổ sử Việt Nam, kiến trúc của các đô thị hay thành quách do người Việt Nam hay người Trung Hoa xây dựng, và mô tả với sự chính xác của nhà ký sự chuyên nghiệp. Hay như Papin nhấn mạnh trong lời tựa, của một nhà nhiếp ảnh, vì trong chiến dịch này, ông ta còn có nhiệm vụ nghiên cứu địa hình, và các bản khắc minh họa cuốn sách đều lấy từ bộ ảnh chụp của Hocquard. Papin ngờ rằng vì vai trò chiến lược đó mà Hocquard ít nói tới cái máy ảnh. Nhưng cũng có thể vì ông không chỉ nhìn qua ống kính, mà hỏi han, kiểm tìm tư liệu, đợi khi tham gia vào đời sống hàng ngày của cư dân. Với những lí thuyết về “môi trường” và cái thú xếp loại, đo đạc, thế kỷ XIX đã thúc đẩy khá nhiều y sĩ thuộc địa đi làm dân tộc học. Tuy nhiên, hầu như Hocquard không hề mắc cái tật của thời đó là làm trắc định học nhân chủng (anthropométrie). Cũng như ông không quan sát phong tục của người bản địa bằng con mắt “lâm sàng”, trich thượng và thành kiến. Khác hẳn số đông thực dân cùng thời, Hocquard có một cái nhìn, nói như Papin, “hảo ý” và đầy “thiện cảm”. Cố nhiên, ông bác sĩ quân y này đứng ở phía đạo quân xâm chiếm, mỗi lần đội cứu thương được gọi ra tiền tuyến là đương sự hồn hở được dịp tò mò quan sát. Thích tìm hiểu đất nước này, ông ta tự trấn an lương tri với luận điểm “kẻ thù chính của ta là bọn người Trung Hoa”. Song Hocquard không hề có mặc cảm tự tôn về văn hoá, và thường tỏ ra thán phục sự tinh xảo thể hiện trong các kĩ thuật bản địa cũng như mưu chước chiến thuật của đối phương. Là y sĩ, ông không tự cao tự đại vì “khoa học” của mình. Ông tập huấn cho một thày thuốc đồng y cách tiêm chủng, không hoàn toàn tin vào phương pháp và cách trị liệu của người mà ông gọi là “đông nghiệp” nhưng vẫn quan sát và tìm hiểu cách chẩn bệnh của ông này (không hiểu tại sao mà ở bìa sau cũng như trong phần chú thích, Papin lại dùng chữ *médicastre*, tức là *lang băm*, để nói tới ông này). Chẳng bao lâu, người “đông nghiệp” tiêm chích rất giỏi, và những thương nhân Bắc Kì tuy không bỏ thuốc nam, đã nhanh chóng chấp nhận các biện pháp y tế của Pháp. Cuộc thực dân diễn ra thế nào trong tương lai, bây giờ chúng ta đã biết : kí sự của Hocquard ghi lại một điển hình của sự giao lưu văn hoá bất bình đẳng.

Tóm lại, *Une campagne au Tonkin* là một chứng từ xuất sắc về Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Tái bản cuốn sách là một việc làm rất đáng hoan nghênh, nhất là sách in đẹp và Papin đã bỏ công chú giải tỉ mỉ, mang lại những thông tin về ngữ học, địa lí, sử học, văn hoá bổ ích đối với cả những chuyên gia. Cố nhiên, Hocquard có vài chỗ (rất hiếm) viết sai (phân nói về tình hình triều đình Huế gần như chép lại quan điểm chính thống của chính quyền thực dân, cũng là phần nhạt nhẽo nhất). Những sai lầm này đã được Papin chấn chỉnh. Papin còn nhận xét thêm : Hocquard dường như là người duy nhất đã ghi chép những chi tiết (thí dụ về kiến trúc) hoặc tình tiết mà ngày nay, dù bỏ công tra cứu, vẫn không thể kiểm chứng được.

Annick Guénel

Thực và ảo trong qui hoạch kiến trúc xây dựng

Văn Ngọc



Nhà ổ chuột trên kênh rạch ở đô thị (TPHCM), Tạp chí Kiến Trúc, 1-1996

Hiện tượng “ bùng nổ xây dựng ” diễn ra ở các đô thị Việt Nam đầu những năm 90 (1), chủ yếu là một hiện tượng kinh tế – xã hội, bắt nguồn từ sự bung ra của nền kinh tế thị trường vừa được thiết lập. Nó hoàn toàn không liên quan tới một chương trình tái thiết đất nước sau chiến tranh.

Tuy nhiên, đối với các ngành qui hoạch, kiến trúc và xây dựng, hiện tượng này đã tạo ra một xu thế mới, một thị trường mới, và đặt ra nhiều vấn đề để suy nghĩ và giải quyết. Đối với các ngành này, hiện tượng nói trên có những mặt xấu, nhưng cũng có những mặt tốt. Mặt xấu trước hết là sự xây dựng bừa bãi không theo qui hoạch (vì chưa có qui hoạch), không những đã không làm đẹp được bộ mặt đô thị, mà còn làm hư hại đến môi trường và cảnh quan ; mặt khác, do phải *chạy theo* yêu cầu của các chủ đầu tư, mà phương châm là tìm kiếm lợi nhuận tối đa, nên ngay chính bản thân các nhà qui hoạch, kiến trúc, kỹ sư xây dựng, chủ thầu, v.v... cũng không thể nào không có một cái nhìn thực dụng trong mọi công việc mình làm. Mặt tốt của hiện tượng, là cả ba giới qui hoạch, kiến trúc và xây dựng, lần đầu tiên có được một số điều kiện để hành nghề. Về mặt chuyên môn, do bị lâm vào tình trạng bị động, nên họ buộc phải nêu lên nhiều vấn đề, cả thực tiễn lẫn lý thuyết, mà trước đây vốn xa lạ với họ, hoặc chưa bao giờ họ có dịp trao đổi và giải quyết.

Do nhiều lý do khách quan và chủ quan (chiến tranh biên giới, khó khăn về kinh tế, sự thiếu chuẩn bị của các giới hữu

quan), cuộc tái thiết lại đất nước sau chiến tranh đã không diễn ra như mọi người mong muốn, với một chiến lược cụ thể về qui hoạch đô thị-nông thôn, một phương hướng chỉ đạo cho kiến trúc, xây dựng, phù hợp với những điều kiện thực tế của đất nước. Trên thực tế, nó đã không bao giờ diễn ra, hay diễn ra dưới một hình thức biến tướng, bất ngờ : đó là hiện tượng *bùng nổ xây dựng* nói trên, mà cho đến nay các cơ quan quản lý qui hoạch, kiến trúc và xây dựng vẫn không sao kiểm soát nổi.

Từ 75 đến nay, tính ra đã tròn 25 năm, mà các luật lệ về qui hoạch, kiến trúc, và xây dựng vẫn chưa hoàn tất đầy đủ. Và người ta vẫn chờ đợi một sự nhất trí nào đó về một hướng đi cụ thể, thiết thực, ít ra để bước đầu xây dựng một nền kiến trúc lành mạnh (*khoa học, dân tộc, hiện đại*), phù hợp với những điều kiện của đất nước, và dựa trên nguyên tắc “ *tự lực cánh sinh* ”.

Cho đến nay, các giới hữu trách vẫn tiếp tục lúng túng trước những vấn đề *ưu tiên* cần phải đặt ra để giải quyết. Thay vì đặt ra những vấn đề *thực*, thì người ta lại đặt ra những vấn đề *ảo*. Trong khi đó thì những công trình “ *kiến trúc* ” linh tinh đủ loại vẫn cứ mọc lên như nấm, từ các đô thị lớn đến các tỉnh lẻ. Điều này lẽ ra phải là đáng mừng, nếu như về mặt qui hoạch, kiến trúc, cũng như về mặt kỹ thuật xây dựng, những công trình đó có chất lượng tốt và đáp ứng ít ra một trong ba điều kiện đã nêu trên.

Sở dĩ có tình trạng lúng túng này, không phải chỉ vì không có một chiến lược chung cụ thể, mà còn vì thiếu nhiều điều kiện khác : thiếu người có trình độ chuyên môn ngang tầm với những vấn đề đặt ra, thiếu cơ sở đào tạo, nghiên cứu, thử nghiệm, thiếu công nghệ vật liệu xây dựng, thiếu thông tin nghiêm chỉnh, v.v... Và như vậy, đối với không ít người có trách nhiệm trong các lãnh vực này, giải pháp dễ dàng nhất vẫn là đi nhờ người khác, trông cậy vào người khác. Vẫn biết điều này *có thể* làm được, và trong một số trường hợp là *nên* làm, nhất là trong bối cảnh thuận lợi giao lưu toàn cầu, trao đổi về văn hoá cũng như về kinh tế *hai bên cùng có lợi*, ai chẳng muốn “ *đầu tư* ” vào Việt Nam, một thị trường mới, đầy dẫy những mạo hiểm, bất ngờ, nhưng cảm giác là có lợi nhuận, không dưới hình thức này thì hình thức khác !

Nhưng đi nhờ ai, gõ cửa nào, cũng không phải là chuyện đương nhiên. Thông thường, người ta có nắm đoi chút về một vấn đề gì, thì mới có thể đi *đặt* cho người khác giúp mình về vấn đề đó một cách có ích được. Nếu bản thân mình chưa quán triệt được thế nào là *dân tộc*, thế nào là *hiện đại*, thì cũng



Dự án nâng cấp Khách sạn Thống Nhất-Métropole Hà Nội (1990-93)

không thể nào trách người khác là không dân tộc hay không hiện đại. Mặt khác, còn phải biết người mình nhờ cậy có thực tài hay không. Có trường hợp đã xảy ra là, thay vì đi nhờ những nhà qui hoạch, những kiến trúc sư giàu kinh nghiệm chuyên môn, thì người ta lại đi nhờ những tổ chức nghiệp đoàn, những người chỉ chuyên làm những công việc hành chính, thậm chí những tay chuyên làm áp phe, v.v...

Một trong những hậu quả của sự lúng túng và óc ỷ lại này là, vào lúc quyết định nhất, nghĩa là khoảng đầu những năm 90, người ta đã tôn vinh “kiến trúc Pháp” lên hàng đầu, mặc dầu người ta cũng không phân biệt được “kiến trúc Pháp” đây là kiến trúc Pháp nào, ở thời đại nào, và hình như điều này cũng chẳng ai cần biết đến làm gì. (2)

Thí dụ điển hình nhất là dự án nâng cấp, cải tạo và mở rộng Khách sạn Thống Nhất – Métropole Hà Nội, do tập đoàn chủ thầu Feal International (Pháp) thực hiện, 1990-93, với nhóm kiến trúc sư Rémi Lopez, Jean Paul Pinceloup, Bernard Kirchhoff thiết kế. Chủ đầu tư công trình là Liên doanh S.E.M. Thống Nhất Hotel Métropole.

Kiến trúc của tòa khách sạn mới (7 tầng + 1 tầng trệt), không những đã không tôn trọng hình khối, khung qui định (garabit), và phong cách kiến trúc của khách sạn Métropole cũ (2 tầng + 1), mà tự nó cũng không có một phong cách gì đặc biệt, ngoại trừ cái mái “à la Mansard” (giả), dấu hiệu đặc thù duy nhất của phong cách kiến trúc cổ điển Pháp lưu truyền từ thời ông Mansard, kiến trúc sư của điện Versailles, thế kỷ 17.

Tôi không đặc biệt có ác ý gì khi đem công trình kiến trúc này ra làm thí dụ, mà chỉ vì thấy nó khá điển hình để minh họa cho một số vấn đề lý thuyết của kiến trúc. Chỉ cần nhận xét rằng loại công trình này có thể được xây dựng lên ở Hà Nội, Sài Gòn, cũng như nó có thể nằm ở ngay giữa Paris, hay ở một ngoại ô của Paris, hoặc ở một tỉnh lỵ nào đó của nước Pháp, là đủ thấy là có điều gì không ổn rồi ! Không lẽ kiến trúc ở một xứ lạnh, nhiều tuyết, ít nắng, lại có thể phù hợp dược với một khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm, nhiều nắng, nhiều mưa, và có gió mùa ? Không lẽ hễ là kiến trúc khách sạn, thì ngay ở một xứ nóng ẩm cũng cứ phải có một mặt tiền nhẵn nhụi, thẳng tuột, với những khung cửa sổ kính không có lấy một chút mái che chống mưa nắng, không có những ban công, loggia, để có được một chút bóng rợp, và tạo một *không gian cách ly* cần thiết, quen thuộc gần gũi với quan niệm về sự lưu thông giữa không gian bên ngoài và không gian bên trong công trình của người Á đông (kiến trúc nhà cổ truyền Nhật Bản ; hàng hiên và cái giại trong ngôi nhà tranh cổ truyền Việt Nam) ?

Có điều là loại công trình này, ở đâu cũng vậy, vừa dễ *qua mắt* các nhà quản lý kiến trúc, vì nó lồng khít một cách ngoan ngoãn vào cái khung qui định của sơ đồ qui hoạch, không thể nào chê trách vào đâu được; mặt khác nó lại đáp ứng đúng quyền lợi của khách hàng, nghĩa là tận dụng hết hình khối của khung qui định, khai thác hết khả năng về diện tích sử dụng của tòa nhà, v.v... Có thể nói rằng nó khá tiêu biểu cho loại kiến trúc *thực dụng*, ít sáng tạo, nhưng dễ bán (trong giới kiến trúc ở Pháp người ta gọi đó là “*architecture alimentaire*”, nghĩa là loại kiến trúc để nuôi cái miệng).

Điều đáng quan ngại, là loại kiến trúc hoàn toàn không có một chút bản sắc Việt Nam nào như công trình này (đã được

trao tặng Giải Nhì về kiến trúc năm 1996 !) cộng thêm vào đó là những lời ca tụng không tiếc lời, nhưng lại thiếu xác thực mà người ta đã dành cho nó trên mặt báo chí, đặc biệt là trên tạp chí Kiến Trúc (số 5/1996), khiến cho nó đã có một ảnh hưởng nhất định lên cách nhìn của một số chủ đầu tư, nhà quản lý và kiến trúc sư xây dựng ở Việt Nam vào thời kỳ này. Trong giới kiến trúc, cho tới gần đây, vẫn có một số người đã đề cao quá mức cái gọi là “kiến trúc Pháp” lên để che đỡ cho một sự bất lực nào đó, và bám víu vào đó như một cứu cánh. Một số người chống xu hướng đó, nhưng lại không giải thích được vì sao mình chống, hoặc không có đề nghị gì cụ thể.

Thực ra, kiến trúc Pháp, hay Mỹ, hay bất cứ một nền kiến trúc phong phú nào trên thế giới, truyền thống hay hiện đại, đều có thể cung cấp cho ta những bài học, những kinh nghiệm quý báu, không phải về hình thức kiến trúc, mà về những nguyên tắc suy luận và sáng tạo, cũng như về những qui luật



Một thí dụ về bảo tồn và cải tạo khu phố cổ ở Bắc Kinh,
Tạp chí Kiến Trúc, số 2-1999

của cái đẹp trong lĩnh vực nghệ thuật này.

Vấn đề nêu trên chỉ là một trong số hàng trăm vấn đề ngôn ngữ khác, chưa giải quyết được, và còn nghiêm trọng hơn nữa.

Chỉ cần nhìn tổng quát những hoạt động về qui hoạch, kiến trúc và xây dựng ở nước ta từ hơn một thập kỷ nay, người ta có thể thấy được nhiều hiện tượng đáng lo ngại : có những vấn đề rất thiết thực, cấp bách, thì lại không thấy ai nêu lên để giải quyết, chẳng hạn như vấn đề thiếu nhà ở cho dân, từ thành thị đến nông thôn, vấn đề nghiên cứu những mẫu nhà ở cho từng vùng địa dư, cho những vùng trũng thấp (ĐBSCL), cho những vùng thường hay bị lũ lụt (miền Trung), hoặc nữa, vấn đề cải tạo lại hạ tầng cơ sở của các đô thị, nhất là các hệ thống cấp và thoát nước, v.v...

Trên những trang của tạp chí Kiến Trúc, cơ quan thông tin và nghị luận của Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam, người ta không bao giờ thấy mặt mũi của một dự án nghiên cứu cụ thể nào về nhà ở cho số đông (chung cư, cụm nhà ở rẻ tiền, v.v...), mà chỉ thấy nào là “Biệt thự cao cấp”, “Khách sạn quốc tế”, “Cụm nhà ở cho người ngoại quốc” (!), Trụ sở công ty, Trụ sở cơ quan hành chính đủ loại.

Ngược lại, những vấn đề mà chỉ có thực tiễn mới trả lời được như vấn đề “bản sắc dân tộc” (3) thì lại là chủ đề của nhiều cuộc hội thảo, tràn lan trên mặt báo chí, tạp san chuyên ngành. Đáng là vấn đề bản sắc dân tộc là một trong những vấn đề lý thuyết quan trọng cần được đặt ra một cách ưu tiên, song

trong bối cảnh xây dựng hiện nay, với chiêu hướng phục vụ phát triển kinh tế hơn là cải thiện đời sống của số đông, với một tâm lý thực dụng ngự trị trong các giới hữu quan, và trong nhiều tầng lớp xã hội, với những tri thức còn kém cỏi và nông cạn về kiến trúc, nó không khác gì như một lời hô hào suông : từ một vấn đề *thực*, nó trở thành một vấn đề *ảo*, do không có nội dung chính xác, không thể nào trở thành hiện thực được.

Hai khái niệm *thực* và *ảo* mà tôi dùng để chỉ những vấn đề của qui hoạch, kiến trúc, và xây dựng, đều mang những ý nghĩa cụ thể, thông thường : *thực* là *có thật, có ích lợi thực sự*; ngược lại với *ảo* là *viển vông, vô ích, vô tích sự, hữu danh vô thực*, v.v...

Phân biệt được cái *thực* với cái *ảo* trong các vấn đề mà xã hội nêu lên, vẫn biết không phải là dễ, nhưng làm được việc đó là đã giải quyết được một nửa vấn đề rồi.

Có những vấn đề rõ ràng là *thực*, mà trong những điều kiện cụ thể nào đó vẫn có thể trở thành *ảo* được, dù chỉ là nhất thời. Tôi còn nhớ, vào cái thời “bao cấp”, trong ngành kiến trúc-xây dựng ở Việt Nam, người ta thường kêu gọi tiết kiệm xi măng, bê tông, sắt thép, tiết kiệm nhiên liệu, v.v... Không biết đã có ai tiết kiệm thật không, và tiết kiệm như thế nào, nhưng tôi vẫn trân trọng cái đạo lý tiết kiệm vật liệu xây dựng và chất đốt ấy, dù cho là ngày nay Việt Nam đã có dầu lửa ! Vì nó lô gích và hợp với cái tinh thần “công nghệ thích ứng” và “kiến trúc thích ứng” mà cho đến nay vẫn còn giá trị. Bản thân tôi đã từng trải qua một kinh nghiệm, qua đó mới nhận ra rằng một vấn đề tưởng là *ảo* mà có thể trở thành *thực*, cũng như ngược lại, tưởng là *thực* mà trở thành *ảo*, tuỳ theo một số điều kiện. Khoảng những năm 1980-84, tôi cùng một anh bạn kỹ sư xây dựng đã bỏ ra ba bốn năm trời để nghiên cứu hai đề án mà chúng tôi tin rằng có thể áp dụng cho đất nước mình : một đề án về xây dựng bằng vật liệu rẻ tiền (đất không nung), tiết kiệm xi măng, nhiên liệu ; một đề án khác về lò sản xuất khí sinh vật bằng bèo Nhật Bản, v.v... nhưng rốt cục cũng không đi đến đâu cả, vì khi về đến bên nhà giới thiệu đề án, thì mới hay là viễn nghiên cứu không có ngân quỹ để thử nghiệm trước khi đưa vào áp dụng ! Cái thời ấy *thực* hay *ảo*, hay có *vừa thực vừa ảo*, thì nay cũng đã qua rồi. Bây giờ người ta không nói đến những vấn đề tiết kiệm nhiên vật liệu nữa, nhưng lại có những hạng người chuyên “tiết kiệm” vật liệu xây dựng bằng cách “ăn bớt” sắt thép ngay cả ở chân cột cầu !

Một vấn đề cấp bách khác là vấn đề phòng chống lũ lụt cho một số đô thị, và vùng nông thôn ở miền Trung, đặc biệt là hai đô thị cổ Hội An và Huế. Cách đây hơn một năm, trong một



Hội An mùa nước lũ, TBKT số 9-12-99

hay cái đẹp của kiến trúc miền Trung, về “rừng vàng biển bạc” của vùng này, nhưng tịnh không có lấy một lời đả động đến

những vấn đề lũ lụt, chặt cây đốn rừng ở đây, mặc dầu Hội An, Huế và nhiều nơi khác nữa, từ bao đời nay, hầu như mỗi năm vẫn thường xuyên bị lũ lụt ! Sau trận hồng thuỷ động trời vừa qua, với không biết bao nhiêu là mất mát về người và của, kể cả những mất mát về hiện vật, thư tịch cổ, v.v... trên mặt báo chí cũng chỉ thấy thông tin về những số tiền quyên góp giúp đỡ nạn nhân của lũ lụt là nhiều, còn thì không thấy ai lên tiếng kêu gọi, góp ý về một kế hoạch chống lũ lụt lâu dài, ngoại trừ một hai đề nghị như khôi thông và hướng dẫn dòng chảy, hoặc đắp bờ kè cho các con sông, song đây cũng chỉ là những biện pháp cục bộ, có tác dụng rất giới hạn.

Tôi mong rằng, tai họa vừa qua sẽ làm thức tỉnh được các giới hữu trách về cái nguy cơ thực sự của lũ lụt, đồng thời về một nhiệm vụ thực sự cấp bách : đó là nhiệm vụ bảo tồn hai thành phố cổ này, không phải chỉ tôn tạo, trùng tu, hay phục hồi, mà trước nhất phải nghĩ đến những biện pháp che chở cho những nơi này hàng năm khỏi bị lũ lụt. Trong khi chờ đợi, ngay từ bây giờ, phải có những biện pháp tạm thời để tránh lũ lụt trong vòng ít nhất vài ba năm tới, trước khi thực hiện được một phương án cho lâu dài.

Bước đầu có thể tổ chức một cuộc thi sáng kiến ở trong và ngoài nước, nếu cần thì dựa vào sự giúp đỡ của UNESCO, để mở ra một cuộc thi ở qui mô quốc tế, vì Hội An và Huế bây giờ đều đã được liệt vào hàng di sản văn hoá thế giới.

Văn Ngọc

Chú thích :

(1) Xem Văn Ngọc, *Bảo vệ và phát triển khu vực Hồ Tây*, DĐ số 40, 4-1995 ; *Một tình trạng đáng lo ngại*, DĐ số 43,7-1995 ; *Làm gì cho ngày mai*, DĐ số 45, 10-1995.

(2) Cân phân biệt ở đây khái niệm “kiến trúc Pháp” chung chung, với “kiến trúc Đông Dương” của một vài kiến trúc sư người Pháp đã thiết kế và thực hiện ở Việt Nam, vào cuối thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20, và đã có những tìm tòi, cố gắng thích



Trụ sở Bộ Ngoại giao, Hà Nội – KTS Ernest Hébrard, 1927, KT số 3-1997
nghi kiến trúc Pháp đương thời với điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, có gió mùa của Việt Nam, cũng như với phong tục tập quán và truyền thống thẩm mỹ của người dân ở đây. Nổi bật nhất là những công trình do Ernest Hébrard thiết kế : Sở Tài chính (nay là Trụ sở Bộ Ngoại giao), 1925 ; Viện Pasteur, 1927 ; Bảo tàng Louis Finot (nay là Bảo tàng Lịch sử), 1928.

(3) Xem Văn Ngọc, *Bản sắc dân tộc trong kiến trúc*, DĐ số 87, 7-1999.

Người đàn bà trên bãi tắm

Dương Hướng

Tôi bàng hoàng khi gặp lại Thao. Thao đang đi dưới hàng phi lao trên bãi tắm với người đàn ông có phong cách lịch lãm sang trọng kiểu quan chức, nước da trắng hồng với khuôn mặt béo phì. Tôi tin ông ta là người no đủ mãn nguyện trên mọi phương diện vật chất lẫn tinh thần. Vừa nhận ra tôi, ánh sáng trên gương mặt Thao chợt bừng lên rồi tắt ngấm. Thao chỉ dám ngừng lại một phút để hỏi thăm tôi đang ở đâu.

- Em sẽ đến ! Phòng ba, tầng chót hả anh ? Thao nói rồi vội vã chạy theo người đàn ông đang kiêu hãnh đi trước như một lãnh chúa coi cả đất trời này của riêng ông ta. Cả giọng nói lẩn ánh mắt Thao đượm buồn mà cuốn hút lạ. Tôi đứng tần ngần nhìn theo cái cổ trắng mịn và chiếc mũi du lịch màu hồng của Thao lất phát trước gió. Từng đợt sóng xô lên bãi cát thèm thuồng liếm lên đôi gót đỏ hồng, xoá sạch đi những dấu chân của Thao in trên cát.

Bữa cơm chiều đến dừng dừng, không cần đợi anh bạn trẻ cùng phòng, tôi ăn qua loa rồi đến căng tin mua hai hộp bia, hai gói kẹo sôcôla và không quên mua hai chùm chôm chôm theo sở thích của Thao. Căn phòng như reo vui trước mặt tôi.

Dọn dẹp thật ngăn nắp mọi thứ, cốc chén đánh sạch bóng, gối ga gấp có góc cạnh, tôi vào phòng tắm mở van nước hết cỡ. Tôi lảng lẽ làm công tác đón Thao một cách háo hức vì cả đời chưa bao giờ có được dịp như hôm nay.. .

Dưới con mắt của vợ, tôi thuộc diện người chồng không nhạy cảm với thời cuộc, không thực tế. Nghĩa là những khuyết tật của tôi được vợ đưa ra những bằng chứng lý lẽ thật vững chắc (tôi không thể chối cãi) : hay mơ mộng viển vông : nhẹ về kinh tế, nặng về chính trị : chăm việc hàng tổng, nhác việc gia đình. Tóm lại tôi là thằng xoàng với chức năng làm chồng làm cha. "Chiến lược chiến thuật đánh nhau trong quân đội làm hỏng đi cái đầu làm kinh tế", vợ tôi bảo thế. Dẫu không đồng nhất về quan điểm ấy, vậy mà hạnh phúc vợ chồng vẫn tồn tại. Tôi không dám may may tơ hào bối kẽ chuyện gì gọi là gió trắng thường có ở cánh đàn ông. Kinh tế khó khăn, tình cảm vợ chồng đôi lúc tẻ nhạt, tầm thường đi. Điều cốt yếu của phụ nữ, vợ tôi vẫn giữ được, đó là lòng thương chồng, thương con, đảm đang mọi việc trong những ngày tôi còn ở quân đội. Chuyển ngành về sống gần vợ, thỉnh thoảng có trực trặc sinh ra buôn. Nỗi buôn hiện tại thường gây men cho nuối tiếc quá khứ. Quá khứ ấy chính là Thao: Dù có mơ mộng tí chút về Thao, cũng chỉ trong tâm tưởng. Vậy mà cũng cóc giấu được vợ. Vụ "ngoại tình" trong mơ của tôi bị vợ bắt quả tang. Khổ cái thân tôi, giấc mơ vàng lại đúng vào đêm vợ chồng tôi có "chiến tranh lạnh".

Vợ tôi nhận phần chiếc gối quay mặt vào tường, ôm chiếc vỏ chăn lính. Đang say mê với mối tình kiều Rômêô và Jiuliết thì tôi bị vợ veo vào sườn một cái đau điếng. Tôi choáng tỉnh nghe vợ đay nghiến :

- Giả dối và khốn nạn ?

- Cái gì? - Tôi cáu tiết khẽ quát - Cô điên đấy à. Ai giả dối, ai khốn nạn. Đang đêm cũng sinh sự.

- Tôi không điên - Vợ tôi rít lên, cố kìm cơn tức giận - Từ tối đến giờ tôi vẫn chưa ngủ. Tôi hoàn toàn tỉnh táo nghe anh lầm nhầm tán tỉnh con bé nào thế. Tôi không ngờ bao năm anh nằm cạnh tôi mà vẫn còn léng phéng tư tưởng tới người khác.

- Vợ tôi lu loa khiến tôi phát hoảng. Tôi đành dịu giọng thanh minh làm lành với vợ :

- Em thật quá thể ? Ai lại ghen với cả giấc mơ. Tỷ dụ như tôi mơ được gặp một nàng tiên thứ sáu nào đó và nàng tiên đã cho tôi cả một chum vàng thì em có muốn ước mơ đó thành sự thực không ?

- Thôi đi, vàng đâu ra lầm thế mà mơ với chả thực.

- Đây nhé, chính em cũng bảo mơ không là thực được.

Tôi mỉm cười trong đêm, khoái chí vì bỗng dung tôi lại nghĩ ra được câu biện bạch thật dí dỏm mà lại sâu sắc, làm vợ tôi chịu ứ cổ. Lần đầu tiên tôi thắng vợ về lý sự.

- Nhưng mà em nghe rõ anh thốn thức với cô Thao nào đó chứ không phải với tôi - vợ tôi chợt hạ giọng, vẻ nhân nhượng dò hỏi. Đàn bà họ vẫn khéo vậy đó. Đúng là lúc ấy tôi đang mơ gặp Thao, cô gái thật đáng yêu từ cái thời còn chiến tranh.

Hơn chục năm bắt tin, bỗng trưa nay tôi lại tình cờ gặp lại Thao trên bãi tắm giữa những ngày tôi được nghỉ mát tại khách sạn này. "Tôi em sẽ đến".

Lời hẹn của Thao cứ ong ong bên tai tôi. Bao câu hỏi về Thao được đặt ra. Tôi không giải đáp nổi. Người đàn ông đi với Thao là ai ? Cuộc sống của Thao ra sao ? Chỉ lát nữa Thao sẽ đến. Tôi ngồi trước bàn xếp đầy những thứ tôi mua dãi Thao. Tôi mường tượng ra Thao sẽ ngập ngừng bước vào phòng. Tôi sẽ nhào lại đón Thao. Có nên cầm tay không nhỉ ? Được. Tôi sẽ nắm chặt bàn tay Thao và nhìn thẳng vào cặp mắt đen tròn như mắt chim câu "Mời Thao ngồi". Thao e thẹn ngồi xuống chiếc ghế trước mặt tôi. Hãy giữ lại mãi mãi những kỷ niệm đẹp đẽ trong chiến tranh. Ngày còn ở trong rừng là thế giới hoang dã của thiên nhiên, trong căn phòng này là thế giới của văn minh hiện đại.

Tôi ngả mình trên tấm đệm trắng muốt bật quạt máy quay vo vo, kéo tấm màn gió che kín tấm kính trong suốt.

- Chà, bữa nay có chuyện gì mà ông anh long trọng làm vậy ? - Người khách trẻ cùng phòng bước vào phá vỡ sự tĩnh lặng trong phòng.

- Minh có khách !

- Đàn ông hay đàn bà ?

- Đàn bà.

- Thật thú vị. Trông ông anh trẻ ra đấy - người khách đưa tay xá vào bụng tôi một cái rồi néo mắt cười đắc ý - Cả đời thằng công chức mới có mỗi một dịp đi nghỉ mát, không xả láng cũng hoài.

Ở phòng bên, mấy thằng cha săn đạn tối qua bắt được con bé trẻ măng. Cái thời hiện đại này cứ có tiền là thứ gì cũng có. Chúc ông anh một tối hạnh phúc.

Căn phòng chợt lặng đi khi anh ta ra khỏi. Cánh cửa khép lại. Thao chưa đến. Đã tới giờ vũ hội ở tầng dưới, tiếng nhạc dậy lên. Tôi đứng ngoài hành lang ngong ngóng tìm bóng dáng Thao. Những cặp trai gái thong dong dạo chơi dưới rặng phi lao. Đèn màu ở các quán hàng rực rỡ lung linh trong thế giới huyền ảo. Cuộc chiến tranh khốc liệt của dân tộc đã đổi lấy được tự do hạnh phúc. Hình ảnh Thao ngày ấy lại vụt hiện lên trong tâm trí tôi như một ảo ảnh. Ngày ấy tôi còn là anh lính công vụ cho trung đoàn trưởng Liên. Trong trận đánh vào một thị xã, tình cờ gặp một cô bé gái chừng mười tuổi đang khóc thảm thiết trên đường phố bốc cháy ngùn ngụt. Tôi đã dẫn cô bé về cứ. Trung đoàn trưởng Liên sống ở chiến trường đã lâu nǎm nên ông rất quý hình bóng trẻ nhỏ. Ông đã nhận cô bé này làm con nuôi.

Từ nay cậu chăm sóc cô bé giúp tôi - Trung đoàn trưởng nói và nhìn tôi bằng ánh mắt tin tưởng.

Chiều chiều tôi dắt bé Thao ra suối tắm. Gương mặt bé Thao xinh xinh, da trắng mịn, cặp mắt tròn như mắt chim câu, giọng nói nhỏ nhẹ, nhẹ đến dễ thương. Những ngày đầu, bé Thao tỏ ra buôn nhór và lạ lẫm với mọi cảnh sinh hoạt của lính ở rừng.

Tôi thường hay dỗ bé Thao bằng những trái cây kiếm được trong rừng. Lúc rồi tôi loay hoay ngồi cất khâu quần áo cho Thao. Tôi xin được vải của trung đoàn trưởng khâu cho bé Thao cả bộ tǎng vông nhỏ dành cho một người lính tí hon. Khi ngủ, bé Thao đòi mặc vông nằm cạnh tôi. Trong chuyện này nếu là nhà văn tôi sẽ viết được cả cuốn tiểu thuyết. Tình cảm của trẻ thơ thật trong sáng. Ồi giá mà bé Thao mãi mãi thơ ngây như thế. Ngày ngày tôi nhận ra bé Thao cứ lớn phồng lên. Thao đã trở thành cô gái thực sự, biết đỏ mặt thẹn thùng khi bắt gặp tôi nhìn vào khuôn ngực đã đầy lên của Thao. Thao đã là bông hoa quý hiếm cứ rực rỡ giữa nơi bom đạn khốc liệt và cảnh sống gian khổ thiếu thốn đủ thứ của người lính. "Trồng cây đến ngày ăn quả rồi đấy. Quả chín không hái để rụng phi". Những lời bông gió của lính kiểu ấy làm tôi lo sợ mọi cù xu với Thao không còn tự nhiên như trước.

Vào một chiều con mưa nguồn vừa dứt, trung đoàn trưởng Liên đi giao ban. Thao tần ngần đứng nhìn sang cánh rừng phía đông nơi chiều qua bị bom đánh cháy vàng từng đám.

- Đì dằng này với em - Thao rỉ tai, kéo tôi chạy hối hả sang cánh rừng phía đông.

- Chuyện gì vậy? - Tôi hỏi.

- Bí mật - Thao nói rồi lặng lẽ luôn rùng, ngó nghiêng đây đó như đang tìm kiếm gì đấy.

- Đây rồi! - Thao reo lên lao tới đứng sững trước cây giậu già đất bị bom cháy sém một góc - Nó bị thương - Thao bàng hoàng thốt lên - Em đã tìm ra cây này cách đây một tháng nay. Hồi ấy trái còn non. Bây giờ anh thấy nhiều trái chưa? Sắp chín rồi đấy. Khi nào chín ta sẽ mang bao ra hái về cho cả ban mình liên hoan một bữa thoả thích.

Bữa qua tiếng bom dày lên ở đây, em lo quá.

Tôi đứng tần ngần nhìn suốt chiều cao thân cây chừng hai

mét chi chít những chùm quả vón vào nhau giống y như những chùm sung ở quê tôi. Tôi mỉm cười chợt nhận ra dòng chữ "Cấm hái trái non!" - Thao khắc lên khoảng trống thân cây từ bao giờ.

- Trên đám lá cháy sém kia, anh biết không - Thao nói - Bữa trước em thấy có một tổ chim, em còn nghe rõ cả tiếng chim non kêu lích rích dễ thương ghê. Chiều qua những con chim non ấy chắc là bị bom thiêu cháy hết rồi.

Thao đi quanh nhìn những vết đạn bầm lõi chỗ trên thân cây. Thao lựa những quả chín hái đưa cho tôi.

- Anh ăn thử. Chỉ dăm bữa nữa là chín hết. Nó bị thương thế này liệu có sao không anh? - Thao ngược mắt nhìn tôi hỏi.

- Không sao đâu. Giống cây rừng sống dai lăm.

Trên đường về cứ, tâm tính Thao trầm hẳn. Thao lặng lẽ đi, thỉnh thoảng lại đưa tay bứt những nhánh lá rừng vo nát ra rồi vứt xuống đất.

Hết chiến tranh anh sẽ làm gì? - Bất chợt Thao hỏi tôi.

Ai mà biết được. Hãy sống đến ngày đó - Tôi nói.

- Em sẽ làm nghề trồng cam, sẽ học cách chiết cam. Đất quê em trồng cam tốt lắm - Thao nói giọng xúc động - Em không hiểu ba Liên có ưng về quê em ở không?...

Tiếng Thao tan trong không gian mênh mông.

Cánh rừng lao xao, gió bỗng nổi lên, cơn mưa ào đến. Thao kéo tay tôi trú dưới tán cây gội giặt. Đàm kiếm vàng ngoằn ngoèo trên thân cây hối hả rủ nhau vào tổ. Những con mối khờ dại từ đây bay vù vù ra gặp mưa rã cánh nầm lăn dí ra đất. Những ngón tay mềm mại của Thao bấu liền tiếp lên lớp vỏ sù sì trên thân cây gội giặt.

- Mưa to - Thao khẽ thốt lên.

- Ủ, mưa - Tôi nói mà chẳng nghĩ đến mưa, chỉ chăm chú nhìn những giọt nước rơi lên mái tóc đen nhánh của Thao.

- Chiến dịch tối, em xin ba Liên cho em đi tuyến trước - gương mặt Thao bỗng sáng lên khi em thở lộ điêu thầm kín với tôi.

Cả tôi và Thao lặng lẽ tắm mưa. Khuôn ngực Thao càng đẩy lên rõ đường nét hơn khi tắm áo Thao ướt sũng nước mưa. Có lẽ bữa nay trời đất xui khiến, bàn tay Thao đã nắm gọn trong lòng tay tôi. Lân đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận được hơi ấm từ cơ thể rạo rực của người con gái truyền sang tôi. Giây phút này tôi không hiểu đây có phải là tình yêu không.

Thao vẫn chưa đến! Căn phòng về khuya càng trắng ra. Mọi thứ đều mang màu chết chóc. Những bức tường trắng, trần trắng, ga đậm, gói đều trắng toát. Hai hộp bia, hai gói kẹo, hai chùm chôm chôm từ tối vẫn nằm nguyên một chỗ trên bàn. Những viên đá trong cốc thuỷ tinh đã tan rã ra chỉ còn nổi lên miếng nhỏ xíu như cái bọt nước. Niềm hy vọng Thao đến cũng mỏng manh như cái bọt nước.

- Cộc... cộ... cộc - Cố tiếng gõ cửa.

Ôi thế là Thao cũng đã đến đây. Giây phút cuối của sự đổ nát bỗng bừng lên toà lâu dài. Mặt nóng ran, tôi bật dậy, tay run run mở cửa. Mẹ kiếp, không phải Thao. Người khách trẻ nghỉ cùng phòng bước vào nồng mùi rượu. Mặt anh ta đỏ gay, mắt đảo khắp phòng.

- Ối giờ ơi, té ra từ tối đến giờ ông anh chỉ có một mình thôi à? Thế mà thằng em cứ đinh ninh ông anh vẫn còn đang ôm áp một ả nào đấy nên phải gõ cửa - Giọng người khách trẻ cứ trù tréo lên - Thật uổng công thằng em đi sơ tán từ tối đến giờ, cứ phải sà hết quán này đến quán khác.

- Thôi tớ đền cậu bằng những thứ này vậy - Tôi kéo anh ta ngồi xuống ghế, mở bia, bóc kẹo.

Uống hết hộp bia, anh ta vội nhoài người tối giường nằm lăn ra ngủ. Tôi nằm thao thức nghe tiếng ngáy khò khè của chàng trai qua một ngày nghỉ mẩn nguyện. Hình ảnh Thao lúc trưa trên bãi tắm vẫn lung linh hiện lên.

Nếu tôi và Thao không có được giây phút tắm mưa thì hay biết mấy. Bởi hai ngày sau trung đoàn trưởng gọi tôi đến gặp ông. Tôi lo sợ nghĩ là Thao đã kể với ông chuyện hai đứa vào rừng. Gương mặt trung đoàn trưởng thoảng buồn, giọng ông trầm hẵn xuống :

- Tôi phải có trách nhiệm thông báo với cậu. Ban chính trị vừa cho biết tin Thao nó là con gái một sĩ quan, tuy ba má nó đều đã chết, nhưng vì sự nghiệp lớn lao của cách mạng, ta phải để phòng. Cả tôi lẫn cậu đều đã mắc sai lầm không tìm hiểu kỹ lai lịch đã vội hô đồ nuôi nhận cô bé. Nếu để cô ta ở đây lỡ có chuyện gì, tôi và cậu phải chịu tai tiếng suốt đời - giọng trung đoàn trưởng Liên như lạc đi. Ông đưa tay nắm chặt lấy bàn tay tôi : Cậu là một chiến sĩ tốt, hết chiến dịch này về sẽ kết nạp cho cậu. Còn Thao, tôi sẽ đưa lên trại tăng gia trên Z7, vừa đảm bảo cho cậu, vừa dễ cho tôi.

Một hàng rào thép gai vô hình ngăn cách giữa tôi và Thao. Ngay buổi chiều hôm đó, tôi không còn dám nhìn thẳng vào đôi mắt lóng lánh của Thao. Sẽ không bao giờ có cái ngày hai đứa lên lại cây giêu già nua.

Tôi khắc khoải nghĩ về Thao trong những ngày mở chiến dịch liên tiếp thắng lợi. Tôi được kết nạp Đảng, được thăng chức. Cuộc chiến tranh khốc liệt đã cuốn tôi đi khắp mọi chiến trường. Tôi không bao giờ được gặp lại Thao nữa. Đúng là ông trời đã xếp đặt để tôi gặp lại Thao trên bãi tắm trưa nay. Người đàn ông sang trọng ấy có phải là chồng Thao?... Tôi thiếp đi trong tâm trạng mệt mỏi và linh cảm thấy mình là kẻ tội lỗi. Khi tỉnh dậy tôi vẫn nghe tiếng anh ban trè cùng phòng ngay làm tôi không sao ngủ lại được. Tôi lại bám víu vào hy vọng mới là Thao sẽ đến. Tôi qua chắc là Thao bận công chuyện gì đó. Trời đã sấp sáng, tôi bật dậy ra hành lang ngắm biển. Biển qua một đêm dần dusk, lúc này lặng lại chờ đón ánh bình minh.

Tối nay nhất định Thao đến. Hy vọng cứ đốt lên trên mặt biển màu xanh thăm. Biển đẹp lạ kỳ, đôi góit Thao cũng đẹp lạ kỳ. Cái cổ trắng mịn, chiếc mũ hồng hồng...

Có tiếng két cửa và tiếng guốc gõ nhẹ trên nền gạch men. Cánh cửa phòng số năm đã khép lại khi người phụ nữ từ trong phòng lén bước ra, đi vội về phía cầu thang cuối hành lang. Tôi định gào lên chạy theo gọi Thao nhưng hai chân tê cứng không sao bước nổi. Đúng là Thao rồi, đôi góit son và chiếc mũ hồng hồng với tiếng guốc của Thao kêu vang trên hành lang dài hun hút vắng tanh. Tiếng guốc của Thao rung chuyển khu nhà cao tầng. Thao đã ngủ suốt đêm qua trong căn phòng số năm. Điều ấy thật khủng khiếp.

Tôi lao vội vào phòng nằm vật ra giường giữa đống gối, ga

nhàu nát. Tới lúc này tôi mới nhận thấy mình đang sốt. Con sốt nóng hầm hập giống như ngày tôi còn ở trong rừng Trường Sơn. Tôi cố nhắm mắt tìm một giấc ngủ. Khi tỉnh dậy, anh bạn cùng phòng đã nhìn tôi cười tủm tỉm.

- Cái sốt ông anh vất vả bỏ mẹ - Anh ta nói - Cả đời được mỗi một dịp đi nghỉ an dưỡng lại sốt. Tôi gọi bác sĩ nhé.

- Không cần đâu - Tôi cầu - Bác sĩ thì làm quái gì. Tôi khỏi ngay thôi mà.

Buổi chiều, tôi gượng dậy di dạo ngoài bãi tắm với tâm trạng trống rỗng. Tôi nhìn mọi người đều do dự thô lỗ quá thế. Những thân hình trần trụi của đàn ông, những cặp đùi trần trụi của phụ nữ.

Dẫu sao vẫn không quên được hình ảnh Thao, người phụ nữ đang là hiện thân của đời sống vừa tươi mát, vừa ô trọc. Tôi hững hờ hỏi thăm những người địa phương biết rõ Thao đã sống ở đây từ lâu. Họ chỉ tôi tới cái quán hàng của gia đình Thao ở gốc cây đại cuối bến. Cái quán hàng dựng lên bằng tấm bạt túm bốn góc buộc vào những cây phi lao non.

Quầy hàng là chiếc bàn gỗ đóng bằng gỗ hòm mìn chất đầy những hoa quả. Tôi đến ngồi vào quán hàng như một người khách vô tình. Không có Thao ở đây. Tôi băn khoăn nhìn người đàn ông ngồi trước quầy hàng bị cụt một chân phải và bàn tay trái cụt mất ba ngón. Tôi gọi cốc nước mát, người đàn ông đưa mắt ra hiệu cho cô bé gái chừng mười hai tuổi làm nhiệm vụ pha nước. Gương mặt Thao hồi trẻ đây rồi. Cô bé nhanh nhau làm mọi động tác vắt chanh, đập đá cho vào cốc thật thành thạo.

- Con mời bác - Cô gái đặt nhẹ cốc nước lên bàn, ngược cắp mắt trong veo nhìn tôi, cười rất tươi.

- Cháu gái anh phải không? - Tôi hỏi.

- Dạ.

- Anh được mấy cháu rồi? - Tôi quắn quẩn làm quen.

- Ba cháu anh ạ. Đây là cháu lớn. Nhân lực thứ hai sau mẹ cháu đấy - Người đàn ông như thể mong có khách để dốc bầu tâm sự - Gia đình tôi, cả hai ông bà già nữa là bảy miệng ăn đều trông vào mẹ cháu.

Anh bị thương trong trường hợp nào vậy? - Tôi mạnh dạn hỏi. .

Ánh mắt chợt buồn :

Tôi là lính ông Thiệu mà anh. Khi giải phóng, thương tật thế này, tôi muốn chết quách đi cho rảnh bố mẹ vợ con. Nhưng vợ tôi cô ấy cứ an ủi "hết chiến tranh, anh còn sống được là mừng. Mọi chuyện kinh tế đã có em lo". Cô ấy nói thế thì làm sao chết nổi hả anh. Ở ngoài Bắc, các anh đi lính còn biết đường lối, lý tưởng, tụi tôi trong này là thằng lính, cấp trên bảo đâu đánh đấy.

Người chủ quán cười hì hì, bàn tay phải còn lại của anh xoa xoa vào cùi tay cụt ngắn.

- Ba oí ba, má con ra đó! - Cô bé gái đang loay hoay bóc vỏ những trái dừa, chợt reo lên.

Trên lối mòn ven đồi phi lao, tôi nhận ra Thao đang đi tới dẫn hai đứa trẻ nhỏ lon ton chạy theo sau. Tôi ngạc nhiên về sự đổi khác ở Thao. Lúc này Thao không còn vẻ gì của cô gái

đi theo người đàn ông trưa hôm qua, không còn những bước đi bối rối, không còn chiếc mũ hồng hồng. Thao bây giờ đã là người mẹ thực sự, ân cần, đầm thắm.

- Thao hơi sững lại giây lát khi nhìn thấy tôi. Gương mặt Thao bỗng trở nên lãnh đạm, gượng gạo.

- Anh và con về ăn cơm - Thao nói với chồng bằng chất giọng rất truyền cảm. Chồng Thao sọc hai chiếc nạng xuống đất đùi người đứng lên, gật gật đầu chào tôi rồi lọc cọc bước đi.

- Con chào bác con về - Cô bé gái cúi chào tôi nhỏ nhẹ rồi bước vội theo bố.

- Hai con lại chào bác rồi đi chơi cho má bán hàng - Hai đứa nhỏ của Thao nhanh nhau đứng khoanh tay chào tôi rồi chạy vụt ra bến.

- Anh thất vọng về em hả ? - Bất chợt Thao hỏi như thể Thao đã đọc rõ được tâm trạng tôi - Bữa qua em gặp được khách nên lỡ hẹn với anh... Thật tiếc, giá mà anh đừng bao giờ gặp lại em nữa thì hơn. Em bây giờ không còn được như xưa.

- Anh chờ em suốt đêm qua ! - Tôi nói.

- Còn em... em đã chờ anh cả quãng đời con gái đi làm cách mạng ở trại tảng gia.

Thao liếc nhanh mắt vào tôi rồi vội cúi xuống giống như người thợ săn không dám nhìn thẳng vào vết thương con thú do chính tay mình vừa bắn.

Bệnh bảo thủ như liều thuốc an thần ngấm nhanh trong tôi. Ngày ấy, tôi không đến với Thao vì " cô ta là con của nguy..." .

Đêm qua Thao không đến với tôi vì " Thao còn bận làm tiên..." .

- Thú thật với Thao, tôi không ngờ...

- Anh không ngờ em là đứa phản bội chứ gì? - Thao nói nhanh - Cả anh nữa cũng không biết chuyện em bị bắt sao?

- Em bị bắt ?

- Đúng thế.

- Vì sao?

- Cũng chỉ vì mấy con gà ! - Thao chợt mỉm cười nhìn tôi - Đúng là cũng chỉ tại mấy con gà thật mà. Ngày ấy ở trại tảng gia Z7 em nuôi được bao nhiêu là gà. Ngày ngày nhìn những con gà mập ú mà đợi mãi chả có người lên. Thỉnh thoảng cáo lại xơi mất một con, nghĩ mà tiếc. Nghe tin trung đoàn thang lớn, em vừa mừng vừa lo cho ba Liên liền bắt đúng hai chục con gà công xuống mặt trận làm quà tặng ba Liên và các anh. Nghĩ đến phút giây được gặp ba Liên và anh, em cứ đi băng băng chẳng biết mệt nhọc là gì. Ai dè em lạc đường bị lính nguy phục tóm sống. Thế là bỗng dung số phận em chẳng thuộc về bên nào. Bên nguy thì coi em là tù binh, bên cách mạng có người lại bảo em là đào ngũ, phản bội. Đúng trong lúc tuyệt vọng, em được một người lính nguy cứu em thoát khỏi trại giam của lính. Số phận đời em đã gắn chặt vào gia đình người đã cứu thoát mình. Em trở về đây nuôi ba má anh ấy đã già yếu mà chúng em thành vợ chồng từ đó. Lúc chiến tranh còn là phe này phe kia, bây giờ hoà bình rồi em nghĩ ai cũng là dân máu đỏ da vàng mình cả. Cuộc sống bây giờ quá khó khăn, nhất là những tháng không bán được hàng, không

có tiền nộp thuế, mấy ông phòng thuế đến hạch sách anh ấy : " Anh là gia đình nguy, liệu đấy mà lo thuế cho đầy đủ... ". Thế đó ! - ôi, em mải nói chuyện mình, quên không hỏi anh xem ba Liên bây giờ ở đâu hả anh?

- Từ ngày đó cũng biệt tin không hiểu ông ấy còn sống không.

- Ôi ! Nếu ba Liên còn sống có lẽ bây giờ phải lên tướng rồi đấy anh nhỉ ? - Giọng Thao bỗng xúc động, nước mắt rò rỉ - Em hỏi anh vậy thôi, giá mà ba Liên còn sống, em cũng không dám gặp ông. Đời em coi như hỏng rồi. Em sống là vì chồng em, vì hai ông bà già thân sinh ra anh ấy và vì ba đứa con em. Em cố nuông dạy chúng trưởng thành anh à.

Thao bỗng ngược mắt nhìn thẳng vào tôi. Mắt Thao vẫn đen thắm thắm. Thao đưa tay lừa những trái chôm chôm chín đưa cho tôi :

- Anh ăn chôm chôm đi, thứ này ăn cũng ngon như trái giâm gia đât trong rừng ngày ấy. Anh không thể tưởng tượng bữa em bất ngờ nhận lệnh ba Liên lên trại tảng gia Z7. Mấy ngày đầu ngồi buồn nghĩ cứ tiếc mãi cây giâm gia ấy. Em tưởng tượng những trái giâm gia chín nấu ra không ai hái, để nó rụng tuốt xuống đất thật uổng.

Tôi ngồi lặng nhìn Thao bóc chôm chôm rõ khéo - những ngón tay mềm với trái chôm chôm đỏ thắm.

Dương Hướng

Tình 2000

Ngô thị Mỹ Trang

Anh quen em qua email
Biết em dễ thương, biết em nhân hậu
Mỗi ngày anh đau đớn
Tìm em trong Yahoo.

Anh hiểu nơi em ở có mùa thu
Có hè phố xác xao tiếng lá
Qua những dòng thư em mỗi ngày mỗi lá
Hiền như mùa hạ ao xanh
Anh design em trong trí nhớ anh
Tưởng tượng cả ngôi nhà em đang ở
Ngọt ngào ngọt đỗ
Rực rỡ nằm trong photohouse.

Thương làm sao Internet nhiệm mầu
Bay bỗng đường thông tin vô tận
Anh gõ vào tình thư
Như gõ vào trái tim ngơ ngẩn
Bồi hồi click lệnh send.

đâu có website nào
Tuyệt vời bằng Website EM

Trích Tuổi trẻ chủ nhật,
số Tất Niên, 31.1.2000

Vũ Hồi Nguyên

Án mạng dưới chân Tháp Eiffel

Viên thanh tra cảnh sát Maurice Bakoula vừa tóm tắt xong sự kiện. Phản ứng đầu tiên của tôi, một nhà báo, là tìm một tít lớn cho trang một. « Một phụ nữ Việt Nam bị ám sát giữa Paris » : quá thường. « Sự cố rùng rợn nhất từ xưa đến nay trong cộng đồng người Việt » : hơi dài, làm mất chỗ quảng cáo. « Máu Việt Nam đã đổ giữa kinh đô ánh sáng » : nghe như tựa tiểu thuyết rẻ tiền bán ở ga Lyon. « Lực lượng nào có lợi trong cái chết của bà Trần Thị Trầm Thảo ? » : tít mỏ với đầy ẩn ý chính trị, nhưng sợ chỉ hấp dẫn vài chục lanh đạo đảng phái, không thu hút đông đảo bà con di chợ Tàu ở quận 13...

Cách đây mấy ngày, lúc 4 giờ sáng, dưới gầm cầu Iéna nằm giữa Tháp Eiffel và quảng trường Trocadéro, người ta khám phá một bọc rác lớn chứa xác chết một người đàn bà Việt Nam. Nạn nhân bị giết trước đó khoảng 2 tiếng đồng hồ. 7 viên đạn đồng tập trung vào đầu, thân thể bị lột trần và cắt ra từng mảnh. Người chết còn đầy đủ tiền bạc nữ trang, và giấy tờ để nhận diện. Cảnh sát đã xuất hiện nhanh chóng, tại chỗ không ai được quyền làm nhân chứng, báo chí truyền hình tuyệt nhiên không nói gì về vụ này. Nạn nhân không phải là một bà hoàng nước giàu. Trung tâm Paris không phải là bãi chiến trường cho các băng cướp thủ tiêu nhau. Không thể để các đoàn du khách Nhật Bản, Đại Hàn tụ tập nơi một xác chết cùng màu da, quên đứng chụp hình trước cái tháp sắt, biểu tượng của thành phố đẹp nhất thế giới.

Cảnh sát quận 7 chỉ cử một nhân viên lo hồ sơ này, là Maurice Bakoula. Hồ sơ không quan trọng. Vả lại, từ hồi các sở cảnh sát áp dụng Luật Lao động mới, làm việc 35 giờ một tuần, mỗi công chức là một của quý, không thể phí phạm. Người đàn bà bị giết gốc gác ở một nước chậm tiến, Maurice Bakoula gốc Phi châu, thế là được rồi. Viên thanh tra trẻ tuổi thuộc thế hệ sĩ quan an ninh của thế kỷ mới, hiểu biết không hạn chế mấy. Hắn có linh tính cuộc điều tra sẽ không ra ngoài cái cộng đồng người Việt tại Pháp. Bakoula tìm ra liên phương pháp tiến hành điều tra. Hắn không biết gì về giới Việt, vậy thì cần sự cộng tác của một nhà báo nằm trong lòng cộng đồng này. Là người Việt để đồng thời làm thông dịch viên cho hắn.

Tôi được chọn cũng dễ hiểu. Báo chí Việt ở đây ngày một ít đi, cạnh tranh sao được với các video cải lương hài kịch và CD nhạc Việt không dấu. Tờ báo *Cộng Đồng Mới*, một mình tôi làm, có mặt ở hầu hết các tiệm phở bánh cuốn của cả 3 phố Tàu trong Paris. Tờ báo phát không, nội dung là các trang quảng cáo, mỗi số chỉ cần một hai bài tố cáo tội ác Cộng sản và những bê bối của đảng này phe nọ trong đối lập. Dĩ nhiên không ai dám từ chối cộng tác với cớm. Nhưng phải nói thêm, tôi đâu đã mất hết lý tưởng. Tìm cho ra thủ phạm giết hại người đồng hương là, một mặt hành động cho Công Lý, một mặt trả lời một sự nhục mạ cộng đồng.

Để mở đầu hợp tác giữa Nhà nước Pháp và media Việt kiều, Maurice Bakoula biết chơi đẹp : cao lâu Quảng Đông sang trọng nhất khu Belleville, món lẩu dê với đầy đủ ngọc dương, bia shintao hết lon này đến lon khác, vân vân... sẽ chấm dứt bằng sake có gái cởi truồng hiện ra ở đáy tách. Tôi không ảo tưởng. Sau này với hắn chỉ còn những bữa Mac Do hay ngậm bánh mì *jambon-beurre*.

Xin nói rõ, tôi không kỳ thị chủng tộc. Nhưng thằng Bakoula này đen bóng quá, hình như còn có mùi. Nó ăn mặc như trong phim trinh thám Mỹ trên ti-vi, nhưng chắc bố nó trước đây làm công nhân hãng xe Renault.

Tôi hỏi Nhà Nước Pháp :

- Thưa ông thanh tra, không biết ông có tấm hình nào của nạn nhân ?

Sau vài giây do dự, Bakoula lấy ra một xấp hình, nụ cười đều cáng trên môi. Khủng khiếp !!! Những gì tôi nhìn thấy thật là kinh hoàng ! Một đống thịt bầy nhầy máu đỏ. Máu khắp nơi, máu loang lổ trên những phần thịt rời rạc được chụp từ mọi góc độ. Tôi suýt trả lại hết, nào lẩu dê nào bia lon nào ót hiem. Còn cái khuôn mặt nạn nhân nữa ! Thôi thôi, nhất định tôi không tả tiếp ! Mắt tôi hoa lên trước những mảng óc nhớ nhớp, lây láng trên những gì còn lại của một khuôn mặt đã vỡ nát... Thôi !!!

Tiếng cười của Bakoula kéo dài suốt cơn ghê tởm của tôi. Chỉ có giống người nửa khỉ như nó mới có lối đùa thanh nhã như vậy. Rồi nó lấy giọng trìu mến :

- Nay chú chết bé nhỏ của tao, tao giõn một chút thôi mà. Bây giờ cho mày coi tấm hình của nàng trong thẻ cẩn cước.

Thằng này mà tao dễ dàng như mọi công an Tây. Tôi lại giựt mình lần nữa. Người đàn bà đẹp tuyệt trần. Tôi không rời được hai con mắt sâu thăm thẳm và đôi môi ướt đà, đậm nét gần một sóng mũi thoáng chít kiêu căng. Phải một lúc sau tôi mới đọc thẻ cẩn cước. Trần Thị Trầm Thảo, 39 tuổi, sinh tại Sài Gòn, quốc tịch Pháp, cao 1m67, cư ngụ ở khu Bastille. Bakoula cho biết thêm : sang Pháp năm 1980, có chồng gốc Việt về Việt Nam từ 4 tháng nay, không con cái. Nghề nghiệp không rõ ràng, khi làm thư ký, khi lo một loại việc giao tiếp trong xí nghiệp. Bố mẹ và cậu em trai cũng sống ở vùng Paris.

Cuối buổi, Maurice Bakoula muốn tạo sự thân mật. Hắn tâm sự thỉnh thoảng nằm mơ thấy một thiếu nữ Tàu da ngà ngọc, mặc áo dài lụa Việt Nam, vừa tắm quất cho hắn theo kiểu Thái vừa mời hắn uống ngum trà Nhật. Tôi đề nghị ngay sáng hôm sau đi gặp bố mẹ cô Thảo.



1. Đến trước cửa căn hộ của ông bà Phùng, bố mẹ cô Thảo, hai đứa chúng tôi nghe thấy một loại nhạc kỳ lạ từ trong vọng ra. Chắc chắn không phải nhạc Tây phương. Âm điệu ngắn nga nhưng không phải *rai*¹ hay *fado*². Cũng khác các loại nhạc truyền thống Việt Nam : chèo, tuồng, ca trù, tài tử... Gần giống thứ nhạc kinh ở một số chùa hiện đại trong nước, nhưng dùng nhạc cụ điện tử nhiều hơn.

Chúng tôi lại càng ngạc nhiên khi thấy bà Phùng. Bà mặc một loại cà sa bằng giấy bạc mè chói lọi, quần chồ này chồ kia những sợi giây thừng cũng đủ màu sắc. Đầu đội một mũ cạc-tông hết sức cầu kỳ. Bước vào phòng khách là lạc vào

một không gian dày đặc khói hương, một mê hồn trận làm Bakoula thả ra một trận ho không ngừng. Lúc đó mới thấy nhạc inh ỏi phát ra từ một dàn máy âm thanh nổi. Dàn máy điều khiển luôn một hệ thống đèn màu chớp chớp theo điệu nhạc.

Bà Phùng đang lên đồng một mình, gọi hồn cô con gái vừa mất. Bây giờ tôi mới biết, ở Pháp, lên đồng đã trở thành một sinh hoạt cá nhân, không còn cần đồng người. Như vậy đỡ tốn kém, tiền tiết kiệm được có thể đầu tư vào các phương tiện tuyên truyền về mùa đại hạ giá năm nay ở các cửa tiệm Paris.

Bakoula thật chuyên nghiệp, hắn không bỏ lỡ thời cơ. Hắn ngồi xếp xuống đất trước mặt cô Thảo và bà Phùng, bắt đầu ngay cuộc thẩm vấn.

BAKOULA : Thưa bà Trần Thị Trầm Thảo, ai đã giết bà ?

HỒN : ...

BAKOULA : Tôi xin hỏi cách khác. Theo chủ quan của bà, ai có thể là người kết liễu đời bà?

HỒN : ...

BAKOULA : Bồ mẹ! Hồn không nói tiếng Tây.

HỒN : Si si ! Quand même...³

BAKOULA : Xin lỗi bà. Tôi chắc hồn vía bà chưa trở về hoàn toàn, sự kiện quá khiếp đảm. Bà cứ lấy thì giờ để trả lời.

HỒN : ...

BAKOULA : Thủ đặt một giả thuyết. Nếu, tôi nói nếu, nếu có người muốn xin bà một tí mật gan, thì bà nghĩ tới ai?

HỒN : Quận tử ố kỵ vẫn chi trứ.

BAKOULA : Hả ? ! ...Bà nói tiếng la-tinh ?

HỒN : Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền...

Thế là hết. Hồn chỉ còn nói ngoại ngữ. Có vấn đề trình độ văn hoá, mà tôi thì hồi đó chưa học hết trung học.

2. Trước khi chia tay chúng tôi, bà Phùng thở dài :

- Khổ, con Thảo sống ra sao nào tôi có biết. Nó và tôi không thể trao đổi với nhau điều gì. Nó tâm sự mọi thứ với con Jeanne Tuyết. Con nhỏ mới khoảng 25 tuổi, Thảo nó coi như em gái. Nó thiếu em gái mà lị. Con Tuyết này vẫn minh lâm. Nhưng hơi kỳ kỳ, mấy ông phải cẩn thận.

Chúng tôi được bà cho số điện thoại di động của cô em, bắt được nàng ở chỗ tập thể dục, hẹn đến nhà nàng ngay sau đó.

Giữa Maurice Bakoula và Jeanne Tuyết xảy ra tiếng sét ái tình. Mới trông thấy chàng thám tử nhà nước, đôi mắt mở to của cô Tuyết đã chạy hết chỗ này qua chỗ kia trên thân thể người đàn ông. Còn Bakoula, hắn như kẻ bất chợt mất thăng bằng, cố gắng khom nửa người phía trên xuống thấp, đẩy phía dưới về đằng sau, như bị chao đảo vì một hiện tượng trong quân. Quả thật cô gái đẹp quá lố ! Người cô như muôn nổ tung ra khỏi lớp vải mỏng mềm. Tấm áo, không khuy nào chịu cài, cho đoán hai vú ở trần, mời mọc mọi tưởng tượng. Chiếc váy

cực ngắn, cao đến gần rốn, trải ra một bộ đùi dài vô tận. Mỗi cô rung rung hướng về môi Bakoula, hé mở từ từ cho đầu lưỡi ló dạng. « Hí anh ! » Câu chào hỏi dành trọn cho viên thanh tra, tôi không hiện hữu trên đời này. Bakoula chỉ còn gầm gừ như một con thú, mép mõm đầm ướt. Cô Tuyết mở nhẹ hai vat áo vét, cạ ngực mình vào người đàn ông. Mắt cô đã nhắm lại từ lời đón chào. Hơi thở cô bắt đầu trở thành một tiếng rên khe khẽ.

Từ đó tôi biết cuộc gặp gỡ này không cần thông dịch. Tôi dành nói với phần còn lại của Bakoula :

- Đại ca cố gắng đào thật sâu vấn đề. Đàn em ra ngoài hút thuốc.

Lúc họ chia tay nhau dưới đường, Jeanne Tuyết trách yêu anh cảnh sát bơ phờ :

- Làm gì vội thế ! Anh chẳng kịp hỏi cung em. Thôi đêm nay mình hẹn nhau trên internet vậy. Ở chat room⁴ của website⁵ Www.Vietvidai.Com. Trong phòng đó em sẽ tiết lộ hết cho anh, về đời chị Thảo.

Nhưng không bao giờ có cuộc tái ngộ của đôi uyên ương trong không gian giả tưởng. Gần tới giờ hẹn, ở một cybercafé nổi tiếng cạnh vườn Luxembourg, một thiếu nữ Việt gốc chết trên bàn phím máy vi tính, trước một màn ảnh còn tấm hình tổng hợp 3D, giữa một không khí ôn ào nhạc techno. Chỉ về sau mới biết, có chất xia-nuya trong ly coca cô uống ở tiệm.

3. Rồi hung tin đến từ xa. Ngày hôm sau, Bakoula chìa cho tôi coi bản sao một bức điện tín. Của Lãnh sự quán Pháp ở Saigon gửi thẳng Trung ương cảnh sát tư pháp Paris :

« Ngay khi nhận được điện tín của quý vị, chúng tôi đã tìm mọi cách liên lạc với ông Hoàng Ba Phi, công dân Pháp hiện ở Saigon, để báo tin về cái chết bi thảm của vợ ông, và đề nghị ông về gấp Paris gặp quý vị. Chưa có kết quả thì hôm nay phía chính quyền Việt Nam cho biết ông vừa tử thương trong một tai nạn giao thông. Chúng tôi biết tai nạn giao thông ngày càng nhiều ở thành phố này... »

Bakoula giáng lại tờ giấy :

- Tai nạn giao thông cái con khỉ khô ! Tao đã điện thoại về Sài Gòn hỏi cho ra hết sự thật. Sự thật là thằng cha này bị một chiếc mô-tô cố tình lao vào người, rồi chà đạp lên hắn nhiều lần trước khi bỏ chạy !

Cảnh sát Pháp có đầy đủ chi tiết. Từ mấy năm nay, ông Phi bỏ bê bà vợ, về Việt Nam đều đếu, lấy cớ là để chuẩn bị kinh doanh. Thật ra ông ta có một cô nhân tình xấp xỉ 20 tuổi. Ông Phi đã ngoài 50, có hối xuân cũng không là sớm. Hôm đó, ông và cô nhân tình đứng ở bến xe đò, chờ xe đi tắm biển Vũng Tàu. Nghe nói khi chết, ông còn bám chặt vào một cái ruột bánh xe to tướng và đen xì mang ra biển làm phao nổi. Chiếc mô-tô thuộc loại Dream Turbo S một ngàn năm trăm phân khối. Cô nhân tình chỉ bị sứt móng tay. Một tên lừa vợ, lợi dụng gái tơ, gây oán thù ở người khác, hắn được hai chính quyền đồng ý cho chết vì tai nạn giao thông là may lắm rồi. Cái chết vì xe cán, trong trường hợp này, đúng là sạch sẽ. Nhưng Bakoula tức giận là phải, chúng tôi một lần nữa mất đi một nguồn hiểu biết về cô Thảo.

Bakoula còn nghi ngờ :

- Biết đâu việc thủ tiêu thằng già đê này không dính líu mật

thiết với vụ giết vợ nó?

- Mô Mô, chắc mày đang nghĩ tới một tổ chức sát nhân có mạng lưới quốc tế.

Tính lanh mạn của Bakoula lại trở về :

- Kể ra đi An Nam một chuyến cưng thích. Có vịnh Along, có Cap Saint-Jacques, có trường Chasseloup-Laubat, có thịt chó...

4. Chúng tôi đến gặp ông Phùng, bố cô Thảo, ở Hội Cờ Tướng đường Choisy. Ông ra nơi này giải sầu, ngồi với mấy ông bạn đã về hưu, phần đông là người Hoa trước ở Cho Lớn. Thời gian ở đây nhảy lùi một phần tư thế kỷ, để từ đó đi về quá khứ. Bakoula bị thám không khí dư giả thì giờ, kiên nhẫn ngồi chờ ông Phùng nói hết những gì có từ đáy lòng.

Ông bắt đầu nói về cái chết như một khái niệm mới, vượt ra ngoài những nhân sinh quan cổ điển của Á Đông, ông đã nghiên cứu rất kỹ văn minh Tây phương nên tìm ra một triết lý kết hợp Đông và Tây từ cổ xưa đến ngày nay có tính chất vĩnh cửu lấy cái Hồn Việt làm lõi, chết và sống từ đó liên hệ hữu cơ với một vũ trụ muôn vàn kích thước trong đó động và tĩnh chỉ có thể hiểu từ góc độ Hồn Việt, Hồn Việt là một chân lý thật dễ giải thích nếu nhìn thấy rõ ràng bản chất của văn minh dựa trên sự hình thành của một bên là cái mà mọi người thường gọi là Ý một bên là một khám phá của cá nhân ông tạm gọi là Thức nhưng cái hiểu lâm lớn nhất cho tới nay của loài người là tưởng rằng Ý và Thức có thể gặp nhau khiến cho khái niệm thời gian trở thành mâu thuẫn với khái niệm không gian hậu quả ghê gớm là cái chết trở thành một đứt đoạn của đời sống giải pháp duy nhất là xây dựng lại từ đầu cái tư tưởng để ra mọi tư tưởng tức là cái lõi Hồn Việt...

Một tiếng đồng hồ đi qua, Bakoula và tôi say khướt, ngồi gật gù một cách tự động. Mọi suy nghĩ của Bakoula đã bị tràn ngập bởi Hồn Việt. Tôi thì không còn biết xoay xở làm sao với đống khái niệm ngắn ngang trong ý thức. Cái nào đáng lý ra cũng dễ hiểu, cái nào cũng quan trọng dễ sợ, bỏ sót một cái là tiêu đời. Hai chúng tôi cầm tay nhau chench chặng ra xe. Đầu óc căng thẳng cực độ, vì Chân Lý lảng vảng đâu đó rất gần. Quên hẳn những câu hỏi về cô con gái ông Phùng.

Mấy ngày sau, giữa chiều, hai tên thanh niên đột nhập vào Hội Cờ Tướng. Mỗi đứa mang một đầu Thằng Bờm phủ kín mặt và một chiếc kiếm dài. Ông Phùng đang thắng thế trong ván cờ trước mặt. Một tên vung kiếm chém ngang cổ ông. Chiếc đầu ông đứt lìa hắn khỏi thân, tung lên cao mấy phân, đổ xuống bàn cờ tướng, quân cờ tung toé. Ông còn lắc đầu quây quay một lúc mới ổn định. Máu chỉ tuôn ra sau đó, nhuộm đỏ dân con mả đen trong tay ông già sắp chiếu tướng. Hai Thằng Bờm không ngừng cười toe toét.

5. Cảnh sát dĩ nhiên nghiên cứu sổ hẹn của Trần Thị Trâm Thảo. Cuộc hẹn cuối cùng trước án mạng diễn ra chiều hôm trước đó. Ghi rõ: « Gặp Đoàn ở Café La Coupole - Nhớ mang giấy chứng nhận ». Sổ địa chỉ của cô Thảo có tên Nguyễn Văn Đoàn. Tôi hôm đó chúng tôi điện thoại, cô con gái ông Đoàn cho biết bố mẹ đi ăn cơm khách. Cô cho luôn tên và địa chỉ chủ nhà.

Ông bà Tiến có một biệt thự lớn ở Sceaux, phía ngoại ô Nam của Paris. Trước cổng nhà chúng tôi nghe rõ tiếng nhạc

và tiếng cười nói ôn ào. Bà chủ nhà mới mở cửa đã bị 2 cái sọ: 1) màu đen của Bakoula, ít nhất là phần nhìn thấy trong đêm; 2) thẻ cảnh sát của hắn dí vào mũi bà. Bà nắc lên 3 tiếng rồi chạy vội vào kiếng chống.

Bác sĩ Tiến đi ra trong bộ đồ khăn đóng áo dài. Giọng ông run lẩy bẩy :

- Xin mời quý vị... vào dự... cuộc vui... Mấy ông ạ, tôi thiêng trên đầu tổ tiên tôi, tôi là người lương thiện... Đúng là có thời kỳ tôi hoạt động chính trị, nhưng đó là cả chục năm nay rồi... Bây giờ vợ chồng tôi chỉ chơi...

Tôi phải giải thích rõ ràng mọi chuyện. Khi hiểu chúng tôi chỉ muốn gặp kỹ sư Đoàn, ông Tiến lấy lại bình tĩnh :

- Anh Đoàn đang chuẩn bị phần hát của mình. Quý vị, nếu có thì giờ, xin chờ cho xong phần đó, như vậy chương trình văn nghệ không bị xáo trộn. Mời quý vị tham gia dạ vũ. Ở đây chỉ toàn là bạn bè bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, thạc sĩ...

Bakoula và tôi bước vào với nụ cười gắn chắc trên môi. Phòng khách rất lớn, cả một đám đông chen chúc nhảy và ăn uống, nhạc đang là một bài tango trữ tình, với giọng khàn khàn của cô ca sĩ đứng giữa một ban nhạc sống. Ông Tiến nói thật, mọi người ở đây đều thuộc giới thượng lưu của cộng đồng người Việt : kim cương hột xoàn, y phục thời trang đắt tiền, những khuôn mặt tràn trề hạnh phúc, đồ ăn đồ uống khác hẳn những bữa cơm bình dân góc chợ.

Bản tango được tiếp nối bằng một màn ca vũ dân tộc, có tốp nữ và tốp nam. Thật là đẹp ! Các chị mặc áo tứ thân đeo yếm, đầu quấn khăn vải, tay cầm nón ba tầm. Các anh hoặc khăn đóng áo dài như ông chủ nhà, hoặc bà ba đen đích thực là nông dân. Những câu hò lời hát đối đáp nhau nhuần nhuyễn. Giữa tốp ca nam và tốp ca nữ, những cái nhìn lảng lơ và những cái lườm ác liệt làm không khí đậm tình quê hương. Vậy mà đứng gần tôi vẫn có kẻ xấu móm:

- Góm cái con mẹ Quế ! Đã bà ngoại rồi mà còn ỏn ẻn như gái còn trinh !

- Nhìn cái thằng Hưng kìa ! Tôi đã bảo bà là nó ngoại tình với con Thu mà. Đấy bà thấy, hai đứa nhìn nhau đắm đuối. Thằng luật sư Hưng này chuyên về các vụ ly dị, nó biết tốn kém ra sao, chẳng đời nào nó bỏ vợ đâu.

Rồi không lâu sau, viên cảnh sát và tên nhà báo chúng tôi trở thành cái định của dạ vũ. Đối tượng của mọi cặp mắt và lời xì xào khắp nơi. Tin đồn đại đã loan truyền nhanh chóng.

- Tao nghi cảnh sát đến chộp một đứa nào đó. Thích quá, mình sẽ được chứng kiến tận mắt một cảnh bất bối. Đố biết, trong bọn mình, ai sắp vào tù ?

- Đừng đùa ! Chuyện trầm trọng lắm. Chứ như trốn thuế thì tụi nó đâu đến còng tay giữa đêm khuya. Moa không sợ, nhưng không muốn bị bắt ngợ.

- Mấy ông nói bậy bạ. Theo tôi, hai thằng này đến bảo vệ một nhân vật chính trị quan trọng. Trong đám chõ này, tôi không ngạc nhiên nếu có một vị lãnh đạo phong trào đấu tranh cho dân chủ ở nước mình. Nước Pháp là đồng minh của chúng ta, đừng quên điều này.

- Ôi chuyện có gì đâu ! Tay nó thấy tụi mình họp đồng như vậy, mà ai cũng giàu có thành công, nên tụi nó đè phong kẽ ghen tuông tối phá, chỉ thế thôi. Tụi nó cẩn thận cũng có lý.

Bakoula đang điên loạn trong điệu twist khi ông Tiến hốt hơ hót hải chạy tới hắn. Mặt ông đã thành trắng đen, mặc dù bao nhiêu ánh đèn xanh đỏ bao trùm sàn nhảy. Ông xô viên cảnh sát về phía cầu thang, đẩy hắn lên lầu, mọi người chen lấn nhau phía sau.

Cảnh hải hùng trong một phòng ngủ : xác chết nằm ngửa, máu tươi tiếp tục lan tràn ra từ ngực, nơi cắm sâu một chiếc dao găm gần lút cán. Kỹ sư Đoàn mắt mờ toác. Ông mặc một bộ đồ dân tộc cao nguyên, đầu quấn khăn gắn lông, tay cầm những lời nhạc của bản « Bóng cây Ko-Nia ». Gần đó có ít nhất là 2 người ngất xỉu và 3 bãі nôn mửa. Những tiếng hét rít lên từ phía cầu thang đã út đọng người.

6. Mặt trời mới mọc khi chúng tôi phỏng xe tối chỗ ở của cậu Chiến, em cô Thảo. Lần này Bakoula mang theo khí giới nặng : một khẩu súng lục Magnum 722, trắng bóc, hỏa lực tương đương với một chiếc xe tăng thời đệ nhị thế chiến, vũ khí cá nhân tối tân nhất hiện nay.

Ngân hàng dữ liệu của cảnh sát không biết nhiều về cậu Chiến : 31 tuổi, độc thân, nghệ sĩ trong một lãnh vực chưa có định nghĩa chính xác, sống ngoài cộng đồng người Việt. Nhà cậu ta là một chiếc tàu nhỏ đậu trên sông Seine, ở khúc sông có cầu Issy, không xa nội thành Paris.

Chiến đẹp trai, thân hình nhỏ thon trong bộ quần áo bó sát người. Sống với một gã người Đức to lớn, nét mặt thuỷ mị, tên Hans Schroumpf. Nhìn họ, cái đầu óc lồi thời bảo thủ của tôi bám víu vào một hy vọng cuối cùng : quy chế PACS⁶ không áp dụng cho những cặp chung sống trên sông, không phải trong đất liền.

Nếu nghe theo cậu em thì Trần Thị Trầm Thảo là một con quỷ, không phải người. Ích kỷ tuyệt đối, ác hiểm, tàn nhẫn, hung dữ, dối trá, tham lam, hèn hạ, vân vân... tất cả những gì có thể có trong một nữ tính. « Tâm xà khẩu cẩu » : cô Thảo được tả như vậy. Trọn tuổi thơ ấu của Chiến đã bị bà chị biến thành một địa ngục, trong đó mọi tự do bị tước đoạt thô bạo, nhân phẩm của cậu ta bị nghiền nát đến cùng. Càng nói cậu Chiến càng giận dữ, nước bọt tung toé. Tôi không còn nghĩ ngòi gì nữa, thủ phạm đây rồi ! Nhưng Bakoula rõ ràng là dày kinh nghiệm, nét mặt hán lộ vẻ thất vọng chán nản.

Hắn hỏi cho xong :

- Theo anh, ai có lý do để hận thù chị anh đến độ muốn giết chị ?

- Bắt cứ người đàn ông nào trên đời này !

Một câu trả lời rõ ràng thông tin.

Bakoula và tôi rời tàu đi lên chỗ đậu xe. Linh tính bạn tôi một lần nữa thật nhạy bén. Hắn bất chợt quay phắt người, vụt chạy ngược trở lại. Quả nhiên có 2 gã đàn ông đang tiến về phía chiếc tàu, đội đầu Thằng Bờm, cầm súng tiểu liên. Bakoula vừa lao tới phía chúng, vừa rút Magnum. Tôi lấy hết sức chạy theo. Đến chỗ cách hai tên hung thủ khoảng 20 thước, viên thanh tra ngừng lại cú rụp, lấy thế đứng chắc, hai chân dang rộng, hai tay duỗi thẳng với khẩu súng nắm chắc trong hai bàn tay, đầu súng đi lại đều giữa hai bia người.

Một tiểu liên nổ đạn trước tiên, tiếng nổ liên tục, đạn ào àt bắn về phía Bakoula. Hắn bay xuống đất, lăn mấy vòng, đạn rách những đường dài sát người hắn. Rồi Magnum bắt đầu vào cuộc. Mỗi phát súng nổ như bom, đi đôi với một chớp ánh

sáng chói loà. Thằng chủ nhân chiếc tiểu liên khai chiến bị xé xác ra thành nghìn mảnh vụn, như ruốc bông vung vãi từ phía trong một bán kính gần 10 thước. Tôi nhào về phía thằng còn lại. Quên là mình tay không.

Người tôi đột nhiên đau nhói, khấp thắn, thịt ở nhiều chỗ cùng lúc bốc cháy, làm như có hàng loạt cơn đau xuyên thủng người. Tôi hiểu ngay. Không nhớ có chào vĩnh biệt Mô Mô chưa, người bạn tôi đã bắt đầu mến. Người ta thường nói, ở những phút cuối, có cả một chuỗi hình ảnh đi qua đầu, có khi đủ để tóm tắt cả một đời người. Nhưng trong trường hợp tôi, chỉ có một hình ảnh duy nhất. Lạ thay đó là một tờ giấy chứng nhận, không kịp đọc là chứng nhận gì.



Tôi ngồi bật dậy. Tim đập như muốn vỡ, hàm răng đụng vào nhau liên hồi, mồ hôi đầm đìa. Mắt từ từ nhận ra mình đang trong giường. Một vài vết nắng trên chăn cho thấy đêm đã qua. Tôi cố gắng thở lại đều, xoa nắn các mạch máu. Nhắc đi nhắc lại cho mình : tất cả chỉ là ác mộng, xong rồi, không có gì là thật...

Mấy ngày hôm nay tôi điên đầu vì vụ ly dị. Thảo tiếp tục đòi hỏi thêm. Tôi vẫn thiếu giấy tờ. Mỗi ngày tôi phải sống với cái sai lầm ngu дốt của mình. Thời vợ chồng hoà thuận, tôi để Thảo lo liệu hoàn toàn mọi giấy tờ : sổ sách về tiền bạc, tài liệu chưởng khế, giấy chứng nhận, biên lai, cuống séc... Bây giờ hồ sơ phía Thảo không thiếu một thứ gì, quan toà khen không ngớt. Hồ sơ tôi thì cứ xếp lép, luật sư chỉ biết thở dài. Cô ta đòi hết món tiền này đến món tiền khác. Của cải tôi cứ thế mà thành mây khói. Mỗi lần đến văn phòng của luật sư, gần Tháp Eiffel, là một lần ra cửa với đầy ý đồ đen tối.

Vũ Hồi Nguyên

tháng 2 năm 2000

- (1) Nhạc gốc Trung Đông
- (2) Nhạc cổ truyền Bồ Đào Nha
- (3) Có chứ ! Vừa thôi...
- (4) Nơi trên mạng internet cho phép người ta trao đổi trực tiếp với nhau
- (5) Một địa chỉ trên mạng internet
- (6) Một quy chế mới ở Pháp cho người đồng tình luyến ái thêm nhiều quyền lợi.

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Legal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063

địa chỉ điện tử ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 34

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, ABC, TCVN, VPS, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)